

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT
HOÀNG DUNG
-----o0o-----

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

DỰ ÁN: BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

Địa điểm: Xã Nghi Phú, thành phố Vinh tỉnh Nghệ An

- Nghệ An, tháng 07 năm 2024 -

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT
HOÀNG DUNG

-----CS * Đ-----

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN: BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN
Địa điểm: Xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
VIỆN KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG



VIỆN TRƯỞNG
TS. Phan Văn Việt

CHỦ DỰ ÁN
CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG
HÀM MẶT HOÀNG DUNG



Võ Thị Dung

MỤC LỤC

Chương I.....	69
THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	69
1. Tên chủ dự án đầu tư	69
2. Tên dự án đầu tư	69
2.1 Tên dự án đầu tư.....	69
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	71
3.1. Công suất của dự án đầu tư:.....	71
3.2. Công nghệ của dự án đầu tư:	71
3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:.....	73
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:	73
4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng.....	73
4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu giai đoạn hoạt động	76
5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:	79
5.2. Các hạng mục công trình chính của dự án	79
5.2.1. Các thông số quy hoạch xây dựng.....	79
Chương II	82
SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	82
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	82
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	82
Chương III	84
ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	84
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:.....	84
2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	84
2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải	84
2.1.1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải	84
2.1.2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải.....	87
2.1.3. Chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận nước thải	87
2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải:	87

2.3. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải	88
2.4. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải	89
3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án.....	89
Chương IV.....	91
ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	91
1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.	91
2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	91
2.1. Đánh giá, dự báo các tác động	91
2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện.....	103
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	114
3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư	114
3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường	115
3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	117
3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường	117
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:	118
4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá	118
4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá	118
Chương V	120
NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	120
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải.....	120
1.1. Nguồn phát sinh nước thải	120
1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa	120
1.3. Dòng nước thải	120
1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải	120
1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải	121
Chương VI.....	123
KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	123
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư:	123

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	123
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	123
CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	125
PHỤ LỤC BÁO CÁO	126

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD:	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTCT:	Bê tông cốt thép
BTNMT:	Bộ Tài Nguyên và Môi trường
CBNV:	Cán bộ nhân viên
COD:	Nhu cầu oxy hóa học
CP:	Chính phủ
CTNH:	Chất thải nguy hại
CTR:	Chất thải rắn
HTXL:	Hệ thống xử lý
PCCC:	Phòng cháy chữa cháy
TCVN:	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCXDVN:	Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp vật liệu thi công	74
Bảng 1.2. Các loại máy móc, thiết bị thi công.....	74
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động	76
Bảng 1.5. Danh mục nhiên liệu trung bình trong 1 tháng	77
Bảng 1.6. Danh mục thiết bị xưởng sửa chữa.....	79
Bảng 1.7. Các hạng mục công trình chính của dự án.....	80
Bảng 3.1. Biến trình nhiệt độ không khí qua các năm (Đơn vị: °C)	85
Bảng 3.2. Độ ẩm không khí đo được từ năm 2018 - 2020 (Đơn vị: %)	86
Bảng 3.3. Lượng mưa, bốc hơi đo được qua các năm	86
Bảng 3.4. Kết quả phân tích mẫu nước mặt	88
Bảng 3.5. Kết quả phân tích mẫu không khí khu vực dự án	89
Bảng 4.13. Nguồn gây ô nhiễm có liên quan đến chất thải giai đoạn hoạt động	91
Bảng 4.14. Tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông.....	92
Bảng 4.15. Tải lượng các chất ô nhiễm của máy phát điện dự phòng.....	93
Bảng 4.21. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hàng ngày.....	100
Bảng 4.22. Kích thước các bể trong hệ thống xử lý nước thải	108
Bảng 4.25. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	114
Bảng 4.26. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	116
Bảng 4.27. Dự trù kinh phí xây dựng các công trình xử lý môi trường	117
Bảng 4.28. Độ tin cậy của các phương pháp đánh giá tác động môi trường	119
Bảng 5.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải	121
Bảng 5.2. Tọa độ vị trí xả nước thải.....	122
Bảng 6.1. Kế hoạch thử nghiệm các công trình BVMT của dự án	123
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải	123

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Vị trí dự án	70
Hình 1.2. Sơ đồ quy trình hoạt động của khu bán hàng	72
Hình 4.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa	103
Hình 4.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt	104
Hình 4.5. Quy trình xử lý nước thải của dự án	106

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung

- Địa chỉ: Đại lộ Lê Nin, xóm 7, xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư: bà Võ Thị Dung, Chức vụ: Giám đốc;

- Điện thoại: 0976 616 066

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp: 2902105999, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 06 năm 2021, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 04 tháng 08 năm 2021 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

- Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/7/2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 14 tháng 05 năm 2021 của UBND tỉnh Nghệ An về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2023 của UBND thành phố Vinh về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

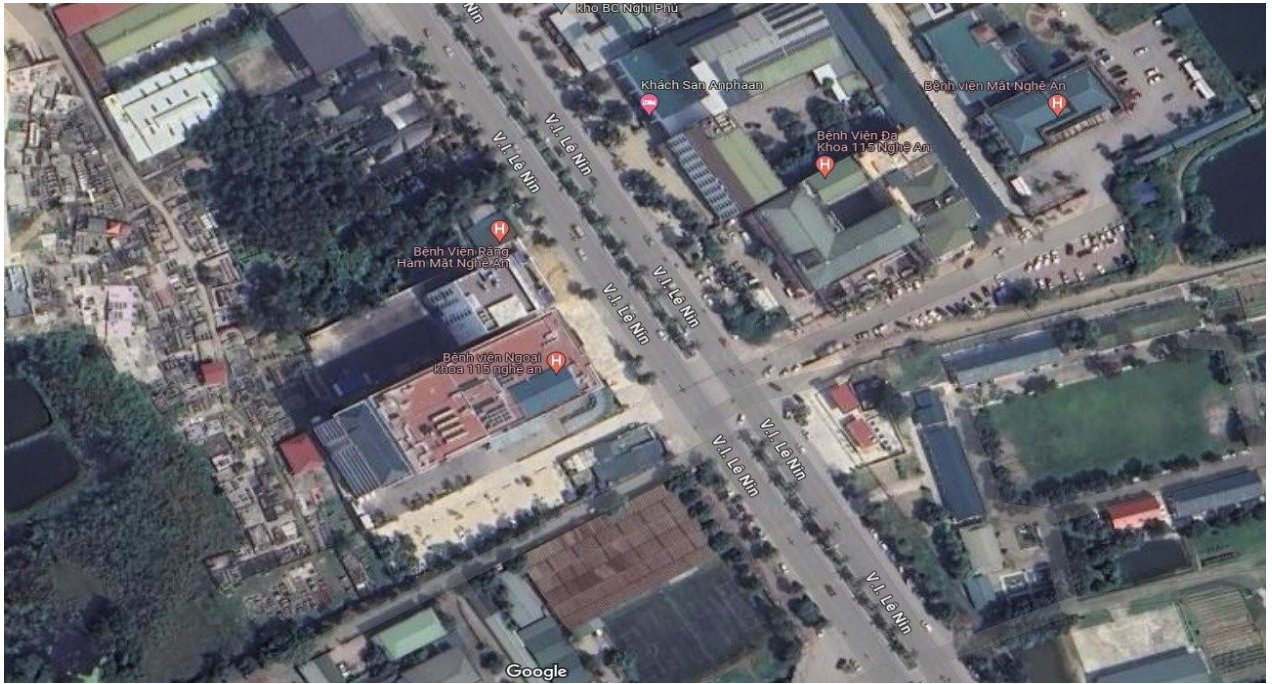
2. Tên dự án đầu tư:

2.1 Tên dự án đầu tư:

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư:

Xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.



Hình 1.1. Vị trí dự án

Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An có tổng diện tích theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh quy hoạch số 3035/QĐ-UBND ngày 23 tháng 08 năm 2023 của UBND thành phố Vinh là 2.897,60 m². Ranh giới tiếp giáp các phía dự án tổng thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh (quy hoạch rộng 56m);
- Phía Tây Bắc giáp: Công ty TNHH Thành Thái Thịnh;
- Phía Đông Nam giáp: Bệnh viện 115 (cơ sở 2);
- Phía Tây Nam giáp: Đất nông nghiệp.

Tổng diện tích khu đất quy hoạch xây dựng 2.897,60 m², được giới hạn bởi đường nối các điểm M1, M2, M3, M4 (bản vẽ mặt bằng điều chỉnh quy hoạch 1/500 đính kèm phụ lục báo cáo). Với tọa độ các điểm như bảng sau:

2.3. Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến dự án:

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Ủy ban nhân dân thành phố Vinh
- Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 08/GXN-UBND do UBND thành phố Vinh cấp ngày 17/8/2021.

2.4. Quy mô dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

- Dự án thuộc loại hình hoạt động trong lĩnh vực y tế. Dự án đã được cấp giấy xác nhận kế hoạch Bảo vệ môi trường số 08/GXN-UBND do Ủy ban nhân dân Thành

phố Vinh cấp ngày 17/08/2021. Căn cứ khoản 4, điều 41 luật Bảo vệ môi trường cơ sở là đối tượng cấp giấy phép môi trường cấp Thành phố. Báo cáo lập giấy phép môi trường cấp thành phố được thực hiện theo mẫu phụ lục XI kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

- Xây dựng nhà bệnh viện 7 tầng diện tích xây dựng 518,2 m².

- Xây dựng các công trình phụ trợ: căng tin, nhà xe, khu xử lý HTKT, nhà trực, nhà thuốc, cổng hàng rào, sân đường nội bộ...

- Xây dựng hệ thống cấp điện, cấp nước ngoài nhà đồng bộ, phù hợp với quy mô công trình.

3. Công suất, quy trình hoạt động, sản phẩm của dự án đầu tư:

3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án S = 2.897,60 m². Dự án Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An sau khi xây dựng hoàn thiện và đi vào hoạt động có quy mô 07 tầng để phục vụ trong đó:

- Quy mô: 25 giường bệnh nội trú;

- Bệnh viện Răng hàm mặt có cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ công tác khám chữa bệnh trung bình 300 lượt/ngày, điều trị nội trú, chăm sóc và phục hồi chức năng cho bệnh nhân với quy mô 25 giường bệnh, góp phần hoàn thiện, đồng bộ quy hoạch đô thị của thành phố Vinh, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Vinh nói riêng và tỉnh Nghệ An nói chung.

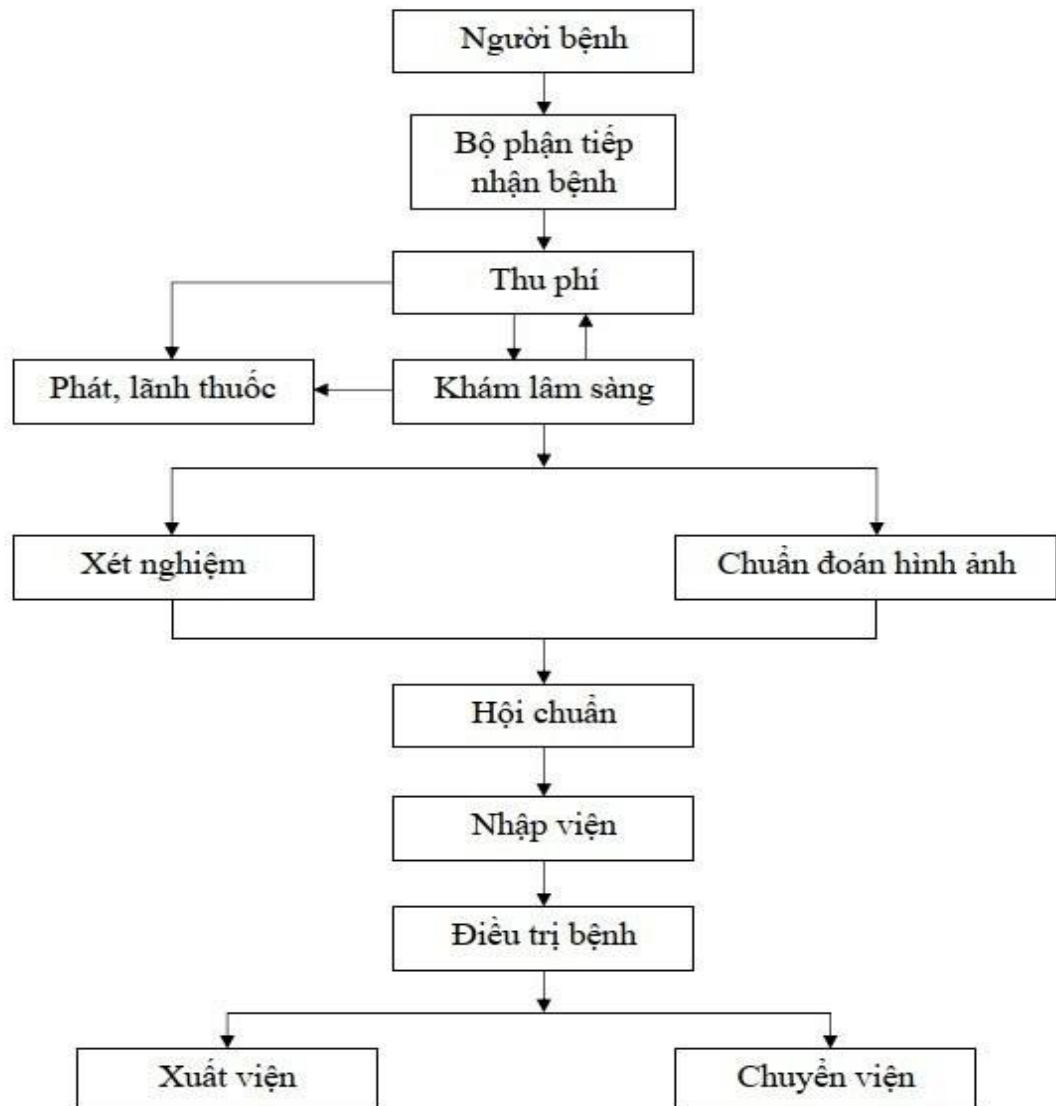
- Cán bộ nhân viên làm việc tại dự án: 150 cán bộ công nhân viên.

3.2. Quy trình hoạt động của dự án đầu tư:

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An là nơi tiếp nhận khám và điều trị cho người dân trên địa bàn và các vùng lân cận có nhu cầu tới khám, chữa bệnh. Tùy theo tình trạng hoặc nhu cầu của bệnh nhân mà bệnh viện sẽ tiếp nhận điều trị nội trú hay ngoại trú. Công nghệ sản xuất của cơ sở với quy trình vận hành cụ thể như sau:

Người bệnh → Bộ phận tiếp nhận bệnh → Thu phí → Khám lâm sàng → Xét nghiệm, chẩn đoán hình ảnh → Hội chẩn → Nhập viện → Điều trị bệnh → Xuất viện hoặc Chuyển viện (Bệnh chuyển nặng).

- Quy trình công nghệ của dự án như sau:



Hình 1.2. Sơ đồ quy trình công nghệ của dự án

Thuyết minh quy trình công nghệ của dự án:

Bệnh nhân đến bệnh viện được bộ phận tiếp nhận bệnh đón tiếp và lấy số thứ tự, chờ đến lượt khám bệnh. Bệnh nhân nộp phí theo quy định.

Kế tiếp, bệnh nhân được khám lâm sàng để cung cấp tình trạng sức khỏe, triệu chứng. Bệnh nhân có biểu hiện nhẹ sẽ được bác sỹ ra toa thuốc và ra về. Đối với bệnh nhân có biểu hiện bệnh cần phải tiếp tục khám cận lâm sàng đối với thủ thuật xét nghiệm hoặc chẩn đoán hình ảnh. Sau khi có kết quả cận lâm sàng, bệnh nhân sẽ được bác sỹ điều trị chẩn đoán và hội chẩn để có hướng điều trị thích hợp.

Trường hợp bệnh nặng cần nhập viện điều trị theo hướng dẫn của bác sỹ, theo quy trình sau:

+ Tiếp đón người bệnh vào khoa: Tiếp nhận người bệnh vào khoa, kiểm tra hồ sơ bệnh án, ký nhận với bên bàn giao và hướng dẫn làm thủ tục vào viện, bảo hiểm y tế, ký quỹ.

+ Tiếp nhận người bệnh tại giường: Nhận định đánh giá tình trạng người bệnh, đo dấu hiệu sinh tồn, cân nặng, chiều cao... Hướng dẫn người bệnh, người nhà thực hiện nội quy bệnh viện, người bệnh, biết sử dụng trang thiết bị, nhận chăn ga, giải đáp các ý kiến.

+ Khám và ra y lệnh: Khám người bệnh và ra y lệnh điều trị trên phần mềm: Ghi đầy đủ thông tin, giờ khám và y lệnh vào hồ sơ bệnh án. Hoàn chỉnh hồ sơ bệnh án trong vòng 24 giờ đối với bệnh nhân cấp cứu và 36 giờ đối với bệnh nhân thường.

+ Lập và thực hiện kế hoạch chăm sóc: Tiến hành lập kế hoạch chăm sóc, thực hiện, đánh giá và điều chỉnh kế hoạch khi cần; Thực hiện theo y lệnh của bác sĩ: Thực hiện các ghi chép phiếu thăm dò và chăm sóc của điều dưỡng đầy đủ: Hoàn thiện các ghi chép điều dưỡng, dán, lưu chỉ định kết quả xét nghiệm tại hồ sơ bệnh án. Theo dõi người bệnh trong quá trình điều trị: Hàng ngày, bác sĩ điều trị theo dõi diễn biến bệnh, ra y lệnh bổ sung: Nếu sau 48 giờ kể từ khi người bệnh nhập viện chưa có chẩn đoán xác định hoặc trong quá trình điều trị gặp khó khăn, bác sĩ điều trị đề xuất hội chẩn; Trường hợp người bệnh, cần thực hiện phẫu thuật. thủ thuật, bác sĩ giải thích các lợi ích, nguy cơ của phương pháp và thống nhất ý kiến với người bệnh/người đại diện hợp pháp của người bệnh, trước khi thực hiện theo quy định của bệnh viện và lưu trong hồ sơ bệnh án.

+ Chuẩn bị cho người bệnh chuyển viện hoặc chuyển khoa: Khi tình trạng người bệnh đã ổn định, thông báo cho điều dưỡng chăm sóc và điều dưỡng hành chính kế hoạch cho người bệnh ra viện, chuyển viện, chuyển khoa trước 24 giờ (trừ trường hợp đặc biệt), những y lệnh cần thực hiện trước khi người bệnh ra viện.

+ Điều dưỡng chăm sóc: Thông báo cho người bệnh hoặc gia đình người bệnh thời gian ra viện, chuyển viện, chuyển khoa trước 24 giờ (trừ trường hợp đặc biệt), hướng dẫn người bệnh cách tự chăm sóc và theo dõi tại nhà.

+ Cho người bệnh ra viện: Tiến hành cho người bệnh ra viện, chuyển viện, chuyển khoa theo quy trình thủ tục thanh toán cho người bệnh, ra viện.

3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An hoạt động với dịch vụ khám chữa bệnh Răng Hàm Mặt, quy mô 30 giường bệnh (điều trị nội trú và ngoại trú). Trong đó:

- Khám và điều trị ngoại trú trong ngày: 300 lượt/ngày.

- Khám và điều trị nội trú trong ngày: 25 bệnh nhân/ngày.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư:

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất

Địa điểm xây dựng Dự án nằm trong địa bàn xã Nghi Phú, thành phố Vinh, các loại vật liệu xây dựng chính, phụ đều được tập hợp từ các đại lý ở địa phương nên việc cung ứng vật liệu cho Dự án là thuận lợi.

Bảng 1.1. Bảng tổng hợp vật liệu thi công

TT	Vật liệu	Đơn vị tính	Tổng hợp vật tư	Trọng lượng	Khối lượng (tấn)
1	Cát xây, trát	m ³	6.627,8	-	6.627,8
2	Đá 1x2, 2x4, 4x6 các loại	m ³	4.583,3	-	4.583,3
3	Gạch lát	m ²	8.946,71	25 kg/m ²	233,67
4	Gạch xây	viên	1.816.250	2 kg/viên	3.632,5
5	Thép các loại	kg	1.351,92	-	1.351,92
6	Tôn lợp	m ²	5.406	-	504,06
7	Xi măng	kg	3.733.641	-	3.733,64
8	Ống nhựa HDPE các loại	m	2.103,7	0,675 kg/m	1.420
9	Sơn các loại	thùng	40	20 kg/thùng	800
10	Khung cột, xà gồ	kg	2.450	-	2.450
11	Kính các loại	m ²	112	30 kg/m ²	3360
Tổng					28.696,9

(Nguồn: Thuyết minh dự án)

4.1.2. Nhu cầu máy móc thiết bị

Giai đoạn thi công xây dựng sử dụng các loại thiết bị bao gồm:

Bảng 1.2. Các loại máy móc, thiết bị thi công

Tên loại máy	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Tình trạng
Máy đào 1,6m ³	Cái	03	Nhật Bản	Cũ (còn 80%)
Máy đầm bánh hơi tự hành 9T	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy đầm bàn 1kW	Cái	04	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy trộn bê tông	Cái	04	Nt	Cũ (còn 90%)
Ô tô tự đổ 10 tấn	Cái	10	Nt	Cũ (còn 90%)

Tên loại máy	Đơn vị	Số lượng	Nơi sản xuất	Tình trạng
Máy hàn điện 23kW	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy hàn nhiệt	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy cắt uốn cắt thép 5kW	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)
Máy ủi 108CV	Cái	03	Nt	Cũ (còn 80%)
Máy lu 8,5T	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)
Ô tô tưới ẩm 2m ³	Cái	01	Nt	Cũ (còn 80%)
Cầu tự hành	Cái	01	Nt	Cũ (còn 90%)
Vận Thăng	Cái	02	Nt	Cũ (còn 90%)

4.1.3. Nhu cầu sử dụng nước

- **Nước sinh hoạt:** trong giai đoạn xây dựng, có tối đa 50 công nhân làm việc trên công trường. Do công nhân chủ yếu là dân địa phương, cuối ngày về sinh hoạt tại gia đình nên theo tiêu chuẩn cấp nước quy định tại QCXDVN 01:2021, tiêu chuẩn sử dụng nước cho mỗi công nhân là 100 lít/ngày.

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt trong giai đoạn xây dựng là:

$$Q_{sh} = 50 \text{ người} \times 100 \text{ lít/người/ngày}/1000 = 5 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Nước xây dựng

+ Nhu cầu sử dụng nước xây dựng: do bê tông phục vụ công tác xây dựng các hạng mục chủ yếu được mua tại các trạm trộn bê tông nên nhu cầu sử dụng nước giai đoạn xây dựng khá ít khoảng 1 m³/ngày.

+ Nhu cầu nước bảo dưỡng máy móc, thiết bị: máy móc, thiết bị, phương tiện thi công được bảo dưỡng tại các trạm sửa chữa riêng, không thực hiện bảo dưỡng tại Dự án.

+ Nước rửa lốp xe và rửa thiết bị: lượng nước này ước tính khoảng 1 m³/ngày.

+ Nhu cầu nước phun tưới ẩm: (chiều dài đoạn đường tưới ẩm là 1km), tần suất 2 lần/ngày: 1 xe x 1 m³/xe x 2 lần/ngày = 2 m³/ngày.

Như vậy, nhu cầu sử dụng nước xây dựng là: $Q_{xd} = 4 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Tổng nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn xây dựng Dự án là: 9 m³/ngày.

- Nguồn cung cấp nước:

+ Nước cấp cho quá trình thi công xây dựng, tưới ẩm được cấp từ nước máy từ mạng lưới cấp nước của thành phố Vinh;

+ Nước uống cho công nhân sử dụng nước uống đóng bình.

4.1.4. Nhu cầu sử dụng điện

Điện năng sử dụng cho hoạt động của dự án trong giai đoạn xây dựng chủ yếu là điện thấp sáng cho khu lán trại, điện để hoạt động các loại máy móc sửa công trình,.....

- **Nguồn cung cấp điện:** nguồn điện được lấy từ tuyến 22KV trên trục đường Lê Nin do Công ty Điện lực Nghệ An quản lý.

4.2. Nguyên, nhiên, vật liệu giai đoạn hoạt động

4.2.1 Nhu cầu sử dụng điện, nước

- Nhu cầu sử dụng nước

- Nguồn cung cấp nước: nước cấp cho hệ thống được lấy từ đường ống cấp nước của thành phố Vinh trên đường Lê Nin, được cấp từ Công ty Cổ phần cấp nước Nghệ An đưa vào bể nước ngầm của dự án.

- *Tiêu chuẩn:* Căn cứ QCXDVN 01:2021

+ Cấp nước sinh hoạt cho cán bộ nhân viên dự án: 100 lít/người.ngđ;

+ Cấp nước cho bệnh nhân nội trú: 300 lít/người.ngđ;

+ Cấp nước cho bệnh nhân khám bệnh: 25 lít/người.ngđ;

+ Cấp nước tưới cây: 2 lít/m².ngđ (QCXDVN 01:2021);

+ Cấp nước chữa cháy theo TCVN 2622-1995: Cấp nước chữa cháy ngoài nhà là 25 lít/s, thời gian mỗi đám cháy 3 giờ, tính cho 1 đám cháy; cấp nước chữa cháy trong nhà là 02 họng chữa cháy, lưu lượng mỗi họng là 2,5l/s.

- *Quy mô tính toán:*

+ Cán bộ nhân viên dự án: 150 người

+ Bệnh nhân nội trú: 25 người/ngày, tiêu chuẩn cấp nước: 300 lít/người.ng.đ.

+ Bệnh nhân khám bệnh: 300 người/ngày, tiêu chuẩn cấp nước: 30 lít/người.ng.đ.

+ Sân đường nội bộ, bãi đỗ xe và cây xanh: Diện tích đất 1.964,9 m².

+ Diện tích sàn xây dựng: 3.654,2 m².

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động

TT	Đối tượng dùng nước	Đơn vị	Số lượng	Tiêu chuẩn cấp nước	Công suất (m³/ng.đ)
<i>1</i>	<i>Nước cấp sinh hoạt</i>				
1	Bệnh nhân nội trú	Người	25	300 l/ng/ng.đ	7,5
2	Bệnh nhân ngoại trú	Người	300	25 l/ng/ng.đ	7,5
2	Cán bộ công nhân viên	Người	150	100 l/ng/ng.đ	15
3	Nước rửa sàn	m ²	S_s = 3654,2	0,5 l/m ² sàn	1,8

Qsd					31,8
$Q_{max} = Q_{sd} \times 1,2$ (Hệ số không điều hòa $k=1,2$)					38,16
4	Nước tưới cây, rửa đường	m^3	$S_a = 1.964,9$	3 l/m^2	0,2
5	Nước PCCC	m^3	3 giờ	$2,5 \text{ l/s}$	36

- Nhu cầu sử dụng điện

Tổng nhu cầu sử dụng điện của dự án khi đi vào hoạt động dự kiến khoảng 230 kWh/ngày. Điện năng sử dụng cho hoạt động của dự án chủ yếu là điện thấp sáng cho các phòng và xưởng, điện để hoạt động các loại máy móc sửa chữa, điện dùng cho điều hòa, máy bơm, chiếu sáng..... Như vậy điện năng tiêu thụ tại Dự án được tính toán như sau:

Nguồn điện trung thế cấp vào được lấy từ đường dây 22 kV hiện hữu do Công ty điện lực thành phố Vinh thông qua hệ thống tủ phân phối trung thế với tủ cầu dao cách ly và máy cắt bảo vệ máy biến áp. Giải pháp thiết kế cho toàn bộ hệ thống cấp điện hạ thế trong khu vực dự án là hệ thống cấp điện hạ áp 0.4KV chôn ngầm.

Ngoài ra khi xảy ra mất điện thì toàn bộ các phụ tải của công trình sẽ được cấp nguồn từ hệ thống điện ưu tiên máy phát thông qua thiết bị chuyển nguồn tự động ATS. Máy phát điện được bố trí tại khu kỹ thuật điện trạm biến áp của công trình. Máy phát điện có công suất 110kVA. Nguồn ưu tiên cấp cho các phụ tải bao gồm: hệ thống PCCC, hệ thống máy bơm nước sinh hoạt, thang máy, chiếu sáng hành lang các tầng, quạt tăng áp...

4.2.2. Nhu cầu cung cấp nguyên liệu

Dự án hoạt động ngành nghề chính là cơ sở y tế (bệnh viện răng hàm mặt) phục vụ khám chữa bệnh nên nguyên liệu sử dụng chủ yếu là vật tư y tế được cấp phép lưu hành của Bộ Y tế, gồm các loại: Băng, bông, gạc y tế; Bơm tiêm các loại; Chỉ khâu, dung dịch và dây chuyên dịch; găng tay y tế; hóa chất xét nghiệm, cồn y tế, thuốc điều trị các loại.

- Máy móc, thiết bị phục vụ khám chữa bệnh của bệnh viện:

Bảng 1.4. Danh mục máy móc thiết bị y tế phục vụ công tác khám và chữa bệnh

TT	Tên thiết bị	ĐVT	Số lượng	Nguồn gốc
1	Giường nằm bệnh nhân	Cái	30	Việt Nam
2	Xe đẩy bệnh nhân	Cái	30	Việt Nam
3	Giàn khám nội soi	Cái	2	Hàn Quốc

4	Hệ thống máy hút bơm rửa	Cái	10	Hàn Quốc
5	Máy gây mê kèm thở Omeda	Cái	6	Mỹ
6	Monitor theo dõi bệnh nhân	Cái	30	Mỹ
7	Hệ thống máy chụp Xquang	Cái	1	Nhật Bản
8	Máy hút – nén khí	Cái	10	Mỹ
9	Dao mổ điện	Cái	6	Hàn Quốc
10	Bàn phẫu thuật	Cái	5	Hàn Quốc
11	Đèn phẫu thuật nhà mổ	Cái	5	Hàn Quốc
12	Hệ thống bồn rửa tay phẫu thuật	Cái	10	Hàn Quốc
13	Mũi khoan các loại	Cái	50	Hàn Quốc
14	Tay khoan, mũi khoan	Cái	20	Hàn Quốc
15	Máy cạo vôi răng	Cái	10	Hàn Quốc
16	Hệ thống vô trùng	HT	5	Hàn Quốc
17	Ghế nha khoa các loại	Cái	20	Hàn Quốc
18	Máy đo huyết áp	Cái	20	Hàn Quốc
19	Gương nha	Cái	50	Hàn Quốc
20	Kẹp gấp	Cái	50	Hàn Quốc
21	Đèn trám Halogen	Cái	30	Hàn Quốc
22	Thiết bị đo chiều dài ống tủy	Cái	10	Trung Quốc
23	Thám trâm	Cái	20	Trung Quốc
24	Lò hấp	Cái	5	Trung Quốc
25	Tủ tia cực tím	Cái	5	Trung Quốc
26	Máy khoan đặt trụ Implant	Cái	10	Trung Quốc

(Nguồn: Dự án đầu tư)

4.2.3. Nhu cầu nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

Bảng 1.5. Danh mục nguyên vật liệu, hóa chất sử dụng của cơ sở

TT	Tên dụng cụ	ĐVT	Khối lượng sử dụng trong 1 năm
1	Hóa chất sát trùng, khử trùng	Kg	100
2	Chất tẩy rửa	Lọ	70
3	Acid uric	Hộp	50
4	Bilirubin	Hộp	60
5	Cholesterol	Hộp	50
6	Creatinin	Hộp	50
7	Diluent	Hộp	90
8	Dung dịch bảo trì Probe	Lọ	5
9	Dung dịch rửa hàng ngày	Lọ	50

(Nguồn: Dự án đầu tư)

Dự kiến một số máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của dự án bao gồm:

- Thiết bị cho văn phòng làm việc như: máy tính, điện thoại, máy in,...
- Thiết bị phục vụ hạ tầng kỹ thuật máy bơm nước, trạm biến áp, tủ điện,...

Ngoài ra, chủ dự án dự kiến trang bị thêm 01 máy phát điện dự phòng công suất 110kVA để phục vụ các hoạt động của dự án trong trường hợp mất điện lưới.

5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư:

5.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

5.1.1. Các thông số quy hoạch xây dựng

Tổng diện tích khu đất $S = 2.897,60 \text{ m}^2$. Các thông số quy hoạch và chỉ tiêu kiến trúc như sau:

- Diện tích xây dựng công trình: $932,7 \text{ m}^2$;
- Diện tích sân đường nội bộ, bãi đỗ xe và cây xanh: $1.964,9 \text{ m}^2$;
- Mật độ xây dựng: 32,19%;
- Tầng cao xây dựng: 01- 07 tầng nổi.

5.1.2. Quy hoạch các công trình chính

Các công trình chính của dự án bao gồm:

Bảng 1.6. Các hạng mục công trình chính của dự án

Hạng mục	Đơn vị	Diện tích	Tầng cao	Hiện trạng
1. Cổng chính	-	-	-	Đã xây dựng
2. Cổng phụ	m ²	-	-	Đã xây dựng
3. Nhà bảo vệ	m ²	20,5	01 tầng	Đã xây dựng
4. Nhà thuốc	m ²	25,5	01 tầng	Đã xây dựng
5. Nhà bệnh viện	m ²	518,0	07 tầng	Đã xây dựng
6. Nhà căng tin	m ²	60,0	01 tầng	Chưa xây dựng
7. Nhà để xe, trạm bơm	m ²	234,7	01 tầng	Chưa xây dựng
8. Khu xử lý HTKT	m ²	74,0	-	Đã xây dựng
9. Bể nước ngầm	-	-	-	Đã xây dựng
10. Trạm biến áp	-	-	-	Đã xây dựng
11. Sân đường, cây xanh	-	-	-	Đã xây dựng

(Nguồn: Dự án đầu tư)

Quy mô 07 tầng với tổng diện tích sàn 3.654,2 m²; chiều cao công trình là 27,20 m, trong đó cốt nền cao hơn cos sân 0,60m. Tầng 1 cao 4,1m; tầng 2,3,4,5,6,7 cao 3,4m; tầng kỹ thuật mái cao 2,4m; giao thông theo phương đứng sử dụng 01 cầu thang bộ chính bố trí trung tâm nhà và 01 cầu thang bộ phụ bố trí hành lang bên, 2 thang máy; giao thông theo phương ngang sử dụng 03 hành lang trước rộng 2,4m.

Bố trí công năng sử dụng gồm:

- Tầng 1: Sảnh đón tiếp, diện tích 518,2m² bao gồm sảnh chính, khu tiếp đón, 01 khu lễ tân, 01 phòng hành chính, 01 phòng cấp cứu, 01 phòng chụp XQ, 01 phòng dược, kho dược, 01 phòng tư vấn, 04 phòng khám, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; Giao thông trục ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trục đứng gồm 02 cầu thang máy chở bệnh nhân và 02 cầu thang bộ.

- Tầng 2: Khu khám bệnh, diện tích 493m² bao gồm sảnh tầng, 01 khu lễ tân, 01 phòng chờ, 01 phòng hành chính, 01 phòng chụp XQ, 01 phòng tư vấn hô hấp, 02 phòng theo dõi, 08 phòng điều trị, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; Giao thông trục ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trục đứng gồm 02 cầu thang máy chở bệnh nhân và 02 cầu thang bộ.

- Tầng 3: Khu điều trị nội trú, diện tích 502m² bao gồm sảnh tầng 01 khu lễ tân, 01 phòng cho 01 phòng hành chính, 01 phòng chụp XQ. 01 phòng tư vấn hội chẩn, 02 phòng theo dõi, 08 phòng điều trị, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; Giao thông trực ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trực đứng gồm 02 cầu thang máy cho bệnh nhân và 02 cầu thang bộ.

- Tầng 4: Khu vực mổ, diện tích 505m² bao gồm sảnh tầng, 01 khu lễ tân, 01 phòng hành chính, 01 phòng chụp XQ, 01 phòng tư vấn hội chẩn, 01 phòng theo dõi, 01 phòng phẫu thuật thẩm mỹ hàm mặt, 01 phòng hậu phẫu, 01 phòng xét nghiệm, 01 phòng tiểu phẫu, 01 phòng phẫu thuật iplant, 01 phòng phẫu thuật thẩm mỹ, 01 phòng phó giám đốc, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; Giao thông trực ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trực đứng gồm 02 cầu thang máy chở bệnh nhân và 02 cầu thang bộ..

- Tầng 5: Khu kỹ thuật, nghiệp vụ, diện tích 502m² bao gồm sảnh tầng, 01 phòng trực, 01 phòng chờ; 01 phòng xử lý dụng cụ, 01 phòng theo dõi, 03 phòng labo, 02 phòng kiểm soát nhiễm khuẩn, 01 kho dụng cụ; 01 kho hồ sơ, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Giao thông trực ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trực đứng gồm 02 cầu thang máy chở bệnh nhân và 02 cầu thang bộ.

- Tầng 6: Kho chứa dụng cụ, thiết bị, diện tích 502m² bao gồm sảnh tầng, 01 phòng trực, 01 phòng cho 01 phòng phó giám đốc, 08 phòng bệnh, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt, Giao thông trực ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trực đứng gồm 02 cầu thang máy cho bệnh nhân và 02 cầu thang bộ.

- Tầng 7: Khu vực hành chính các phòng ban, diện tích 502m² bao gồm sảnh tầng, 01 phòng lễ tân, 01 phòng tiếp khách; 01 phòng giám đốc, 01 phòng kinh doanh, 01 phòng kỹ thuật máy, 01 phòng hành chính, 01 phòng kế toán thủ quỹ, 01 phòng họp nhỏ, 01 phòng hội trường, 02 phòng kỹ thuật, 02 khu vệ sinh nam, nữ riêng biệt; Giao thông trực ngang gồm 03 hành lang giữa và sảnh tầng, trực đứng gồm 02 cầu thang máy chở bệnh nhân và 02 cầu thang bộ.

- Tầng tum: Diện tích sàn 130 m² bao gồm tum và phòng kỹ thuật thang, mái BTCT đặt tẹt nước, bình khí.

5.2. Tổng mức đầu tư:

- Tổng mức đầu tư dự án: 52.000.000.000 đồng (Năm mươi hai tỷ đồng)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Dự án phù hợp với Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, dự án thuộc vùng 1 và ngành nghề sản xuất công nghiệp. Ngoài ra, theo Điều 22 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định về phân vùng môi trường, thì dự án không thuộc các khu vực phân vùng môi trường bảo vệ nghiêm ngặt và vùng hạn chế phát thải do không đi qua các khu vực khu dân cư nội thành, nội thị của các đô thị đặc biệt, loại I, loại II, loại III; không ảnh hưởng đến nguồn nước mặt dùng cho cấp nước sinh hoạt; không đi qua các khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học; khu vực bảo vệ I của di tích lịch sử - văn hóa; vùng lõi của di sản thiên nhiên...

Dự án phù hợp với định hướng phát triển các khu chức năng theo Quy hoạch chung thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đến năm 2030, tầm nhìn 2050 (được phê duyệt tại Quyết định số 52/QĐ-TTg ngày 14/1/2015 của Thủ tướng Chính phủ).

Dự án phù hợp với diện tích đất phi nông nghiệp theo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch thành phố Vinh (được phê duyệt tại Quyết định số 229/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An)

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Ngành nghề chính của dự án là cơ sở y tế (bệnh viện Răng hàm mặt) phục vụ khám chữa bệnh với trang thiết bị hiện đại giúp người dân tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế toàn diện, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống của nhân dân.

Lượng thải của dự án chủ yếu là là nước thải sinh hoạt của cán bộ nhân viên và khách hàng, ngoài ra còn phát sinh nước thải và chất thải y tế. Hệ thống xử lý nước thải dự án sử dụng công nghệ hóa lý kết hợp vi sinh có công suất 80 m³/ngày.đêm, đây là công nghệ phổ biến có hiệu quả xử lý cao, đảm bảo xử lý nước thải đạt quy chuẩn đầu ra cột B, QCVN 28:2010/BTNMT quy định giá trị thông số ô nhiễm của nước thải khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Về phương thức xả thải: Tự chảy, nước thải sau xử lý tự chảy vào hệ thống mương thoát nước dọc đường Lê Nin và ra Kênh Bắc trước khi chảy về nguồn tiếp nhận.

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố tại xã Hưng Hòa, thành phố Vinh. Nhà máy áp dụng công nghệ xử lý nước thải hiện đại kết hợp giữa cường bức thổi khí và công nghệ vi sinh. Đây là công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn Châu Âu. Hoạt động của dây chuyền bao gồm: Nước thải từ các khu dân cư qua hệ thống mương gom chảy về giếng thu, tại các giếng thu, hệ thống

máy bơm nước về nhà máy. Sau khi tách rác, dầu mỡ, bùn đất, nước thải được bơm vào 4 bể xử lý mỗi bể có dung tích 4000 m³. Tại đây, nước thải sục khí kết hợp với xử lý bằng vi sinh vật. Sau 6 giờ nước được chuyển sang bể xử lý hóa chất, khi đạt tiêu chuẩn quy định nước được thải ra môi trường.

Việc đánh giá khả năng tiếp nhận của đối với nước thải của dự án chỉ mang tính chất tương đối. Tổng khối lượng nước thải dự án có khối lượng nhỏ, đã được xử lý bằng công nghệ phù hợp đạt Quy chuẩn Việt Nam trước khi dẫn về nhà máy xử lý nước của thành phố Vinh để tiếp tục xử lý nên việc đánh giá việc xả thải của dự án đối với khả năng tiếp nhận của môi trường được đánh giá là phù hợp.

Chương III

ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật:

Qua điều tra, khảo sát khu vực dự án cho thấy nước thải của dự án sau khi xử lý đạt quy chuẩn đầu nối vào mương thoát nước dọc đường Lê Nin thuộc hệ thống thoát nước thành phố và theo hệ thống thoát nước trên đường Lê Nin về kênh Bắc tiếp tục xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố; nguồn tiếp nhận khí thải là môi trường không khí khu vực dự án. Các thành phần môi trường này nhìn chung chưa có hiện tượng ô nhiễm.

Hiện trạng môi trường của dự án được mương tiếp nhận nước thải của dự án là mương thoát nước dọc đường Lê Nin thuộc hệ thống thoát nước thành phố. Theo dữ liệu mà đơn vị tư vấn phối hợp với Công ty Cổ phần Quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương thực hiện tại dự án thì nhìn chung chất lượng nguồn nước tại khu vực chưa bị ô nhiễm về chất lượng, các chỉ tiêu phân tích không có thông số nào vượt giới hạn cho phép.

Dự án nằm khá gần với khu dân cư, khoảng cách đến nhà dân gần nhất khoảng 30m về phía Bắc và phía Tây của dự án, do đó trong quá trình triển khai xây dựng và đi vào hoạt động có khả năng ảnh hưởng đến khu vực dân cư xung quanh, Nhất là các tác động có liên quan đến tiếng ồn và độ rung, do đó chủ dự án cần có các biện pháp giảm thiểu tác động nói trên.

Kết quả điều tra khảo sát hiện trạng tài nguyên sinh vật của đơn vị tư vấn cho thấy: xung quanh khu vực dự án không có loài động, thực vật nào quý hiếm sinh sống. Do khu vực thực hiện dự án là một trong những khu vực phát triển của thành phố Vinh nên cùng với sự đô thị hóa khiến cho số lượng và các thành phần động thực vật tự nhiên suy giảm. Các loài động vật khu vực xung quanh gồm các loại gia cầm, côn trùng như muỗi, sâu, giun...

Trong khu vực Dự án và vùng lân cận (bán kính 1km) không có Vườn Quốc gia, Khu bảo tồn thiên nhiên, các giá trị sinh thái quan trọng được quy định bảo tồn bởi luật pháp Việt Nam hay các công ước, hiệp ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia.

2. Mô tả về môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Nước thải sau xử lý được thoát ra theo mương thoát nước D200, I = 0,5% nội bộ trong khuôn viên dự án trước khi đầu nối vào cống thoát nước trên đường Lê Nin sau đó chảy về Kênh Bắc được thu gom xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố, sau đó thải ra sông Rào Đùng.

2.1. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

2.1.1. Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải

a. Điều kiện địa lý, địa hình:

Nguồn tiếp nhận nước thải của Dự án là hệ thống thoát nước của thành phố trên đường V.I.Lênin dẫn về Kênh Bắc qua hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố xử lý trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng, thuộc địa phận xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Khu vực xả thải thuộc địa phận xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Địa hình khu vực nghiên cứu là dạng địa hình đồng bằng, được bồi đắp bởi sông Lam và các phụ lưu của nó. Bề mặt khá bằng phẳng, cao độ địa hình từ 0,3-1m. Địa hình khu vực xung quanh dự án bằng phẳng, đã xây dựng nhà ở, công trình dân dụng.

Kênh Bắc là tuyến kênh cấp 1, hướng thoát nước chính cho khu vực phía bắc thành phố với một lưu vực 1373 ha, bao gồm các xã Nghi Phú, Hưng Đông, Hưng Lộc và các phường Hà Huy Tập, Hưng Bình, Lê Lợi, Hưng Dũng. Tuyến kênh chảy giữa lòng thành phố, có đoạn đi sâu vào khu dân cư và có đoạn chạy dọc theo trục đường Nguyễn Sỹ Sách - một trục đường lớn của thành phố.

Kênh Bắc và khu vực hai bên bờ kênh theo quy hoạch chung của thành phố Vinh đến năm 2030, bao gồm hai đoạn:

+ Đoạn 1: từ đường Mai Hắc Đế đến cầu Kênh Bắc, chiều dài 1240m, có kết cấu công hợp bê tông cốt thép, có đường nội bộ của khu dân cư hai bên.

+ Đoạn 2: từ cầu Kênh Bắc đến cầu Bưu Điện, chiều dài 2060m, chạy dài giữa hai con đường Phùng Chí Kiên và đường Nguyễn Sỹ Sách là hai trục đường lớn của thành phố.

b. Điều kiện khí hậu

- **Nhiệt độ:** dự án nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa Bắc Trung Bộ. Nhiệt độ trung bình của khu vực triển khai Dự án là 24⁰C. Trong năm khí hậu được chia làm 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa khô kéo dài từ tháng 4 đến tháng 9, khí hậu khô nóng nhất là từ tháng 6 đến tháng 8, nhiệt độ cao nhất là 42⁰C. Mùa này có gió Đông Nam và đặc trưng là gió Lào thổi qua.

+ Mùa mưa kéo dài từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, nhiệt độ thấp nhất là 7⁰C, mùa này có gió chính là gió Đông Bắc.

Bảng 3.1. Biên trình nhiệt độ không khí qua các năm (Đơn vị: ⁰C)

Năm Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	TB
2021	16,7	17,4	20,7	24,3	28,3	29,1	30,6	28,4	26,7	24,9	21,5	18,4	23,9
2022	17,3	18,4	21,1	24,9	28,0	28,9	30,1	29,6	26,2	24,7	22,6	18,1	24,2
2023	17,5	17,9	20,4	24,1	27,7	29,4	29,7	28,7	26,9	24,5	21,5	18,7	23,9

TB	17,2	17,9	20,7	24,4	28,0	29,1	30,1	28,8	26,6	24,7	21,8	18,4	24,0
----	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ)

- **Độ ẩm:** Đây là vùng có khí hậu nóng ẩm, do đó độ ẩm trong vùng tương đối lớn, độ trung bình khoảng 85% và không có sự chênh lệch nhiều qua các tháng trong năm.

Bảng 3.2. Độ ẩm không khí đo được từ năm 2018 - 2020 (Đơn vị: %)

Năm Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	Min
2021	91,0	95,0	93,0	90,0	86,0	80,0	79,0	78,0	81,0	86,0	87,0	89,0	78,0
2022	93,0	96,0	95,0	88,0	84,0	79,0	81,0	79,0	79,0	83,0	85,0	91,0	79,0
2023	94,0	92,0	91,0	89,0	87,0	76,0	82,0	81,0	87,0	85,0	84,0	90,0	76,0
TBM	92,7	94,3	93,0	89,0	85,6	78,3	80,7	79,3	89,0	84,7	85,3	90,0	78,3

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Bắc Trung)

- Bức xạ

+ Số giờ nắng trung bình năm từ 1.600 giờ đến 1.700 giờ. Bức xạ tổng cộng đạt 125-135 kcal/cm²/năm.

+ Từ tháng 6 đến tháng 8 hàng năm bức xạ tổng cộng lớn hơn 400 kcal/cm²/ngày, thời gian còn lại trong năm đều nhỏ hơn 400 kcal/cm²/ngày.

- Đặc điểm mưa

+ Khu vực Dự án có lượng mưa phân bố không đồng đều trong năm. Mùa Đông, mùa Xuân lượng mưa nhỏ, mặc dù thời gian mưa có thể kéo dài nhưng chủ yếu là mưa phùn, hai mùa này thường kết hợp mưa dầm và có gió mùa Đông Bắc, lượng mưa hai mùa này chiếm khoảng 20% lượng mưa hàng năm. Lượng mưa tập trung vào mùa Hạ và đặc biệt là mùa Thu, chiếm khoảng 80% lượng mưa cả năm, đặc biệt cuối thu thường mưa rất to. Lượng mưa trung bình hàng năm đạt 1.400 đến 1.600mm.

Bảng 3.3. Lượng mưa, bốc hơi đo được qua các năm

Năm Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
2021	65,6	41,3	57,4	50,7	60,6	107,3	121,4	223,1	198,9	220,5	114,3	92,2
2022	62,7	43,7	51,4	52,3	59,3	179,5	137,3	216,4	214,3	135,4	103,2	87,2
2023	64,5	47,9	57,1	51,6	63,2	143,1	146,7	173,6	198,6	144,9	126,7	90,5

Tổng	192,8	132,9	165,9	154,6	183,1	429,9	405,4	613,1	611,8	500,8	344,2	269,9
TBM	37,8	44,3	55,3	51,5	60,0	143,3	135,1	204,4	203,9	166,9	114,7	90,0

(Nguồn: Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ)

Lượng mưa tháng lớn nhất: 220,5 mm (tháng 10/2021).

Qua phân tích các điều kiện tự nhiên ta thấy, đây là khu vực có nhiệt độ ổn định theo mùa, lượng mưa trung bình, nắng nhiều, ít xảy ra ngập lụt. Việc lựa chọn địa điểm thực hiện dự án tại khu vực này sẽ có nhiều thuận lợi cho việc thi công cũng như khi dự án đi vào hoạt động.

2.1.2. Hệ thống sông suối, kênh, rạch, hồ ao khu vực tiếp nhận nước thải

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là hệ thống thoát nước dọc đường Lê Nin chảy về Kênh Bắc đoạn cầu bưu điện và được xử lý tại nhà máy xử lý nước thải tập trung của thành phố, sau đó thải ra sông Rào Đùng.

Cách dự án khoảng 2km là kênh Bắc, tuyến kênh thoát nước chính của khu vực phía Bắc thành phố, cách dự án 5km về phía Đông Nam có dòng sông Lam.

Trong vòng bán kính 1km từ nguồn tiếp nhận nước thải được khảo sát tại điểm tiếp nhận nước thải tại mương thoát nước trên đường 72m, các nguồn thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư lân cận và các cơ sở kinh doanh dịch vụ. Các thành phần ô nhiễm thường thấy ở nước thải sinh hoạt là BOD5, COD, tổng N, tổng P... Nước thải sinh hoạt thường được xử lý qua bể tự hoại của các hộ gia đình trước khi thải ra ngoài.

2.1.3. Chế độ thủy văn của nguồn nước tiếp nhận nước thải

Lưu lượng mương thoát nước thay đổi theo mùa, hướng dòng chảy từ Bắc xuống Nam, lưu lượng nước đạt cực đại vào các mùa mưa do lượng nước mưa được tăng cường và quá trình thấm thấu nước dưới đất cũng diễn ra với cường độ lớn cũng như lượng nước chảy từ các vùng khác cũng nhiều hơn. Ngoài ra chế độ thủy văn của mương còn phụ thuộc phần lớn vào hoạt động sinh hoạt của người dân xung quanh mương.

Tại khu vực tiếp nhận nước thải, hệ thống mương thoát nước có chiều rộng 1,5 m, độ sâu từ 1m, hướng dòng chảy Đông Bắc - Tây Nam, tốc độ dòng chảy của khoảng 0,5 m/s, lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất 8,1 m³/s.

2.2. Chất lượng nguồn tiếp nhận nước thải:

2.2.1. Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Nguồn nước tiếp nhận nước thải tại thời điểm khảo sát có hơi đục, không có mùi đặc biệt, không có hiện tượng bất thường. Hiện tại, không thấy hiện tượng bất thường về chất lượng nước, sinh vật thủy sinh trong dòng nước.

2.2.2. Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Để đánh giá chất lượng nguồn nước tiếp nhận, đơn vị tư vấn đã phối hợp với Công ty Cổ phần Quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương tiến hành lấy mẫu nước tại kênh Bắc đoạn chảy qua phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Kết quả chất lượng nước mặt tại kênh Bắc đoạn chảy qua phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 3.4. Kết quả phân tích mẫu nước

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
1	pH	-	7,4	6,0-8,5
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	25	>100 và không có rác nổi
3	BOD ₅	mg/l	8,5	≤10
4	COD	mg/l	17	≤20
5	DO	mg/l	4,7	≥4,0
6	NH ₄ ⁺	mg/l	0,21	0,3
7	NO ₃ ⁻	mg/l		
8	Tổng P	mg/l	5,3	6
9	Coliform	MPN/ 100 ml	4.700	5.000

Ghi chú : (-): không quy định

Nhìn chung chất lượng nguồn nước tại khu vực chưa bị ô nhiễm về chất lượng, các chỉ tiêu phân tích không có thông số nào vượt giới hạn cho phép với QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

2.3. Hoạt động khai thác, sử dụng nước tại khu vực tiếp nhận nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải của dự án là mương thoát nước dọc tuyến đường Lê Nin:

+ Mương tiếp nhận nước thải của dự án và nước thải các hộ dân, các cơ sở nằm tiếp giáp trực đường Lê Nin.

+ Mương thoát nước có chức năng tiêu thoát nước mưa của khu vực dự án và khu vực xung quanh dự án.

+ Mương không sử dụng vào mục đích cấp nước cho hoạt động nào khác.

- Đối với nước sinh hoạt của người dân: người dân gần khu vực dự án chủ yếu sử dụng nguồn nước nhà máy nước thành phố Vinh để phục vụ cho mục đích ăn uống và sinh hoạt

2.4. Hiện trạng xả nước thải vào nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải

Ngoài dự án có hoạt động xả nước thải vào hệ thống thoát nước trên đường Lê Nin, xung quanh khu vực còn có các nhà hàng công sở, cửa hàng kinh doanh buôn bán và nhà dân. Quanh khu vực nguồn xả thải lớn là các nhà hàng, cơ sở kinh doanh và hộ dân trong thành phố....

Các nguồn thải lân cận chủ yếu là nước thải sinh hoạt, thường chứa nồng độ chất rắn lơ lửng, BOD, tổng N, tổng P và Coliform nhưng cũng đã được xử lý sơ bộ tại nguồn trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Chất thải từ các hộ gia đình xung quanh khu vực mương tiêu thoát nước khu vực chủ yếu là chất thải từ các bể tự hoại gia đình, chất thải từ hoạt động nấu nướng, sinh hoạt của các hộ gia đình... nước thải thường chứa các thông số chất rắn lơ lửng, BOD₅, tổng N, tổng P và Coliform; chế độ xả thải gián đoạn. Lưu lượng xả nước thải phụ thuộc vào quy mô dân cư và thói quen sinh hoạt của người dân địa phương.

3. Đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá chất lượng các thành phần môi trường nền trong khu vực thực hiện dự án, Viện khoa học và Phát triển công nghệ Môi trường đã phối hợp với Công ty Cổ phần Quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích đánh giá các thành phần môi trường không khí tại khu vực dự án.

+ Đợt 1: thực hiện vào ngày 14/11/2023;

+ Đợt 2: thực hiện vào ngày 15/11/2023;

+ Đợt 3: thực hiện ngày 16/11/2023.

- Vị trí lấy mẫu: chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn khu vực thực hiện dự án được khảo sát tại 01 vị trí như sau:

+ KK: mẫu không khí tại khu vực trung tâm Dự án.

Kết quả phân tích được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.5. Kết quả phân tích mẫu không khí khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK	KK	KK	
1	Bụi	µg/m ³	171	182	174	300

TT	Thông số	Đơn vị	Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	QCVN 05:2023/ BTNMT
			KK	KK	KK	
2	CO	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	<4.000	<4.000	<4.000	30000
3	SO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	105	98	101	350
4	NO ₂	$\mu\text{g}/\text{m}^3$	90	60	82	200
5	Tiếng ồn	dBA	49,1	53,9	56,0	70 ⁽¹⁾

(Nguồn: Công ty CP quan trắc và xử lý môi trường Thái Dương)

Ghi chú: QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

(1) QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

Nhận xét: Qua bảng phân tích cho thấy nồng độ các chỉ tiêu phân tích không khí tại 03 đợt khảo sát đều nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN 05:2023/ BTNMT và QCVN 26:2010/ BTNMT. Như vậy chất lượng môi trường không khí khu vực Dự án chưa có dấu hiệu ô nhiễm.

Chương IV

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Việc đánh giá những tác động môi trường của Dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường được xem xét theo 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I: Giai đoạn thi công xây dựng.
- Giai đoạn II: Giai đoạn hoạt động.

1. Đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

Hiện tại các công trình của dự án đã cơ bản hoàn thành xây dựng nên báo cáo không đánh giá tác động và đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng.

2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh chất thải

Trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát sinh chất thải từ các nguồn sau:

Bảng 4.1. Nguồn gây ô nhiễm có liên quan đến chất thải giai đoạn hoạt động

TT	Các loại chất thải	Nguồn gây ô nhiễm	Thành phần của các chất gây ô nhiễm	Đối tượng chịu tác động
1	Nước thải	Nước mưa chảy tràn Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ăn, hoạt động sinh hoạt của cán bộ nhân viên. Nước thải y tế	- Chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân huỷ, cặn lơ lửng, dầu mỡ, vi khuẩn. - Dầu mỡ khoáng, cặn lơ lửng	Ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt và nước dưới đất xung quanh khu vực Dự án. Thời gian tác động: Diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

TT	Các loại chất thải	Nguồn gây ô nhiễm	Thành phần của các chất gây ô nhiễm	Đối tượng chịu tác động
2	Khí thải, tiếng ồn, mùi	<ul style="list-style-type: none"> - Từ máy điều hòa, máy phát điện, hoạt động đun nấu - Hoạt động xe cộ ra vào dự án - Hoạt động khám chữa bệnh - Khí thải phát tán từ các dung môi hữu cơ bay hơi. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khí thải CO_x, NO_x, SO_x, mùi, bụi - Mùi các chất hữu cơ bay hơi - Vi khuẩn gây bệnh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến sức khỏe cán bộ, nhân viên và khách hàng - Tác động gián đoạn không thường xuyên trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Chất thải rắn thông thường và chất thải y tế - Chất thải nguy hại 	<ul style="list-style-type: none"> - Bao bì các loại, giấy loại, thực phẩm dư thừa - Chất thải nhiễm hóa chất - Rác hữu cơ, thủy tinh, nhựa, bông gạc - Cao răng, răng hư hỏng, xi măng trám. - Chất thải nguy hại: ắc quy, bóng đèn neon hỏng, pin, dầu mỡ thải. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ảnh hưởng đến chất lượng đất xung quanh khu vực Dự án do phát sinh chất thải rắn. - Thời gian tác động: Diễn ra trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

a. Bụi và khí thải

a.1. Ô nhiễm bụi và khí thải từ hoạt động giao thông tại dự án

Khi Dự án đi vào hoạt động, các phương tiện giao thông cũng sẽ là một nguồn phát sinh ô nhiễm do khí thải. Các loại phương tiện ra vào khu này bao gồm: xe ô tô, xe mô tô, xe tải chở hàng hóa ra vào dự án...

Trong quá trình hoạt động, các phương tiện vận tải này với nhiên liệu chủ yếu là xăng và dầu diesel sẽ thải ra môi trường không khí một lượng khói thải tương đối lớn chứa các chất ô nhiễm như NO₂, CO, CO₂, VOC,... Nồng độ các khí này phụ thuộc vào mật độ xe và chủng loại xe chạy qua khu vực.

Bảng 4.2. Tải lượng ô nhiễm do các phương tiện giao thông

STT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/km)	
		Xăng	Diezel
1	CO	60	0,69 - 2,57
2	VOC	5,9	0,14 - 2,07
3	NO _x	2,2	0,68 - 1,02
4	Muội (C)	0,22	4,28
5	SO ₂	0,17	0,47
6	Chì (Pb)	0,49	-

(Nguồn: Ripid Environmental Assessment, WHO.1995)

Do lưu lượng xe ra vào khu vực phân tán, không diễn ra đồng thời và khu vực dự án rộng, thoáng đãng, xung quanh khu Dự án trồng nhiều loại cây bóng mát, các tòa nhà được thiết kế hiện đại, có thông gió nên ảnh hưởng của loại ô nhiễm này là không đáng kể.

Tuy nhiên, tại các khu vực tầng trệt bụi khí và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông là khá lớn. Lượng khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra và dừng đỗ xe và khởi động máy nếu không có phương án thông gió và thoát khí sẽ gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, cán bộ công nhân viên và khách ra vào tòa nhà.

a.2. Khí thải từ máy phát điện

Để ổn định cho hoạt động của khu dự án trong trường hợp mạng lưới có sự cố, chủ dự án sử dụng 1 máy phát điện dự phòng với công suất 110kVA, sử dụng nhiên liệu dầu DO. Trong quá trình vận hành, khí thải từ máy phát điện có chứa các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOC), dioxit lưu huỳnh (SO₂), Oxit cacbon (CO), hydrocacbon và andehyt (RHO). Các tác nhân trên sẽ là nguồn gây ô nhiễm không khí cho khu vực Dự án.

Khi chạy máy phát điện, định mức tiêu thụ nhiên liệu khoảng 68,9 lít dầu DO/h cho loại máy 110kVA. Nếu tính theo hệ số quy đổi dầu diezel (0,5%S) từ lít sang kg là: 1 lít dầu diezel = 0,85kg, thì $68,9 \text{ lít} \times 0,85\text{kg} = 58,57\text{kg} \approx 0,059 \text{ tấn dầu diezel/h}$.

Theo phương pháp đánh giá nhanh của WHO, ta có hệ số ô nhiễm của máy phát điện từ đó tính được tải lượng các chất ô nhiễm phát sinh từ máy phát điện dự phòng như sau:

Bảng 4.3. Tải lượng các chất ô nhiễm của máy phát điện dự phòng

TT	Các chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg/tấn nhiên)	Tải lượng (kg/h)
----	------------------	------------------------------	------------------

		liệu)	
1	Bụi	0,71	0,017
2	SO ₂	20S	0,476
3	CO	2,19	0,052
4	NO _x	9,62	0,229
5	VOC	0,79	0,019

(Nguồn: Đánh giá nhanh tải lượng ô nhiễm, WHO, 1995)

Ghi chú: S: là hàm lượng lưu huỳnh trong dầu (0,25%)

Các loại khí thải trên đều có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và các nguồn phát thải này không liên tục, không tập trung mà phân bố rải rác trong không gian rộng thoáng nên lượng khí thải phát sinh sẽ được pha loãng trong không khí, vì vậy nồng độ các khí độc hại này trong môi trường sẽ không lớn nên yếu tố này được đánh giá ở mức độ trung bình, ít ảnh hưởng đến khu vực cộng đồng dân cư xung quanh.

a.3. Khí thải do hoạt động đun nấu

Khói thải từ nhiên liệu sử dụng trong hoạt động nấu nướng tại nhà bếp của dự án cũng là một nguồn khí thải.

Thời gian đun nấu thức ăn tập trung chủ yếu vào các giờ cao điểm như buổi trưa (10h – 12h) và buổi tối (17h – 19h). Các tác nhân ô nhiễm này chủ yếu gây ô nhiễm cục bộ xung quanh khu vực bếp và mỗi phòng được thiết kế các hệ thống thông gió, hút mùi ở khu vực chế biến, bếp của nhà ăn nên ít có khả năng tác động ra xa.

Ngoài ra, do việc sử dụng khí gas làm nguyên liệu cho hoạt động nấu nướng nên hoạt động này ít gây tác động tới môi trường không khí và được đánh giá ở mức tác động thấp.

a.4. Mùi hôi từ hệ thống thu gom, thoát nước thải và khu vực tập kết rác thải

Hệ thống thu gom nước thải nếu bị rò rỉ hoặc vỡ đường ống dẫn có thể gây mùi trên khu vực dự án. Ngoài ra khi vận chuyển bùn của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm có thể gây mùi ảnh hưởng đến cán bộ ban quản lý, nhân viên làm việc tại dự án và người dân sống trong khu vực xung quanh Dự án.

Khu vực tập kết chất thải rắn sinh hoạt của dự án được bố trí tại phía sau nhà xưởng sửa chữa, thành phần chính là rác thải sinh hoạt là nơi sinh ra các Sol khí sinh học có thể phát tán theo gió trong không khí trong khoảng vài chục mét đến vài trăm mét. Trong sol khí thường có các vi khuẩn, nấm mốc... và chúng có thể là những mầm gây bệnh hay nguyên nhân gây những dị ứng qua đường hô hấp.

a.5. Khí thải, hơi hóa chất từ các hoạt động khám chữa bệnh

* Ô nhiễm từ hoạt động khám chữa bệnh

Nguồn phát sinh ô nhiễm không khí là các loại hơi dung môi từ hóa chất sát trùng như:

- Ete, acetone, alcohol, ethanol... bay hơi trong quá trình sử dụng để khám chữa bệnh, xét nghiệm, lưu giữ bệnh phẩm, lưu giữ hóa chất xét nghiệm.

- Hơi hóa chất bảo quản mẫu.

- Hơi Ethylene oxide phát sinh trong quá trình tiệt trùng thiết bị, dụng cụ y khoa.

Các loại hơi dung môi khi phát tán vào môi trường không khí gây mùi khó chịu và ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân viên cũng như bệnh nhân

Ngoài ra các vi sinh vật gây bệnh như trực khuẩn lao, siêu vi khuẩn cúm, siêu vi khuẩn gây bệnh sởi... trên người bệnh. Các vi sinh vật trong không khí môi trường bệnh viện còn đe dọa đến sức khỏe.

b. Tác động do chất thải y tế

Theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế Quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế thì chất thải y tế được hiểu là chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của các cơ sở y tế, bao gồm chất thải y tế nguy hại, chất thải y tế thông thường và nước thải y tế. Trong đó, chất thải y tế nguy hại là chất thải y tế chứa yếu tố lây nhiễm hoặc có đặc tính nguy hại khác vượt ngưỡng chất thải nguy hại, bao gồm chất thải lây nhiễm và chất thải nguy hại không lây nhiễm.

Bảng 4.4. Phân định chất thải y tế

	STT	Nhóm chất thải	
Chất thải y tế nguy hại	1	Chất thải lây nhiễm	Chất thải lây nhiễm sắc nhọn
			Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn
			Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao
			Chất thải giải phẫu
	2	Chất thải nguy hại không lây nhiễm	Hóa chất thải bỏ hoặc có thành phần nguy hại hoặc có cảnh cáo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.
			Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất.
			Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng
			Dung dịch rửa phim X-Quang, nước thải thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.
			Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.
			Chất thải nguy hại khác theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại
3	<i>Chất thải y tế thông thường</i>	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, học viên, khách đến làm việc và các chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế (trừ chất thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm);	
		Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;	
		Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;	
		Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;	

			Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;
			Chất thải lây nhiễm sau khi đã xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường;
			Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại; tro, xỉ từ lò đốt chất thải rắn y tế không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;
			Chất thải rắn thông thường khác;
			Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

(Nguồn: Điều 4, Thông tư số 20/2021/TT-BYT)

Khi Bệnh viện đi vào giai đoạn hoạt động sẽ có khả năng phát sinh những loại chất thải như sau:

1) **Chất thải lây nhiễm:** là chất thải có chứa hoặc nghi ngờ chứa tác nhân gây bệnh (vi khuẩn, vi rút, ký sinh trùng, nấm) với mật độ hoặc số lượng đủ để gây bệnh cho con người. Bao gồm 4 loại:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Bao gồm kim tiêm, bơm liềm kim tiêm, đầu sắc nhọn của dây truyền, kim chọc dò, kim châm cứu, lưỡi dao mổ, đinh, cưa dùng trong phẫu thuật, các ống tiêm, mảnh thủy tinh vỡ, các vật sắc nhọn khác đã qua sử dụng thải bỏ có dính, chứa máu của cơ thể hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn bao gồm: Băng, băng, gạc, găng tay, các chất thải không sắc nhọn khác thấm, dính, chứa máu của cơ thể, chứa vi sinh vật gây bệnh; vỏ lọ vắc xin thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực thải bỏ; chất thải lây nhiễm dạng lỏng (bao gồm dịch dẫn lưu sau phẫu thuật, thủ thuật y khoa, dịch thải bỏ chứa máu của cơ thể người hoặc chứa vi sinh vật gây bệnh);

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao bao gồm: Mẫu bệnh phẩm, dụng cụ đựng, dính mẫu bệnh phẩm, chất thải dính mẫu bệnh phẩm thải bỏ từ các phòng xét nghiệm tương đương an toàn sinh học cấp II trở lên; các chất thải phát sinh từ buồng bệnh cách ly, khu vực điều trị cách ly, khu vực lấy mẫu xét nghiệm người bệnh mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm nhóm A, nhóm B;

+ Chất thải giải phẫu bao gồm: Mô, bộ phận cơ thể người thải bỏ và xác động vật thí nghiệm.

2) **Chất thải nguy hại không lây nhiễm:** bao gồm 5 loại như sau:

- + Hóa chất thải bỏ có các thành phần nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- + Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- + Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân và các kim loại nặng;
- + Nước thải thiết bị xét nghiệm, phân tích và các dung dịch thải bỏ có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.
- + Chất thải y tế khác có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất.
- + Chất thải nguy hại khác theo quy định tại Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại, như: Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ; Các loại dầu mỡ thải; Pin, ắc quy thải bỏ; Các thiết bị, linh kiện điện tử thải bỏ; Bao bì mềm, giẻ lau từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nhiễm dầu mỡ, hóa chất độc hại thải bỏ; vỏ chai thuốc, lọ thuốc, dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất; Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải y tế.

3) Chất thải thông thường, bao gồm:

- + Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của nhân viên y tế, người bệnh, người nhà người bệnh, học viên, khách đến làm việc và các chất thải ngoại cảnh trong cơ sở y tế (trừ chất thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực cách ly, điều trị người mắc bệnh truyền nhiễm nguy hiểm);
- + Hóa chất thải bỏ không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;
- + Vỏ chai, lọ đựng thuốc hoặc hoá chất, dụng cụ dính thuốc hoặc hoá chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại trên bao bì từ nhà sản xuất;
- + Vỏ lọ vắc xin thải bỏ không thuộc loại vắc xin bất hoạt hoặc giảm độc lực;
- + Chất thải sắc nhọn không lây nhiễm, không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại;
- + Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải không có thành phần, tính chất nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại.
- + Chất thải rắn thông thường khác;
- + Danh mục chất thải rắn thông thường được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

*** Ước tính khối lượng chất thải rắn y tế:**

Theo thống kê tại Báo cáo hiện trạng Môi trường Quốc gia 2017 - Chuyên đề chất thải rắn, do Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố năm 2017, thì lượng chất thải y tế

nguy hại tính trung bình theo giường bệnh ở Việt Nam là 0,25kg/giường/ngày, chiếm 20% tổng lượng chất thải rắn y tế. Như vậy, với quy mô 25 giường bệnh, mỗi ngày Bệnh viện sẽ phát sinh lượng chất thải rắn y tế là $30 \times 0,25 \times 100 / 20 = 37,5$ (kg). Trong đó:

+ Lượng chất thải rắn y tế nguy hại là: $0,25 \times 25 = 6,25$ (kg).

+ Lượng chất thải rắn y tế thông thường là: $37,5 - 6,25 = 31,25$ (kg).

+ Lượng chất thải y tế thông thường là chất thải sinh hoạt phát sinh từ các CBCNV của Bệnh viện: Với số CBCNV trực tiếp làm việc tại Bệnh viện là 150 người. Với nhu cầu tiêu thụ và điều kiện sinh hoạt tại Bệnh viện thì khối lượng CTR sinh hoạt tính bình quân 0,5 kg/người/ngày. Vậy lượng CTR phát sinh của cán bộ, công nhân viên là: $150 \times 0,5 = 75$ kg/ngày.

Vậy tổng lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh trong Bệnh viện là: $31,25 + 75 = 106,25$ kg/ngày.

❖ Thành phần chất thải rắn y tế

Bảng 4.5. Thành phần trong rác thải y tế

TT	Thành phần trong rác thải y tế	Tỷ lệ (%)	Có/Không có thành phần chất thải nguy hại
1	Các chất hữu cơ	52,9	Không
2	Chai nhựa PVC, PE, PP	10,1	Có
3	Bông băng	8,8	Có
4	Vỏ hộp kim loại	2,9	Không
5	Chai lọ xilanh thủy tinh, ống thuốc thủy tinh	2,3	Có
6	Kim tiêm, ống tiêm	0,9	Có
7	Giấy	0,8	Không
8	Các bệnh phẩm sau khi mổ	0,6	Có
9	Đất, cát, sành sứ và các chất rắn khác	20,9	Không
Tổng		100	

(Nguồn: GS. TS. Trần Hiếu Nhuệ, Quản lý chất thải rắn – T.1 Chất thải rắn đô thị)

c. Nước thải

c.1. Nước thải khám chữa bệnh

Nước thải y tế của bệnh viện bao gồm các loại sau:

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ CNV, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, bao gồm: nước thải từ quá trình đào thải, nước thải tắm giặt, rửa tay chân.

- Nước thải từ hoạt động chăm sóc bệnh nhân bao gồm: nước thải giặt tẩy quần áo bệnh nhân, chăn mền giường bệnh, lau chùi sàn nhà.

- Nước thải từ khu vực ăn uống.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh bao gồm: nước vệ sinh súc rửa dụng cụ y khoa, xét nghiệm, giải phẫu bệnh, nước thải từ các ca phẫu thuật...

Căn cứ nhu cầu sử dụng nước của dự án được tính toán tại bảng 1.3 chương I. dự kiến lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án là 38,16 m³/ng.đ.

- Đặc trưng của nước thải sinh hoạt là hàm lượng chất hữu cơ rất cao, dao động từ 50-55%, trong nước thải sinh hoạt chứa nhiều vi sinh vật, trong đó có vi sinh vật gây bệnh. Đồng thời, trong nước thải sinh hoạt còn chứa nhiều vi khuẩn phân hủy chất hữu cơ, cần thiết cho các quá trình chuyển hóa các chất bản trong nước thải.

Bảng 4.6. Khối lượng chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt hàng ngày

TT	Chất ô nhiễm	Khối lượng (g/người/ngày)	Thải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)
1	BOD ₅	45 - 54	6,75 - 8,1	168,9 – 202,7
2	COD	72 - 86,4	10,8 – 12,96	270,2 – 324,3
3	Chất rắn lơ lửng (SS)	70 - 145	10,5 – 21,75	262,7 – 544,2
4	Dầu mỡ	10 - 30	1,5 – 4,5	37,53 – 112,6
5	Tổng N	6 - 12	0,9 – 1,8	22,52 – 45,04
6	Tổng P	2,8 - 4,0	0,42 – 0,6	10,51 – 15,01
7	Tổng Coliform (MPN/100ml)	10 ⁶ - 10 ⁹	10 ⁶ - 10 ⁹	10 ⁶ - 10 ⁹

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng nước thải đô thị - Viện KHCNMT - ĐH Bách Khoa-HN)

Kết quả ở bảng trên cho thấy tải lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt là rất cao. Nước thải không xử lý có thể là nguồn gây bệnh truyền nhiễm đối với cán bộ nhân viên, khách hàng của dự án và dân cư khu vực lân cận, đặc biệt là gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

c.2. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn qua các khu vực mặt bằng của Dự án sẽ cuốn theo đất cát và các chất rơi vãi theo dòng chảy xuống nguồn tiếp nhận. Nếu lượng nước mưa này không được quản lý tốt cũng sẽ gây tác động tiêu cực đến môi trường.

Lưu lượng nước mưa chảy tràn được ước tính cho lượng mưa lớn nhất theo ngày. Áp dụng công thức tính:

$$Q_{\text{mưa}} = 0,278 \times K \times I \times A \text{ (m}^3\text{/ngày.đêm)}$$

Trong đó:

Q: Lưu lượng cực đại của nước mưa chảy tràn ($m^3/ngày$);

K: Hệ số chảy tràn, phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất;

I: Cường độ mưa ($m/ngày$).

Dữ liệu tính toán:

1. Hệ số chảy tràn chọn $K = 0,6$.

2. Lượng mưa của ngày cao nhất theo tài liệu của Đài KTTV khu vực Bắc Trung Bộ, lượng mưa cao nhất là 633 mm (tháng 10/2020).

3. Diện tích dự án là $F = 2.897,6 m^2$.

Kết quả tính toán như sau:

$$Q_{\min} = 0,278 \times 0,6 \times 0,633 \times 2.897,6 = 305,94 (m^3/ngày.đêm) = 3,54.10^{-3} m^3/s$$

Như vậy, lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án tính tối đa có thể đạt khoảng $305,94 m^3/ngày.đêm$ trên toàn khu vực dự án.

Khi đi vào hoạt động, hầu hết diện tích dự án đã được xây dựng, nước mưa rơi trên mái nhà tương đối sạch cho nên mức độ tác động của nước mưa là nhỏ. Nước mưa được thu gom và chảy trực tiếp vào hệ thống thoát nước mưa của khu vực dự án.

2.1.2. Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn không liên quan đến chất thải

a. Tác động do tiếng ồn, độ rung

Khi dự án đi vào hoạt động, tiếng ồn gây ra chủ yếu do:

- Tiếng ồn từ phương tiện đi lại của CBCNV trong dự án, bệnh nhân và các phương tiện giao thông ra vào Dự án.

- Tiếng ồn do máy móc, thiết bị khám chữa bệnh.

- Tiếng ồn do vận hành, chạy thử các động cơ;

- Tiếng ồn từ hoạt động máy móc công nghiệp, quạt thông gió;

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện dự phòng: Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện là tương đối lớn. Tuy nhiên, máy phát điện dự phòng chỉ hoạt động khi mất điện và khu vực dự án có không gian thoáng nên tác động này được đánh giá ở mức độ nhỏ.

b. Giao thông khu vực

Khi dự án đi vào hoạt động sẽ làm tăng mật độ giao thông trực đường Lê Nin, dễ gây ách tắc giao thông và nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông rất cao, đặc biệt trong giờ cao điểm. Do đó, chủ dự án sẽ có kế hoạch hoạt động hợp lý tránh xảy ra hiện tượng này.

c. Kinh tế - xã hội

Tác động tích cực:

- Đáp ứng nhu cầu về các loại xe ô tô, bảo hành, sửa chữa các loại xe ô tô;
- Góp phần tạo công ăn việc làm và ổn định cho các CBCNV, tạo ra một cảnh quan thoáng đãng, hiện đại cho khu vực;
- Làm thay đổi điều kiện sống tại khu vực theo hướng tăng cao thu nhập chung của người dân địa phương, kéo theo các dịch vụ phát triển đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa tại địa phương. Tăng nguồn đóng góp cho ngân sách.

Tác động tiêu cực:

- Tăng lượng khí thải phát sinh do hoạt động giao thông gây ảnh hưởng đến sức khỏe, hoạt động sinh hoạt của người dân địa phương;
- Làm thay đổi cảnh quan môi trường khu vực;
- Khi dự án đi vào hoạt động có thể xảy ra các vấn đề tiêu cực như mất trật tự an ninh khu vực và phát sinh các tệ nạn xã hội.

d. Rủi ro, sự cố

d.1. Sự cố chập điện, cháy nổ

Đặc điểm hoạt động của Dự án là sử dụng và lưu trữ một số nhiên liệu như: dầu DO, xăng,... Sự cố cháy nổ có thể xảy ra do các nguyên nhân sau:

- Vận chuyển các nguyên vật liệu và các chất dễ cháy như khí, dầu qua những nơi có nguồn phát sinh nhiệt hay qua gần những tia lửa;
- Tàng trữ các loại nguyên liệu, nhiên liệu không đúng quy định;
- Vứt bừa bãi tàn thuốc, những nguồn lửa khác gần khu vực chứa nguyên liệu;
- Sự cố cháy nổ liên quan đến thiết bị điện do rò rỉ, chập điện, điện áp không ổn định, hiện tượng quá tải trong vận hành thiết bị điện, hiện tượng sét đánh vào những ngày trời có giông;
- Cháy, nổ có thể do sự cố rò rỉ khí gas dùng để nấu nướng.

Sự cố cháy có thể dẫn tới thiệt hại lớn về kinh tế, xã hội, đặc biệt là thiệt hại về con người.

d.2. Sự cố ngập lụt

Theo số liệu thống kê trong nhiều năm, bình quân mỗi năm tỉnh Nghệ An có 3 - 6 cơn bão đi qua trong đó có 2 – 3 cơn bão có ảnh hưởng trực tiếp gây thiệt hại về tài sản và tính mạng của nhân dân.

- Ngoài việc chịu ảnh hưởng trực tiếp của các cơn bão thì khu vực Dự án hàng năm cũng chịu tác động hoàn lưu của các cơn bão gây mưa lớn thường xuyên và có thể gây ngập lụt;

- Ngập lụt sẽ cuốn trôi các loại chất thải trên bề mặt, cuốn theo nước thải của Dự án ra môi trường xung quanh và gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng (nếu đường ống dẫn nước và các hố ga không được đậy kín).

d.3. Sự cố hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Các sự cố về hệ thống thu gom và thoát nước thải làm cho quá trình thu gom không triệt để sẽ gây ô nhiễm môi trường do các nguyên nhân như:

- Thực hiện nghiêm quy định vận hành hệ thống xử lý nước thải;
- Sự rò rỉ đường ống tại hệ thống công thu gom và khu xử lý nước thải;
- Hư hỏng bơm do các vật rắn bị hút vào máy bơm hoặc cháy máy bơm;
- Thiết bị hỏng, sự cố vỡ đường ống;
- Không tiến hành bảo trì bảo dưỡng hệ thống nên gây ra sự cố trong quá trình hoạt động.

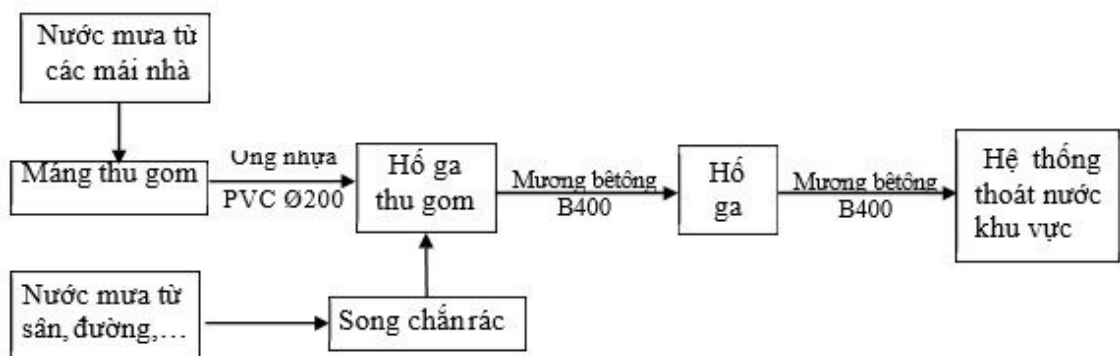
2.2. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất thực hiện

2.2.1. Công trình, biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động liên quan đến chất thải

a. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

a.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

- Nước mưa từ các mái nhà, sân, hè, đường, khuôn viên của Bệnh viện được thu gom về hệ thống rãnh thu và qua các hố ga để lắng đọng đất, cát, đá... trước khi đưa ra hệ thống thoát nước mưa chung của bệnh viện. Tại các rãnh thu nước mưa có các song chắn rác là các lưới thép để ngăn rác thải và các chất thải rắn có kích thước lớn vào hệ thống rãnh thu.



Hình 4.2. Sơ đồ hệ thống thu gom nước mưa

- Hệ thống rãnh thu thoát nước mưa được bố trí xung quanh khuôn viên Bệnh viện, sử dụng mương bê tông có nắp đan đậy kín với các hố ga thu thăm được bố trí theo quy định. Khoảng cách trung bình giữa các ga thu là 30m-40m. Nước mưa sau khi được xử lý sơ bộ bởi các hố ga sẽ chảy ra công thoát nước chung của khu vực.

- Định kỳ kiểm tra và nạo vét các hố ga và rãnh thu thoát nước, đặc biệt là trước

và trong mùa mưa để đảm bảo hiệu quả của hệ thống thoát nước, hạn chế rửa trôi bề mặt; định kỳ kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời. Phần bùn, đất lắng đọng được xử lý cùng với chất thải rắn.

- Thực hiện tốt công tác vệ sinh công cộng để giảm bớt nồng độ các chất bẩn trong nước mưa.

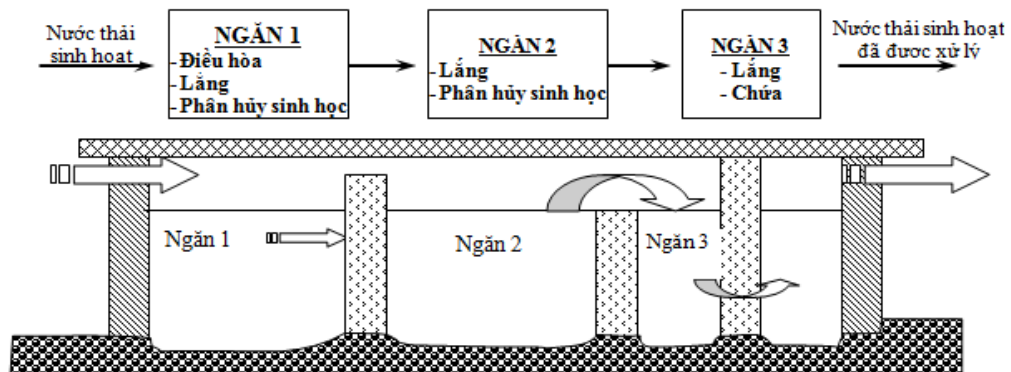
a.2. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được xây dựng riêng hoàn toàn độc lập với hệ thống thoát nước mưa.

- Đối với nước thải phát sinh của Dự án được phân làm 3 dòng để xử lý:

Dòng thứ 1: Nước thải từ quá trình thải của con người (từ các nhà vệ sinh), nước thải này có các hợp chất hữu cơ được xác định hàm lượng qua các thông số BOD/COD cao: Chủ đầu tư sẽ xây dựng các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý. Bể tự hoại được đầu tư xây dựng dưới các nhà vệ sinh của Dự án. Cặn ở bể tự hoại định kỳ khoảng 6 tháng sẽ được hút 1 lần bằng cách thuê các phương tiện chuyên dụng. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống mương dẫn về khu xử lý nước thải tập trung. Dự án sử dụng ống thoát nước vệ sinh UPVC D110. Toàn dự án được bố trí 02 bể tự hoại 3 ngăn, nằm dưới chân công trình các nhà vệ sinh là khu nhà khám và điều trị 7 tầng (mỗi bể có dung tích 15 m³).

Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn



Hình 4.3. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt

Nguyên tắc hoạt động:

Nước thải sinh hoạt từ các bệ xí, chậu tiểu của nhà vệ sinh được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại là công trình làm đồng thời 2 chức năng: Lắng và phân huỷ cặn lắng. Chất hữu cơ và cặn lắng trong bể tự hoại dưới tác dụng của vi sinh vật kỵ khí (yếm khí) sẽ bị phân huỷ, một phần tạo các chất khí và một phần tạo ra các chất vô cơ hòa tan. Nước thải qua bể tự hoại được lắng cặn và lên men (cặn lắng chủ yếu là chất hữu cơ không tan). Cặn lắng được giữ trong bể 6 tháng, dưới tác động của vi khuẩn yếm khí cặn được phân huỷ thành các chất khí và không hòa tan, nước được lưu từ 3-4 ngày đảm bảo xử lý hiệu quả. Nước sau quá trình xử lý ở bể tự hoại theo hệ thống

thoát nước thải của Dự án, dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

Đánh giá hiệu quả của biện pháp giảm thiểu:

- + Bể tự hoại vận hành đơn giản;
- + Không tốn chi phí vận hành do không sử dụng điện năng, hóa chất,...
- + Yêu cầu kỹ thuật trong lắp đặt vận hành đơn giản.

Tại dự án sẽ bố trí 02 bể tự hoại 3 ngăn ngay dưới nhà vệ sinh (02 bể ở khu vực nhà 07 tầng dung tích mỗi bể 15m³).

Định kỳ 06 tháng/lần, chủ dự án sẽ thuê đơn vị có chức năng để hút bùn cặn lắng này và đi xử lý đúng quy định.

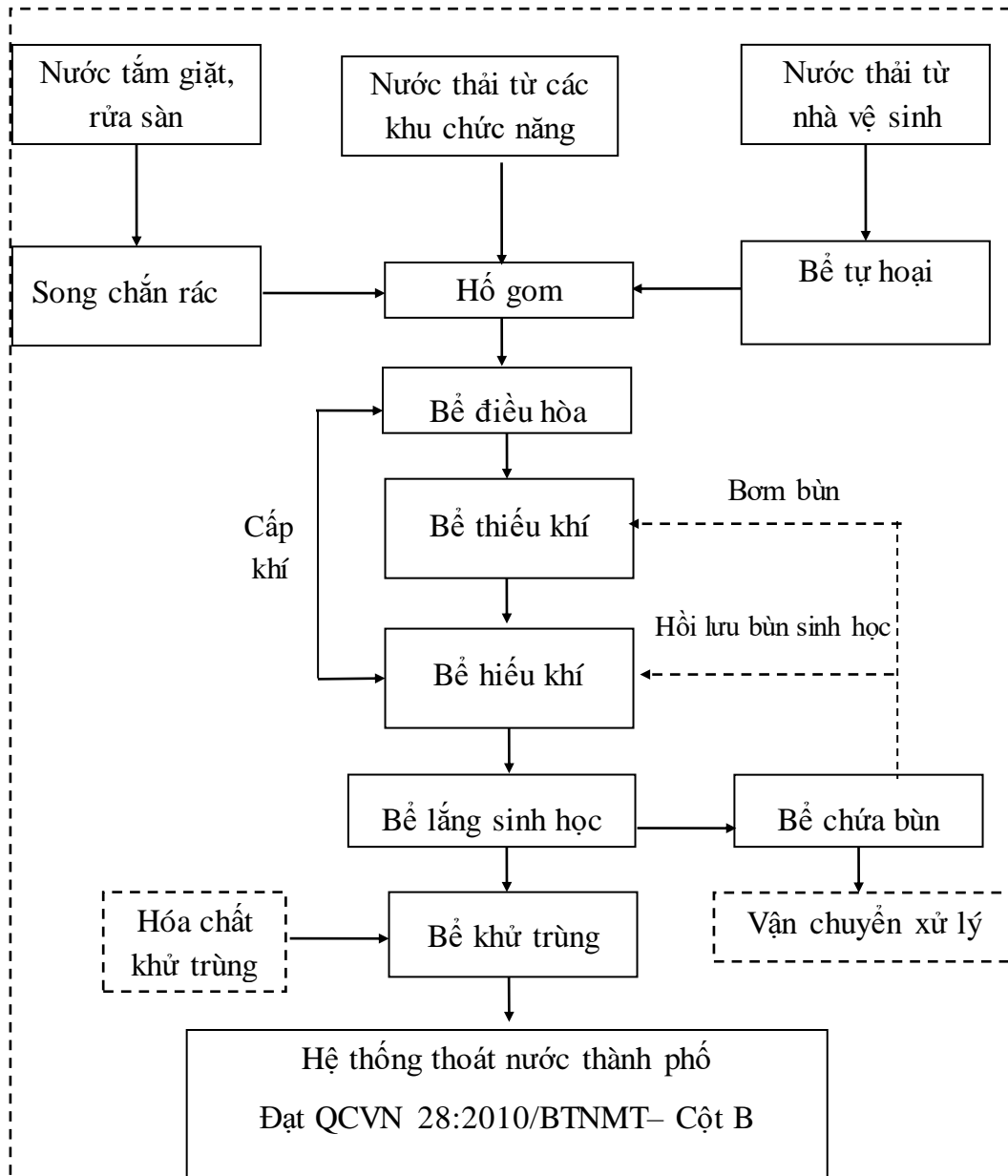
Dòng thứ 2: Nước thải từ khu vực tắm rửa, giặt, lau dọn của cán bộ nhân viên, bệnh nhân, phòng giặt, nước vệ sinh sàn nhà,... được chảy qua song chắn rác tại vị trí phát sinh để loại bỏ cặn rác có kích thước lớn (nylon, giấy, vải vụn, gạc, bông...) rồi theo đường ống thoát nước chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Dòng thứ 3: Nước thải từ các khu chức năng như nước thải từ lavabo, bồn rửa, bồn giặt,... của các phòng mổ, phòng khám, phòng bệnh, được thu gom bằng các đường ống dẫn về hố ga thu nước rồi theo các tuyến thoát nước thải D300 dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung.

- Khu xử lý nước thải được xây dựng phía Đông Nam dự án, với tổng diện tích 74 m², quy mô xây dựng là 80 m³/ngày.đêm (đảm bảo xử lý lượng nước thải phát sinh tại dự án 39,18 m³/ngày.đêm). Vì nước thải ở đây có hàm lượng các chất ô nhiễm cao, cần hệ thống xử lý nước thải đạt hiệu quả tốt nhất, vì vậy chọn công nghệ hóa lý kết hợp vi sinh, sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Công nghệ xử lý nước thải tập trung

Tổng lượng nước thải ngày lớn nhất dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung là 39,18 m³/ngày.đêm. Quy mô hệ thống xử lý nước thải 80 m³/ngày.đêm. Nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế cột B, K=1,2.



Hình 4.5. Quy trình xử lý nước thải của dự án

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80m³/ngày.đêm:

Trọng tâm trong đây chuyên công nghệ xử lý đó là cụm thiết bị Lọc sinh học + Lọc tinh để xử lý triệt để nước thải đảm bảo tiêu chuẩn thải ra môi trường. Việc sử dụng thiết bị này giúp cho quá trình xử lý đạt hiệu quả cao với công nghệ tiên tiến, gọn nhẹ thuận tiện cho quá trình vận hành cũng như khi lắp đặt, và đặc biệt là diên tích mặt bằng phù hợp với Tổng mặt bằng quy hoạch đã được phê duyệt.

Nước thải được thu gom từ hệ thống công thoát, qua rọ chắn rác nhằm loại bỏ phần rác có kích thước lớn. Rác giữ lại trong rọ chắn rác sẽ được vớt bằng phương pháp thủ công vào thùng rác rồi vận chuyển sang khu xử lý rác.

Sau đó nước thải được chuyển sang ngăn điều hoà xử lý sơ bộ. Tại đây bằng phương pháp sục khí lợi dụng những vi sinh vật có sẵn trong nước thải duy trì ở trạng thái lơ lửng, oxi hoá các hợp chất hữu cơ thành những chất ổn định thuận lợi cho các giai đoạn xử lý tiếp theo. (Trong bể có hệ thống sục khí kiểu Oxy-flow cung cấp oxy nhằm oxi hoá các hợp chất hữu cơ tăng nhanh quá trình thủy phân sơ bộ các chất thải hữu cơ, xử lý một phần BOD,COD).

Nước thải sau khi xử lý sơ bộ sẽ được chuyển sang ngăn vi sinh, tại đây tiếp tục sục khí để thực hiện quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ triệt để hơn, xử lý hoàn toàn BOD và COD. Tiếp theo nước thải chuyển sang bể lắng để giữ lại một phần cặn kết tủa sau quá trình oxy hóa các hợp chất hữu cơ, phần nước trong cùng với các chất lơ lửng sẽ được chuyển sang ngăn bơm để lên bơm lên cụm thiết bị lọc sinh học.

Tại đây thực hiện 3 quá trình xử lý vi sinh sau

+ Tại Cilon thủy lực: diễn ra quá trình Aerofil (trộn khí cưỡng bức) cường độ cao bằng việc dùng không khí thổi cưỡng bức, kết hợp với trộn cấp hóa chất keo tụ (PACN) được cấp bởi bơm định lượng (lượng hóa chất cấp vào tùy thuộc vào chất lượng nước thải sau quá trình xử lý sơ bộ).

+ Tại bể lọc sinh học: diễn ra quá trình Aeroten dòng ngược với vi sinh lơ lửng. Nhờ các chủng vi sinh vật hiếu khí có trong bùn hoạt tính cũng như lớp vi sinh vật dính bám trên các giá thể mà các chất ô nhiễm trong nước thải được làm sạch. Nhờ vào dòng chảy ngược mà các bông cặn sau khi hình thành bởi quá trình keo tụ sẽ dễ dàng lắng xuống.

+ Giai đoạn cuối của quá trình xử lý, nước thải được đưa về bể lọc tinh. Tại đây nước thải sẽ được tiếp xúc khử trùng để tiêu diệt các vi sinh vật gây bệnh trước khi đưa vào mạng lưới thoát nước. Chất khử trùng thường dùng là nước Javen được đưa từ hệ thống cấp dung dịch khử trùng vào ngăn khử trùng nhờ bộ châm Clo định lượng. Nước sau khi đã xử lý đạt mức II theo TCVN 7382 - 2004 được thải ra môi trường.

Phần bùn tạo ra ở đáy thiết bị lọc sinh học và ở bể lọc tinh được xả định kỳ vào bể nén bùn. Tại ngăn bùn, bùn được làm giảm thể tích và tự phân huỷ, diệt trừ các mầm mống gây bệnh như trứng giun sán và các vi sinh vật ký sinh khác. Phần nước tách ra từ bể chứa bùn được dẫn quay trở lại bể bơm số 4. Bùn đã được nén giảm thể tích được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung thiết kế chôn ngầm dưới mặt đất. Gia cố thành và đáy bể bằng bê tông, có nắp đậy bằng bê tông. Nước thải sau khi xử lý tại dự án được đầu nối vào hệ thống thoát nước của Thành phố trên tuyến đường 72m.

- Khối lượng và quy mô hạng mục hệ thống xử lý nước thải:

Bảng 4.7. Kích thước các bể trong hệ thống xử lý nước thải

TT	Hạng mục	Thể tích (m ³)	Thời gian lưu (giờ)	Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao (m)
1	Bể gom	0,74	-	0,8	0,6	1,56
2	Bể điều hòa	36,09	10,83	3,75	2,75	3,5
3	Bể thiếu khí	22,18	6,66	3,75	1,75	3,38
4	Bể hiếu khí	33,97	10,20	3,53	2,75	3,5
5	Bể lắng	16,26	4,88	2,75	1,75	3,38
6	Bể khử trùng	10,35	3,10	1,75	1,75	3,38
7	Bể chứa bùn	9,62	2,88	2,75	1	3,5

- Khối lượng hóa chất dự kiến sử dụng:

+ Lượng Clorin dùng cho xử lý bể khử trùng nước thải sau khi xử lý sinh học, liều lượng cần dùng là 5g/m³, nên lượng Clo cần cung cấp cho bể khử trùng là 51,75 g/ngày.

+ Nồng độ mật rỉ đường dùng cho bể anoxic: C = 75%. Tỷ lệ COD/thể tích (g/l) trong mật rỉ đường 75% là: 1006; khối lượng riêng 1,35g/ml. Lượng mật rỉ đường bổ sung và hệ thống là: C2 = 1 lít/ngày

+ Dung dịch NaOH

Quá trình xây dựng thi công hệ thống xử lý nước thải tập trung, chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để tư vấn thiết kế một cách chi tiết và chính xác nhất.

Đánh giá hiệu quả của hệ thống:

+ Công nghệ hóa lý – vi sinh phổ biến, bán tự động; Công nghệ phổ biến áp dụng hiệu quả nhiều dự án công trình khu đô thị, chung cư, nhà máy may.

+ Yêu cầu kỹ thuật trong lắp đặt vận hành đơn giản.

b. Các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải

b.1. Đối với bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh

- Không chế các yếu tố hóa học

+ Các phòng khám, điều trị được trang bị hệ thống quạt thông gió làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng.

+ Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ khu vệ sinh tại các phòng khám chữa bệnh.

+ Tổ chức thu gom rác thải liên tục không để lưu trữ trong các phòng.

+ Thực hiện thu gom, phân loại rác thải y tế tại nguồn theo đúng quy định của Bộ Y tế.

+ Thực hiện thu gom ngay sau khi phát sinh chất thải. Không vứt ra bên ngoài, không để tạm bợ. Thực hiện thu gom rác định kỳ 1 lần/ngày hoặc khi túi, thùng chứa rác đầy $\frac{3}{4}$ về thùng chứa rác tập trung của khoa. Không lưu chứa rác trong thời gian dài, tránh các hoạt động phân hủy, lây nhiễm, phát tán mùi ra môi trường ngoài.

+ Khi vận chuyển về thùng chứa rác tập trung của khoa, các túi phải được buộc kín, không rò rỉ nước thải, chất thải ra bên ngoài. Nếu có rò rỉ, nhân viên vận chuyển phải thực hiện thu gom, lau chùi ngay để tránh phát tán mùi, các yếu tố lây nhiễm ra ngoài môi trường xung quanh.

+ Các thùng thu gom, thùng lưu giữ chất thải tại các khoa phải có nắp đậy kín, đảm bảo không thủng, rò rỉ, phát sinh chất thải, mùi ra ngoài.

- Thường xuyên tổ chức vệ sinh khoa và các phòng bệnh bằng các biện pháp như:

+ Các phòng, khoa được cấp đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô, chậu, xà phòng, dung dịch khử khuẩn,...;

+ Đặt các thùng rác được đặt trong nhà vệ sinh của từng khoa, từng dãy nhà, hằng ngày được nhân viên vệ sinh thu gom đem đổ xuống xe đẩy rác bằng tay đặt phía sau khu xử lý nước thải sau đó đưa đi xử lý hằng ngày;

+ Trần, tường, bệ cửa, cánh cửa các khoa, buồng luôn được giữ gìn sạch sẽ.

+ Nền của các phòng được lát gạch nhẵn, khô, không thấm nước, luôn được vệ sinh sạch sẽ.

- Thực hiện các biện pháp thông gió:

+ Tại khu vực dưỡng bệnh thường xuyên mở cửa sổ đón gió.

+ Trang bị hệ thống thông gió, quạt hút nhằm tạo điều kiện thông thoáng tốt giúp cho bệnh nhân mau chóng hồi phục.

+ Áp dụng quy trình bảo quản và sử dụng hóa chất đúng quy định.

+ Đối với các phòng xét nghiệm, các phòng có sử dụng hóa chất, trang bị tủ đựng hóa chất có hệ thống hút khí độc cường bức và lắp đặt đường ống dẫn khí thoát ra ngoài.

b.2. Đối với bụi phát sinh từ hoạt động giao thông

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ sân, hành lang, đường nội bộ.

- Khu vực để xe được bố trí hợp lý, thông thoáng tạo thuận lợi cho việc gửi xe được nhanh chóng.

- Kiểm soát vận tốc và khoảng cách giữa các xe ra vào Bệnh viện, tốc độ trong nội vi khoảng 10km/h.

b.3. Đối với khí thải và tiếng ồn của máy phát điện dự phòng

- Để hạn chế tối đa khả năng tác động trực tiếp của khí thải máy phát điện đến môi trường và con người trong khu vực Dự án, Chủ đầu tư bố trí riêng vị trí đặt máy phát điện dự phòng tại phòng kỹ thuật điện tầng 1 của tòa nhà;

- Máy phát điện cũng được lắp trên bệ bê tông vững chắc, có tường bao quanh để giảm tối đa tiếng ồn và độ rung.

b.4. Giảm thiểu khí thải ở các khu vực nhà bếp

- Nhiên liệu được sử dụng trong khu vực nấu ăn là khí hóa lỏng, có hiệu quả đốt cháy cao, phát thải ít các chất thải khí ô nhiễm nhằm đảm bảo chất lượng môi trường không khí. Bên cạnh đó còn trang bị các thiết bị điện để nấu nướng, là nguồn năng lượng sạch, không phát sinh khí thải.

- Khu vực nấu ăn, chế biến của nhà ăn, lắp đặt quạt thông gió, hệ thống hút mùi công suất lớn, để đảm bảo không còn mùi trong khu vực, ảnh hưởng đến sức khỏe nhân viên.

b.5. Đối với mùi phát sinh từ kho tập kết rác, hệ thống thoát nước thải

- Rác thải sinh hoạt được vận chuyển hàng ngày theo giờ cố định, không tập trung lâu ngày gây phân hủy làm phát sinh các loại khí thải như CH_4 , H_2S , NH_3 ,... và mùi hôi thối vào môi trường không khí.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước thải và nắp đậy hố ga, không để các loại khí thải sinh ra từ quá trình phân hủy hợp chất hữu cơ trong nước thải phát tán vào môi trường không khí.

- Định kỳ bảo dưỡng các thiết bị thuộc hệ thống thu gom và thoát nước thải như các loại bơm, khắc phục sự cố nhanh và hiệu quả nhất, đảm bảo quá trình vận hành được xảy ra liên tục.

- Tăng tần suất thu gom không lưu giữ chất thải lâu để hạn chế chất chất thải gây mùi.

c. Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

c.1. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chủ đầu tư sẽ tiến hành phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn như sau:

- Chất thải rắn thải thực phẩm được thu gom vào 02 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi và có màu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, dán nhãn và được bố trí tại khu vực bếp. Hàng ngày, chất thải rắn hữu cơ được thu gom và được nhân viên vệ sinh chuyển giao cho người dân trong khu vực có nhu cầu tận dụng làm thức ăn cho gia súc, gia cầm;

- Chất thải rắn sinh hoạt tái chế được thu gom, lưu vào 08 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi và có màu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, dán nhãn và được bố trí tại khu vực văn phòng và khu dịch vụ. Hàng ngày, chất thải rắn tái

ché đựng trong túi được nhân viên vệ sinh chuyển về kho lưu giữ và định kỳ 01 tháng/01 lần chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

- Chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được thu gom, lưu vào 08 thùng riêng biệt có khả năng lưu chứa 60l, có lót túi và có màu thực hiện theo quy định của UBND tỉnh, dán nhãn và được bố trí tại khu văn phòng và khu dịch vụ. Hàng ngày, chất thải rắn sinh hoạt không tái chế được chuyển về kho rác ở khu vực lưu giữ chất thải của dự án và chuyển giao cho đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý;

Về phương thức thu gom: Mỗi ngày vào giờ cố định (16 giờ hằng ngày), các nhân viên vệ sinh sẽ thu gom bằng thùng rác đầy tay loại 120 lít (bằng vật liệu nhựa hoặc composite, có thân và đáy thùng kín, có bánh xe để di chuyển bằng tay) để thu gom rác đã được phân loại vận chuyển xuống khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt. Tại đây, chất thải rắn được công nhân vệ sinh phân loại một lần nữa để lưu trữ, sau đó được đơn vị chức năng đến thu gom và vận chuyển. Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 ngày/lần.

+ Đối với chất thải thông thường nằm trong danh mục được phép thu gom phục vụ mục đích tái chế (theo phụ lục số 01 Thông tư 20/2021/TT-BYT) như: Giấy, bao bì, vỏ hộp thuốc và các vật liệu giấy không chứa yếu tố lây nhiễm hoặc đặc tính nguy hại, các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất, lon nước giải khát bằng nhựa và kim loại không thải ra từ phòng điều trị cách ly, các chai nhựa, dây truyền, bơm tiêm (không bao gồm đầu sắc nhọn) không chứa yếu tố lây nhiễm, v.v... sẽ được định kỳ bán cho các cơ sở thu mua, tái chế trên địa bàn (1 tháng/lần). Khi chuyển giao cho cơ sở tái chế, Bệnh viện sẽ ghi đầy đủ thông tin vào Sổ bàn giao chất thải phục vụ mục đích tái chế theo mẫu quy định tại Phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư 20/2021/TT-BYT để theo dõi, quản lý.

Kho chứa có diện tích 5m² có kết cấu tường gạch, mái che, có biển báo, cửa và nền bê tông. Tại khu tập kết rác bố trí mỗi bên 03 thùng HDPE phân loại rác dung tích 240l có dán nhãn;

c.2. Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại được thu gom, tập trung đúng nơi quy định. Hướng dẫn để cán bộ nhân viên dự án hiểu biết về CTNH, phân loại với chất thải sinh hoạt trong quá trình thu gom vận chuyển về kho lưu chứa khi phát sinh.

- Chất thải nguy hại được thu gom và phân loại vào các thùng chứa riêng biệt tương ứng với từng nhóm trạng thái chất thải nguy hại phát sinh, có dán nhãn đặt trong khu vực chứa chất thải nguy hại trong nhà kho tập kết rác của dự án. Bố trí các thùng đựng chất thải nguy hại có kí hiệu riêng được đặt trong khu vực ở mỗi tầng chức năng, yêu cầu các nhân viên có thu gom chất thải nguy hại riêng và tập trung vào các thùng đựng CTNH.

- Bố trí 04 thùng nhựa composite có dán nhãn chứa chất thải nguy hại, với dung tích mỗi thùng là 60l đặt trong kho tập kết chất thải nguy hại. Kho chứa có diện tích 5m²

có kết cấu bằng tường gạch, mái che, có biển báo, cửa và nền bê tông. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy tại chỗ; có hố cát và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn dầu thải; có biển dấu hiệu cảnh báo trong khu vực lưu chứa CTNH. Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại đúng quy định. Tần suất thu gom 01 năm/02 lần.

d. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động tiếng ồn, rung

*** Tiếng ồn do hoạt động của con người**

- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc thăm bệnh trong các phòng chuyên khoa của Bệnh viện. Phổ biến quy định thăm bệnh của Bệnh viện đến bệnh nhân và thân nhân.

- Dán biển báo nhắc nhở, hạn chế tiếng ồn trong các khu vực khám chữa bệnh và khu điều trị nội trú.

*** Tiếng ồn, rung động từ máy phát điện dự phòng, hệ thống xử lý nước thải**

Đối với tiếng ồn, rung động từ máy phát điện dự phòng, thực hiện các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thiết kế bộ phận giảm âm, lắp đệm cao su chống ồn cho máy phát điện dự phòng;

- Máy phát điện đặt tại vị trí thích hợp, cách biệt với khu vực văn phòng và các khu vực nhạy cảm của Bệnh viện như khu vực khám chữa bệnh, khu điều trị.

- Đối với độ rung, áp dụng các biện pháp: lắp đặt máy móc thiết bị đúng quy cách, lắp đặt lò xo đàn hồi trên bệ máy kiên cố.

*** Tiếng ồn do các phương tiện giao thông**

Để hạn chế tiếng ồn từ các phương tiện giao thông khi dự án đi vào hoạt động được khống chế bằng các phương pháp sau:

- Quy định vận tốc tối đa được phép ra vào khuôn viên.

- Hạn chế, cấm các phương tiện giao thông ra vào một số khu vực cần sự yên tĩnh cao.

- Tăng cường trồng và chăm sóc cây xanh.

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời các phương tiện giao thông phục vụ dự án.

2.2.2. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động không liên quan đến chất thải

a. Giảm thiểu tai nạn giao thông

- Thiết kế và lắp đặt các biển báo, chỉ dẫn để mọi người được biết khi đi lại trong khu vực nội bộ;

- Bố trí đội bảo vệ để kiểm soát tốt công tác đảm bảo an ninh, trật tự an toàn giao thông tại khu vực Dự án;

- Tuyên truyền cho các CBCVN và khách hàng nâng cao ý thức thực hiện luật an toàn giao thông.

b. Giảm thiểu tác động tiêu cực đến kinh tế - xã hội

- Tác động tiêu cực đến xã hội là việc gây mất trật tự, an toàn xã hội,... Vì vậy, Chủ dự án phối hợp với chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Bố trí bộ phận an ninh cho khu vực dự án, ưu tiên tuyển dụng lao động là người địa phương.

- Đề ra các nội quy, quy chế nghiêm khắc để xử lý kỷ luật đối với các trường hợp gây mất trật tự, an ninh xã hội.

c. Giảm thiểu sự cố trong khu vực dự án

c.1. Sự cố cháy nổ

- Xây dựng và thiết kế hệ thống phòng chống cháy, nổ theo tiêu chuẩn TCVN 2622:1995 - Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Sử dụng dây dẫn và các thiết bị điện đảm bảo tiêu chuẩn, công suất không gây chập cháy. Thường xuyên kiểm tra các trang thiết bị có sử dụng nguồn điện, tránh tình trạng chập mạch điện, cháy dây dẫn...

- Biên soạn nội quy an toàn phòng chống cháy, nổ treo nơi dễ nhìn thấy ;

- Trang bị hệ thống báo cháy tự động tại các công trình dự án ;

- Trang bị các dụng cụ chữa cháy cầm tay (bình CO₂) ;

- Đảm bảo hệ thống chữa cháy luôn sẵn sàng hoạt động khi có sự cố xảy ra ;

- Định kỳ tổ chức thực tập về phòng chống cháy nổ cho cán bộ, nhân viên để nắm vững phương pháp xử lý sự cố và nghiệp vụ phòng chống cháy nổ.

c.2. Sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải

- Kiểm soát chặt chẽ lưu lượng nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải;

- Đối với hệ thống thu gom nước thải: thường xuyên kiểm tra, nạo vét bùn, rác thải ở các hố ga và bể lắng tránh để tình trạng hệ thống thu gom bị tắc nghẽn;

- Sự cố hệ thống xử lý nước thải: lỗi của hệ thống được bộ điều khiển giám sát và báo động qua chuông báo. Khi 1 thiết bị trong hệ thống có lỗi xuất hiện, tùy theo mức độ mà hệ thống sẽ cảnh báo bằng chuông, bằng đèn vàng, khi phát sinh sự cố nhân viên vận hành hệ thống khóa van thoát nước sau hệ thống xử lý, đồng thời kiểm tra, xử lý kịp thời.

- Phòng ngừa sự cố:

+ Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình thu gom và thoát nước thải;

+ Kiểm tra, nhắc nhở, giáo dục ý thức làm việc của công nhân, cán bộ kỹ thuật hệ thống kịp thời phát hiện và ứng phó khi sự cố xảy ra;

+ Khi hệ thống gặp sự cố, thì nước thải sau khi qua ngăn tiếp nhận sẽ được dẫn về bể lắng, sau khi hệ thống hoạt động trở lại, nước thải sẽ được bơm trở lại ngăn tiếp nhận để xử lý.

- Bố trí công nhân kỹ thuật có kinh nghiệm, năng lực để làm việc.

c.3. Phòng ngừa, khắc phục sự cố ngập lụt khu vực

- Thường xuyên theo dõi tình hình dự báo diễn biến thời tiết và có những phương án đề phòng khi xảy ra mưa bão, thiên tai. Có các biện pháp chuẩn bị cho những ngày có bão, mưa lớn.

- Đội vệ sinh chịu trách nhiệm thông cống rãnh hệ thống thoát nước để tránh hiện tượng cống thoát nước bị tắc nghẽn gây ngập úng cục bộ trong những ngày có mưa, đặc biệt là các trận mưa lớn.

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4.8 Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
I. Giai đoạn thi công xây dựng		
1.1	Nước thải	
	Nước thải sinh hoạt	- Nhà vệ sinh di động - Hệ thống thoát nước tạm - Hồ lắng nước thải
	Nước mưa	- Đào rãnh thoát nước mưa tạm thời
1.2	Bụi, khí thải	- Lập phương án thi công hợp lý, tiến hành thi công đồng bộ. - Bố trí hàng rào xung quanh dự án - Tưới ẩm khu vực xây dựng và đường giao thông - Phủ bạt kín xe vận tải - Bảo dưỡng máy móc... - Che chắn các bãi chứa vật liệu

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
		<ul style="list-style-type: none"> - Che bạt các phía tiếp giáp công trình khi thi công trên cao. - Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công - Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc.
1.3	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí các thùng rác đúng quy định để thu gom chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại. - Đất đào hố móng công trình, hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, xử lý nước thải tận dụng để trồng cây xanh khu vực dự án. - Chất thải có thể tái chế được thu gom, bán phế liệu. - Chất thải không thể tái chế được vận chuyển, đổ thải theo đúng quy định.
II. Giai đoạn hoạt động		
	Nước thải	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thu gom, thoát nước thải. - Bể tự hoại (2 bể). - Bể tách dầu mỡ (1 bể) - Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm.
	Nước mưa	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống thoát nước mưa.
	Chất thải rắn	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn và thu gom rác thải hàng ngày. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, đổ thải và xử lý chất thải theo đúng quy định. - Chất thải rắn được thu gom và xử lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
	Khí thải	<ul style="list-style-type: none"> - Bố trí dải cây xanh cách ly theo quy hoạch; - Tưới ẩm khu vực dự án

3.2. Kế hoạch xây lắp các công trình bảo vệ môi trường

Như đã trình bày tại mục 3.1, trong giai đoạn đi vào hoạt động, Chủ dự án sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường, khống chế và phòng ngừa các sự cố ô nhiễm môi trường xảy ra. Cụ thể các công trình xử lý môi trường như sau:

- Công trình xử lý nước thải:
 - + Bố trí hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa;
 - + Xây dựng 02 bể tự hoại 03 ngăn tại chân công trình nhà vệ sinh để xử lý nước thải nhà vệ sinh.
 - + Lắp đặt 01 bể tách dầu mỡ khu vực nhà ăn.
 - + Xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày đêm để xử lý nước thải dự án.
- Chất thải rắn:
 - + Đầu tư các thùng chứa rác sinh hoạt và rác nguy hại;
 - + Xây dựng kho tập kết rác;
 - + Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn.
- Đối với khí thải:
 - + Tưới ẩm phạm vi 1km các tuyến đường tiếp giáp với dự án vào những ngày nắng nóng để giảm thiểu phát sinh bụi;
 - + Trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án.

Bảng 4.9. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Tiến độ
I	Công trình xử lý nước thải			
1	Mương thoát nước mưa	01	Hệ thống	Hoàn thành trước tháng 03/2024
2	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải	01	Hệ thống	
3	Nhà vệ sinh	03	Nhà	
4	Bể tự hoại	03	Bể	
5	Bể tách dầu mỡ	01	Bể	
6	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	01	Hệ thống	
II	Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn			
1	Thùng rác thông thường	Thùng các loại		Hoàn thành trước tháng
2	Thùng rác nguy hại	04	Thùng	

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Tiến độ
3	Hợp đồng xử lý chất thải rắn	02	HĐ	3/2024
4	Kho tập kết chất thải sinh hoạt	01	Kho	
5	Kho tập kết chất thải nguy hại	01	Kho	
III	Công trình, biện pháp xử lý khí thải			
1	Vòi nước tưới ẩm các đoạn đường tiếp giáp	1	Bộ	Hoàn thành trước tháng 3/2024
2	Trồng cây xanh và thảm cỏ theo quy hoạch	20	Cây	

3.3. Tóm tắt dự toán kinh phí đối với từng công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 4.10. Dự trù kinh phí xây dựng các công trình xử lý môi trường

TT	Tên công trình	Kinh phí (Triệu đồng)
I. Công trình xử lý nước thải		745
1	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	90
2	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải	120
3	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	450
4	Nhà vệ sinh	75
5	Bể tự hoại	80
6	Bể tách dầu mỡ	30
II. Công trình xử lý chất thải rắn		150
1	Thùng rác thông thường và nguy hại	25
2	Hợp đồng xử lý	35
3	Kho tập kết chất thải	90
III. Công trình xử lý khí thải		80
1	Vòi tưới nước	20
2	Trồng cây xanh và thảm cỏ	60

3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Trong quá trình hoạt động, Chủ dự án có trách nhiệm phân công bộ phận quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường. Trong đó, quy định cụ thể trách nhiệm từng người có năng lực và trình độ quản lý phù hợp với tính chất hoạt động của dự án. Tổ chuyên trách về môi trường bao gồm :

- Tổ trưởng: 01 người;
- Nhân viên làm việc trực tiếp: 02 người.

✓ *Nhiệm vụ của tổ chuyên trách môi trường:*

- Kiểm tra kiểm soát quá trình thi công và vận hành các công trình bảo vệ môi trường.
- Quản lý các vấn đề môi trường của dự án, cụ thể:
 - + Thu nhận và quản lý các hồ sơ môi trường;
 - + Giám sát hoạt động phát sinh chất thải, thường xuyên kiểm tra để phát hiện sự cố và khắc phục các sự cố xảy ra;
 - + Theo dõi quá trình thu gom, cập nhật quy định về quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo:

4.1. Về mức độ chi tiết của các đánh giá

Các đánh giá tác động tới môi trường của dự án được thực hiện chi tiết, tuân thủ theo trình tự:

- Xác định và định lượng nguồn gây tác động theo từng hoạt động của dự án;
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động;
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gây tác động, quy mô không gian, thời gian và tính nhạy cảm của các đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá về tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Cũng chính vì vậy mà trên cơ sở các đánh giá, dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó với các sự cố môi trường một cách khả thi.

4.2. Về độ tin cậy của các đánh giá

Công cụ và các phương pháp được sử dụng để đánh giá tác động môi trường, đây là các phương pháp phổ biến nhằm đánh giá đầy đủ, chính xác, khoa học và khách quan về các tác động có thể xảy ra trong từng giai đoạn, cho từng đối tượng. Độ chính xác và tin cậy của các phương pháp này là khá cao.

Việc đánh giá tác động được nêu ra trên cơ sở tham khảo nhiều nguồn tài liệu, sử dụng các phương pháp đánh giá tác động môi trường đã được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam kết hợp với việc đi khảo sát thực tế, điều tra,... Do đó, mức độ tin cậy của các đánh giá là đảm bảo.

Chúng tôi dựa vào một số tài liệu và định tính về các khả năng, xác suất lan truyền ô nhiễm để đánh giá tác động đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khi xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động nên độ tin cậy chỉ ở mức độ tương đối.

Để có được các số liệu chính xác trong quá trình hoạt động của dự án, Chủ dự án sẽ thực hiện chương trình giám sát môi trường và trên cơ sở đó sẽ điều chỉnh, bổ sung các giải pháp thích hợp để kiểm soát ô nhiễm, hạn chế các tác động môi trường không mong muốn.

Đội ngũ tham gia lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là các thành viên đã được đào tạo chuyên môn về lĩnh vực môi trường, xây dựng; đã có kinh nghiệm nhiều năm. Do đó những dự báo, đánh giá đưa ra khá đầy đủ, mang tính thực tế và độ tin cậy cao.

Các phương pháp được sử dụng để đánh giá và mức độ tin cậy từng phương pháp được tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 4.11. Độ tin cậy của các phương pháp đánh giá tác động môi trường

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê.	Cao	Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng, thủy văn, kinh tế xã hội tại khu vực dự án.
2	Phương pháp nghiên cứu khảo sát hiện trường.	Cao	Có tính thực tiễn cao và đánh giá đúng bản chất tác động của dự án
3	Phương pháp lấy mẫu, phân tích, xử lý số liệu trong phòng.	Cao	Phương pháp + dụng cụ + nhân lực đáng tin cậy.
4	Phương pháp điều tra xã hội học.	Cao	Có tính chất thực tiễn và cụ thể với dự án.
5	Phương pháp so sánh, đối chứng.	Cao	So sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành.
6	Phương pháp kế thừa	Cao	Kế thừa các kết quả nghiên cứu, báo cáo của các dự án cùng loại đã được bổ sung và chỉnh sửa theo ý kiến của hội đồng thẩm định.

Chương V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải của dự án bao gồm: nước thải sinh hoạt và nước thải từ quá trình khám chữa bệnh.

Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhu cầu sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân, phát sinh từ các khu vệ sinh, nhà tắm, khu hành chính.

Đặc trưng nước thải sinh hoạt thường chứa nhiều tạp chất khác nhau, trong đó khoảng 58% là chất hữu cơ, 42% là chất vô cơ và một lượng lớn các vi sinh vật. Các chất vô cơ phân bố ở dạng tan nhiều hơn so với các chất hữu cơ. Các chất hữu cơ phân bố phần lớn ở dạng keo và không tan. Nói chung, đây là loại nước thải có độ nhiễm khuẩn cao, hàm lượng Oxy hoà tan thấp, gây ảnh hưởng xấu tới đời sống thủy sinh vật tại nguồn tiếp nhận, mỹ quan thiên nhiên và sức khỏe của cộng đồng.

Nguồn số 02: Nước thải từ quá trình khám chữa bệnh

Nước thải từ nguồn này được coi là nước thải đặc trưng của Bệnh viện và phát sinh từ các hoạt động khám chữa bệnh; chủ yếu bao gồm các dòng thải từ khu xét nghiệm, vệ sinh giặt giũ của người nhà bệnh nhân cho các giường bệnh, súc rửa các vật dụng y khoa, xét nghiệm, tại khu phẫu thuật và các khoa lâm sàng, nhà Xquang. Nước thải loại này có chứa BOD₅, COD, TSS, các chất dinh dưỡng (N, P), các hoá chất độc hại, vi khuẩn, vi trùng gây bệnh

1.2. Lưu lượng xả nước thải tối đa

Lượng nước thải hàng ngày được tính bằng 100% lượng nước cấp sinh hoạt, cấp khám chữa bệnh của Bệnh viện là 39,18m³/ngày.đêm (lưu lượng xả trung bình)

Lưu lượng xả nước thải tối đa đề nghị cấp phép 80m³/ngày.đêm (theo công suất của hệ thống xử lý).

1.3. Dòng nước thải

Nước thải sau khi xử lý của dự án được xả ra môi trường tiếp nhận là 01 dòng được đầu nối cống thoát nước đường Lê Nin thuộc hệ thống thoát nước của thành phố.

1.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Nước thải phát sinh từ các khu vực dự án sẽ được xử lý sơ bộ tại nguồn và được thu gom dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 80 m³/ngày.đêm.

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải: giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm được phép xả thải theo quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế cột B, K=1,2

Bảng 5.1. Giới hạn thông số, nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị QCVN 28:2010/BTNMT Cmax, K=1,2
1	pH	-	7,8 – 10,2
2	BOD5 (20°C)	mg/l	60
3	COD	mg/l	120
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	12
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	60
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	12
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	24
10	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,12
11	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,2
12	Tổng coliforms	MPN/100ml	6000
13	Salmonella	Vi khuẩn/100 ml	KPH
14	Shigella	Vi khuẩn/100ml	KPH
15	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/100ml	KPH

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện

Thông số tổng hoạt độ phóng xạ α và β chỉ áp dụng đối với các cơ sở khám, chữa bệnh có sử dụng nguồn phóng xạ.

QCVN 28:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải y tế
Cmax: nồng độ tối đa cho phép thông số ô nhiễm trong nước thải.

C: Giá trị nồng độ cho phép của thông số ô nhiễm quy định trong QCVN

K = 1,2, bệnh viện có quy mô <300 giường.

1.5. Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Vị trí xả nước thải: tọa độ vị trí xả nước thải dự kiến (hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 104⁰45', múi chiều 3⁰):

Bảng 5.2. Tọa độ vị trí xả nước thải

STT	Vị trí	Tọa độ VN2000	
		X (m)	Y (m)
1	Tọa độ điểm xả nước thải	2069819	0597587

- Phương thức xả nước thải: tự chảy

Nước thải sau xử lý chảy ra hố ga thoát nước của HTXL nước thải sau đó theo mương thoát nước D200, I = 0,5% nội bộ trong khuôn viên dự án đầu nối vào cống thoát nước đường Lê Nin.

- Chế độ xả thải: gián đoạn

- Thời gian xả thải: 24h/ngày.đêm.

Chương VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư, chủ dự án đầu tư đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của dự án bắt đầu từ 30/06/2024 đến 30/9/2024.

Bảng 6.1. Kế hoạch thử nghiệm các công trình BVMT của dự án

TT	Tên hạng mục vận hành thử nghiệm			Thời gian vận hành	
	Đối tượng xử lý	Công trình xử lý	Số lượng	Bắt đầu	Kết thúc
1	Nước thải	Hệ thống xử lý nước thải tập trung	1	01/12/2024	01/03/2025

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải.

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc nước thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Thông số	Số mẫu	Tần suất	Thời gian	Quy chuẩn áp dụng
1	1 mẫu nước đầu vào HTXL (tại bể gom)	pH, TSS, COD, BOD5, H2S, NH4 ⁺ , NO3 ⁻ , PO4 ³⁻	01 mẫu	01 lần/03 ngày	Trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành	QCVN 28:2010/B
2	1 mẫu nước đầu ra sau HTXL		03	01 lần/01 ngày		

	(tại hố ga cuối trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước thành phố)	dầu mỡ động thực vật, Tổng Coliforms, Salmonella, Shigella, Vibrio cholera.	mẫu	(trong 03 ngày liên tục)	ổn định	TNMT - cột B (K=1,2)
--	--	---	-----	--------------------------	---------	----------------------

1.2.3. Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch

Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị được công nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục, định kỳ) theo quy định của pháp luật

Theo mục b khoản 4 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường thì dự án có lưu lượng xả thải 80 m³/ngày <500m³/ngày không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải (tự động, liên tục và định kỳ).

Chương VII

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và các pháp luật liên quan khác, Công ty sẽ tự mình và yêu cầu các đơn vị thi công xây dựng cam kết thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ như sau:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường như đã nêu ra trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án sau khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;
3. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra và báo cáo định kỳ về bảo vệ môi trường;
4. Báo các kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải đến Sở Tài nguyên và Môi trường;
5. Tuân thủ các tiêu chuẩn thải theo quy định và thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường trong quá trình thực hiện Dự án:
 - Nước thải:
 - + Nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng thải ra nằm trong giới hạn ở cột B của QCVN 40:2011/BTNMT.
 - + Nước thải trong giai đoạn hoạt động sau khi xử lý nằm trong giới hạn ở cột B của QCVN 28:2010/BTNMT.
 - Khí thải: khí thải trong giai đoạn hoạt động sau khi xử lý nằm trong giới hạn ở cột B QCVN 19:2009/BTNMT.
 - Chất thải rắn:
 - + Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022).
 - + Chất thải nguy hại sẽ được thu gom, quản lý, định kỳ báo cáo về Sở TN&MT và phân loại quản lý theo hướng dẫn tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý.
 - Cam kết thực hiện các biện pháp phòng chống cháy và không để xảy ra hiện tượng cháy nổ.
6. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu ra ở Chương IV sẽ được thực hiện nghiêm túc.
7. Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ nghiêm túc nội dung của giấy phép môi trường của dự án;
8. Chủ đầu tư cam kết xây dựng và hoàn thành đúng tiến độ theo quy định./.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

*Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An tại xã
Nghị Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An*

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2902105999

Đăng ký lần đầu: ngày 17 tháng 06 năm 2021

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 04 tháng 08 năm 2021

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Đại lộ Lê Nin, xóm 7, Xã Nghi Phú, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0976616066

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

11.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười một tỷ đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	VÕ THỊ DUNG	Việt Nam	xóm Đông Lai, Xã Phú Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	8.800.000.000	80,000	182302708	
2	VÕ KHẮC HOÀI	Việt Nam	xóm Đông Lai, Xã Phú Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	2.200.000.000	20,000	186118813	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **VÕ THỊ DUNG**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *05/04/1978*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

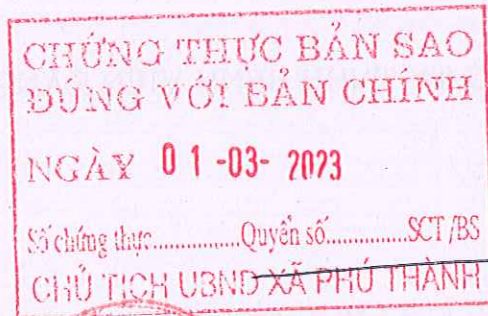
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *182302708*

Ngày cấp: *13/01/2019*

Nơi cấp: *Công an tỉnh Nghệ An*

Địa chỉ thường trú: *xóm Đông Lai, Xã Phú Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *xóm Đông Lai, Xã Phú Thành, Huyện Yên Thành, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*



Nguyễn Trọng Bình



Lưu Xuân Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /CTĐT-UBND

Nghệ An, ngày 06 tháng 4 năm 2021

CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Chứng nhận lần đầu ngày 06. tháng 4. năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An nộp ngày 23/02/2021; Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản số 1004/SKHĐT-DN ngày 25/03/2021,

CHẤP THUẬN:

1. Tên dự án: Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An.

2. Mục tiêu và quy mô dự án:

a) Mục tiêu: Đầu tư xây dựng bệnh viện chuyên khoa răng hàm mặt hiện đại, đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân địa phương và các khu vực lân cận, góp phần giảm tải cho các bệnh viện khác trên địa bàn.

b) Quy mô dự án:

- Bệnh viện răng hàm mặt với quy mô 25 giường bệnh.

- Các hạng mục công trình chính gồm: Nhà bảo vệ, 01 tầng; Nhà thuốc, cao 01 tầng; Nhà bệnh viện, cao 07 tầng; Nhà để xe, cao 01 tầng; Nhà căng tin, cao 01 tầng; hệ thống sân đường nội bộ và cây xanh.

3. Địa điểm thực hiện dự án: tại thửa số 118, tờ bản đồ số 18, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số CC 195229 ngày 19/12/2016.

Vị trí, ranh giới: tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, các phía tiếp giáp:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh;

- Phía Tây Bắc giáp: Công ty TNHH Thành Thái Thịnh;



- Phía Đông Nam giáp: Bệnh viện 115 (cơ sở 2);

- Phía Tây Nam giáp: Đất nông nghiệp.

4. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 2.897,6 m².

5. Tổng vốn đầu tư của dự án: 52,0 tỷ đồng; trong đó, vốn tự có của Nhà đầu tư chiếm 20,0% tổng mức đầu tư dự án.

6. Thời hạn hoạt động dự án: 50 năm kể từ ngày được chấp thuận chủ trương đầu tư.

7. Tiến độ thực hiện dự án:

- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư: Quý I/2022.

- Hoàn thành và đưa vào hoạt động: Quý I/2023.

8. Nhà đầu tư thực hiện dự án: Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số 2900613644 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 24/5/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22/02/2021.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Hồng Sơn, Giám đốc.

Sinh ngày: 04/10/1965; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam.

Giấy chứng minh nhân dân số 181938435 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 28/08/2002.

Hộ khẩu thường trú: Khối Tân Yên, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chỗ ở hiện tại: Khối Tân Yên, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

9. Ưu đãi đầu tư: Dự án được hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật hiện hành.

10. Thời điểm có hiệu lực của chủ trương đầu tư: Có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

11. Tổ chức thực hiện:

a) UBND thành phố Vinh: Phối hợp các Sở, ngành hướng dẫn yêu cầu Chủ đầu tư hoàn thành các thủ tục theo đúng quy định hiện hành trước khi khởi công xây dựng công trình.

b) Yêu cầu Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An:

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND thành phố Vinh để hoàn

thành hồ sơ, thủ tục có liên quan (đất đai, quy hoạch xây dựng, các nội dung về bảo vệ môi trường, PCCC...) trước khi triển khai thực hiện. Dự án theo đúng quy định của pháp luật.

- Thực hiện ký quỹ bảo đảm thực hiện Dự án theo quy định của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Thực hiện đầy đủ các thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, thi hành luật bảo vệ môi trường trước khi triển khai đầu tư xây dựng;

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, thu gom, xử lý các chất thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt yêu cầu theo các quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Căn cứ ý kiến các sở, ngành, địa phương liên quan để triển khai thực hiện dự án đúng yêu cầu, đúng quy định.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định.

- Dự án chỉ được khởi công khi Chủ đầu tư đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục, điều kiện theo quy định của pháp luật.

c) Các Sở ngành liên quan: Hướng dẫn, yêu cầu Nhà đầu tư thực hiện các thủ tục quy hoạch xây dựng, đất đai, hệ thống xử lý chất thải đảm bảo tiêu chuẩn; bảo vệ môi trường, PCCC... trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước khi tiến hành đầu tư, xây dựng dự án.

12. Văn bản này được cấp cho Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An; một bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh Nghệ An.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT ĐT UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, TNMT, Tài chính, Y tế;
- Cục thuế tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu : VT, CN (H.Tuấn)

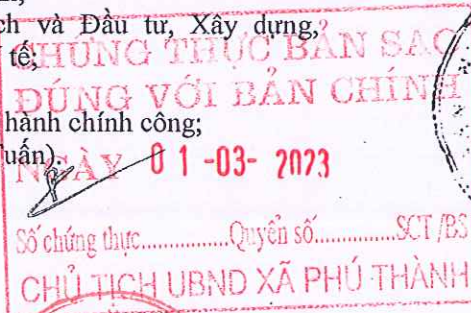
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Đình Long



Lưu Xuân Hoàng

Đã được chấp thuận và đồng ý của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam.

Thực hiện quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Thực hiện quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành, đồng thời để đảm bảo tính minh bạch và công khai trong quá trình thực hiện, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam đã tiến hành đăng ký và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật liên quan đến quản lý tài sản, phòng ngừa rủi ro, và các quy định khác có liên quan để đảm bảo tính minh bạch và công khai trong quá trình thực hiện.

Cần có ý kiến và sự đồng ý của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam.

Ngành tài chính thực hiện các biện pháp bảo vệ theo quy định.

Đã được chấp thuận và đồng ý của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam.

Thực hiện theo quy định của pháp luật. Các số ngân hàng trong đơn, với chủ tài khoản và các chi nhánh quy hoạch xây dựng, đất đai, hạ tầng xã hội, đất đai, bảo hiểm, bảo vệ môi trường, PCCC... phải có quan hệ mật thiết và được thực hiện hoàn thiện và xây dựng lại.

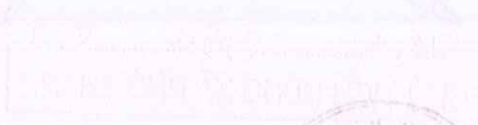
12. Văn bản này được công bố trên Cổng thông tin Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Việt Nam.

Ngày 01 tháng 03 năm 2023.

TM UBAY NHẬN DẪN
KẾ CHỐT CHỮ



01-03-2023



(Handwritten signature)
Ban Giám đốc



Số: 70 /QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
(Cấp lần đầu ngày 06 tháng 4 năm 2021)
(Điều chỉnh lần thứ nhất ngày 27 tháng 7 năm 2021)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Văn bản số 06/CTĐT-UBND ngày 06/4/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Văn bản số 2877/SKHĐT-DN ngày 20/7/2021 về việc Điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh (đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Văn bản số 06/CTĐT-UBND ngày 06/4/2021) với nội dung điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư dự án được quy định tại mục 8, Văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư số 06/CTĐT-UBND ngày 06/4/2021 được điều chỉnh như sau:

“8. Nhà đầu tư: Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số 2902105999 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An cấp; đăng ký lần đầu ngày 17/6/2021 (được tách từ Công ty

TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An); đăng ký thay đổi lần thứ 1, ngày 05/7/2021.

Địa chỉ trụ sở chính: Đại lộ Lê Nin, xóm 7, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Yêu cầu Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung: Triển khai thực hiện dự án theo đúng nội dung quy định tại chủ trương đầu tư và quy hoạch chi tiết xây dựng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Cục Thuế; UBND thành phố Vinh chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện dự án, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư xây dựng, sử dụng đất đai và hoạt động đúng quy định, đảm bảo tiến độ được gia hạn.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số 06/QĐ-UBND do UBND tỉnh Nghệ An cấp ngày 06/4/2021.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Y tế; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Hưng Nguyên; Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung (Nhà đầu tư); Các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

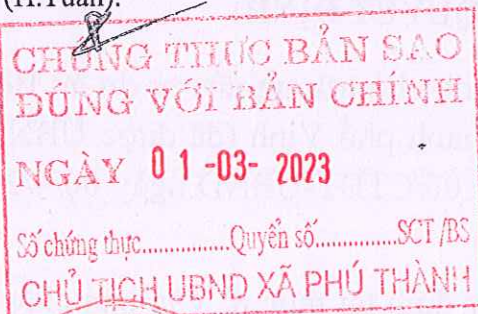
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- PCT VX UBND tỉnh;
- Trung tâm hành chính công tỉnh;
- Trường phòng Công nghiệp;
- Lưu: VT, CN (H.Tuấn).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bur Đình Long



Lưu Xuân Hoàng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1431 /QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 14 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch và đô thị ngày 17/6/2009; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Quyết định số 06/CTĐT-UBND ngày 06/04/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh;

Theo đề nghị của Sở xây dựng tại Văn bản số 1361/SXD.KTQH ngày 04/5/2021 về việc thẩm định Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, với những nội dung chính như sau:

- Tên hồ sơ:** Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh.
- Chủ đầu tư:** Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An.
- Vị trí, diện tích, ranh giới quy hoạch xây dựng:** Tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh (theo vị trí, phạm vi ranh giới quy hoạch đã được phê duyệt).

Vị trí cụ thể như sau:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh;
- Phía Tây Bắc giáp: Công ty TNHH Thành Thái Thịnh;
- Phía Đông Nam giáp: Bệnh viện 115 (cơ sở 2);
- Phía Tây Nam giáp: Đất nông nghiệp.

4. Các thông số quy hoạch và quy mô xây dựng công trình:

4.1. Về quy mô diện tích khu đất và các thông số quy hoạch kiến trúc sau điều chỉnh:

- Diện tích khu đất quy hoạch xây dựng: 2.897,6m², được giới hạn bởi đường nối các điểm A, B, C, D và A.
- Diện tích xây dựng công trình: 1.222,0m²;
- Mật độ xây dựng: 42,17%;
- Tầng cao công trình: Từ 1-7 tầng.

4.2. Về quy hoạch xây dựng các công trình kiến trúc sau điều chỉnh: Các hạng mục công trình chính được thể hiện trong bản vẽ quy hoạch như sau:

- (1). Cổng chính;
- (2). Cổng phụ;
- (3). Nhà bảo vệ, cao 01 tầng, diện tích XD 15,0m²;
- (4). Nhà thuốc, cao 01 tầng, diện tích XD 24,0m²;
- (5). Nhà bệnh viện, cao 07 tầng, diện tích XD 518,0m² (tổng chiều cao công trình không vượt quá 27,5m, trên cốt đất 6,0m đã được Cục Tác chiến - Bộ Tổng tham mưu chấp thuận tại Văn bản số 212/TC-QC ngày 15/4/2021);
- (6). Nhà căng tin, cao 01 tầng, diện tích XD 200,0m²;
- (7). Nhà để xe, cao 01 tầng, diện tích XD 390,0m²;
- (8). Khu xử lý HTKT, diện tích xây XD 50,0m²;
- (9). Trạm điện, diện tích XD 25,0m²;
- (10). Bãi đỗ xe ngoài trời.

5. Phê duyệt kèm theo Quyết định này bộ bản vẽ Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh.

Điều 2.

1. Yêu cầu chủ đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan tổ chức lập hồ sơ cắm mốc ranh giới khu đất; công bố, quản lý và thực hiện quy hoạch theo quy định tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành; Thiết kế xây dựng các công trình kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật theo đúng quy hoạch được phê duyệt, đúng quy định của pháp luật về

đầu tư xây dựng; Tuân thủ nghiêm ngặt các điều kiện bắt buộc về an toàn thi công, chất lượng công trình, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường theo tiêu chuẩn và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Cục Thuế; UBND thành phố Vinh; UBND xã Nghi Phú, thành phố Vinh chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy hoạch, thực hiện các nghĩa vụ đối với nhà nước, đầu tư xây dựng, sử dụng đất đai và hoạt động đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Y tế; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND thành phố Vinh, Chủ tịch UBND xã Nghi Phú, thành phố Vinh; Thủ trưởng các cơ quan liên quan và chủ đầu tư chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- PCT VX UBND tỉnh;
- Trưởng phòng Công nghiệp;
- Lưu: VT, CN (H.Tuấn);

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Số chứng thực..... 4. Quyền số.....
NGÀY 07-06-2021
CÔNG CHỨNG VIÊN
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRƯỜNG THỊ



Bùi Đình Long



Lê Văn Hời

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3035 /QĐ-UBND

TP. Vinh, ngày 23 tháng 08 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500
Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 15/7/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 của Chính phủ lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/08/2019 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị; 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định đề hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 62/2022/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh Nghệ An về việc ban hành quy định phân công, phân cấp về quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Căn cứ Chủ trương đầu tư được UBND Tỉnh chấp thuận tại Văn bản số 06/CTĐT-UBND ngày 06/4/2021, điều chỉnh chủ trương đầu tư lần thứ nhất tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 27/7/2021;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 14/5/2021 của UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh;

Căn cứ Văn bản số 6487/UBND-CN ngày 07/8/2023 của UBND Tỉnh về chủ trương điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh;



Theo đề nghị của Công ty TNHH răng hàm mặt Hoàng Dung tại Văn bản số 89/TTr-Cty đề ngày 16/6/2023; phòng Quản lý đô thị tại Văn bản số 597/QLĐT ngày 18/8/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, với các nội dung như sau:

1. Tên đồ án quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh.

2. Chủ đầu tư: Công ty TNHH răng hàm mặt Hoàng Dung.

3. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập điều chỉnh quy hoạch: Công ty cổ phần thiết kế xây lắp và dịch vụ thương mại.

4. Lý do lập điều chỉnh quy hoạch: Hiện trạng, phía Tây Nam khu đất có một số ngôi mộ chưa giải phóng mặt bằng được để xây dựng hạng mục công trình. Để triển khai, hoàn thành các hạng mục công trình, sớm đưa Dự án vào hoạt động theo chủ trương đã được UBND Tỉnh cho phép điều chỉnh Quy hoạch tại Văn bản số 6487/UBND-CN ngày 07/8/2023.

5. Nội dung đồ án Quy hoạch:

5.1. Vị trí, diện tích khu đất lập điều chỉnh quy hoạch: Tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh (theo Giấy chứng nhận QSD đất số CT 056666 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 26/5/2021), cụ thể:

a) Vị trí:

- Phía Đông Bắc giáp: Đường Xô Viết Nghệ Tĩnh;
- Phía Tây Bắc giáp: Công ty TNHH Thành Thái Thịnh;
- Phía Đông Nam giáp: Bệnh viện 115 (cơ sở 2);
- Phía Tây Nam giáp: Đất nông nghiệp.

b) Diện tích: Tổng diện tích khu đất $S = 2.897,6m^2$, được giới hạn bởi các đường thẳng nối các điểm M1, M2, M3, M4 và M1.

5.2. Nội dung điều chỉnh quy hoạch xây dựng:

5.2.1. Thông số điều chỉnh quy hoạch:

TT	Thông số quy hoạch	Được phê duyệt tại QĐ 1431/QĐ-UBND		Quy hoạch điều chỉnh	
1	Diện tích khu đất	2.897,6 m ²		2.897,6m ₂	
2	Diện tích XDCT	1.222,0 m ²		932,7 m ²	
(1)	Nhà bảo vệ	01 tầng	15,0m ²	01 tầng	20,5m ²

TT	Thông số quy hoạch	Được phê duyệt tại QĐ 1431/QĐ-UBND		Quy hoạch điều chỉnh	
(2)	Nhà thuốc	01 tầng	24,0m ²	01 tầng	25,5m ²
(3)	Nhà bệnh viện	07 tầng	518,0m ²	07 tầng	518,0m ²
(4)	Căng tin	01 tầng	200,0m ²	01 tầng	60,0m ²
(5)	Nhà để xe	01 tầng	390,0m ²	01 tầng	234,7m ²
(6)	Khu XLNT	-	50,0m ²	-	74,0m ²
(7)	Trạm điện	-	25,0m ²	-	Tr. Treo
3	Mật độ xây dựng	42,17%		32,19%	
4	Tầng cao xây dựng công trình	01÷07		01÷07	
5	Hệ số sử dụng đất	1,49 lần		1,39 lần	

5.2.2. Về các chỉ tiêu xây dựng:

- Diện tích xây dựng: 932,7m²;
- Diện tích sân đường nội bộ, bãi đỗ xe và cây xanh: 1.964,9 m²;
- Mật độ xây dựng: 32,19%;
- Tầng cao xây dựng từ 01 ÷ 07 tầng.

5.2.3. Về quy hoạch các công trình kiến trúc: Các hạng mục công trình chính được quy hoạch xây dựng (theo Bản đồ Mặt bằng điều chỉnh Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh) như sau:

- (01). Cổng chính;
- (02). Cổng phụ;
- (03). Nhà bảo vệ, cao 01 tầng, DTXD = 20,5 m²;
- (04). Nhà thuốc, cao 01 tầng, DTXD = 25,5 m²;
- (05). Nhà bệnh viện, cao 07 tầng, DTXD = 518,0 m² (Đã xây dựng);
- (06). Nhà căng tin, cao 01 tầng, DTXD = 60,0 m²;
- (07). Nhà để xe + trạm bơm, cao 01 tầng, DTXD = 234,7 m²;
- (08). Khu xử lý HTKT, cao 01 tầng, DTXD = 74,0 m²;
- (09). Bể nước ngầm;
- (10). Trạm biến áp;
- (11). Sân đường, cây xanh.

5.2.4. Về quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Đồng bộ, phù hợp với Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xã Nghi Phú được UBND Tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2478/QĐ-UBND ngày 27/7/2020 và hạ tầng kỹ thuật đã xây dựng tại khu vực (Lưu ý: Chất thải được thu gom, xử lý theo quy định; thoát nước thải xử lý đạt tiêu chuẩn vệ sinh môi trường trước khi đầu vào hệ thống chung).

6. Ban hành kèm theo Quyết định này là Bản đồ điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chi tiết 1/500 Bệnh viện Răng hàm mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành



phố Vinh đã được UBND thành phố Vinh ký duyệt.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Công ty TNHH Răng hàm mặt Hoàng Dung:

- Tổ chức công bố điều chỉnh quy hoạch chi tiết, công khai thông tin liên quan đến Dự án theo quy định (quy hoạch xây dựng, tổ chức thi công, phương án quản lý...); phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức cắm mốc thực địa;

- Thực hiện các thủ tục về bảo vệ môi trường theo đúng quy định trước khi triển khai xây dựng các hạng mục công trình; đối với thu gom, xử lý chất thải, nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo đạt yêu cầu theo các quy chuẩn về bảo vệ môi trường hiện hành; lập trình cơ quan chức năng thẩm định, phê duyệt phương án về phòng cháy, chữa cháy đảm bảo đúng quy định trước khi triển khai xây dựng;

- Triển khai Dự án đúng mật bằng Quy hoạch được phê duyệt, đảm bảo tiến độ và chất lượng. Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện; đối với các hạng mục hạ tầng kỹ thuật phải xây dựng đồng bộ đảm bảo đấu nối vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài Dự án;

- Tổng hợp hồ sơ quy hoạch được duyệt, bàn giao cho các cơ quan liên quan theo quy định các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; Các phòng chuyên môn thuộc UBND Thành phố: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Nghi Phú.

2. Các phòng: Quản lý đô thị, Tài nguyên và Môi trường, UBND xã Nghi Phú chịu trách nhiệm hướng dẫn, giám sát việc thực hiện quy hoạch, thực hiện các thủ tục về đầu tư xây dựng, sử dụng đất đai để phát huy hiệu quả quy hoạch, đảm bảo đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Chánh văn phòng HĐND-UBND Thành phố; Trưởng các phòng: Quản lý đô thị; Tài nguyên và Môi trường; Tài chính và Kế hoạch; Chủ tịch UBND xã Nghi Phú, Giám đốc Công ty TNHH Răng hàm mặt Hoàng Dung và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND Tỉnh (để b/c);
- Sở Xây dựng (để b/c);
- CT, các PCT UBND TP;
- Lưu: VT, QĐĐT (để b/c).....Quyển số..... SCT/BS

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 07-09-2023

CHỦ TỊCH UBND XÃ HOA THÀNH

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tú



Nguyễn Công Hồng

Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Thửa đất:

Thửa đất số: 118; tờ bản đồ số: 18;

Địa chỉ thửa đất: Xóm 7, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Diện tích: 2.897,6 m². (Bằng chữ: Hai nghìn tám trăm chín mươi bảy phẩy sáu mét vuông);

Hình thức sử dụng đất: Riêng: 2.897,6 m²; chung: Không;

Mục đích sử dụng đất: Đất xây dựng cơ sở y tế;

Thời hạn sử dụng đất: Đến hết ngày 06/4/2071;

Nguồn gốc sử dụng đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm.

Vấn đề: -/-

Công trình xây dựng khác: -/-

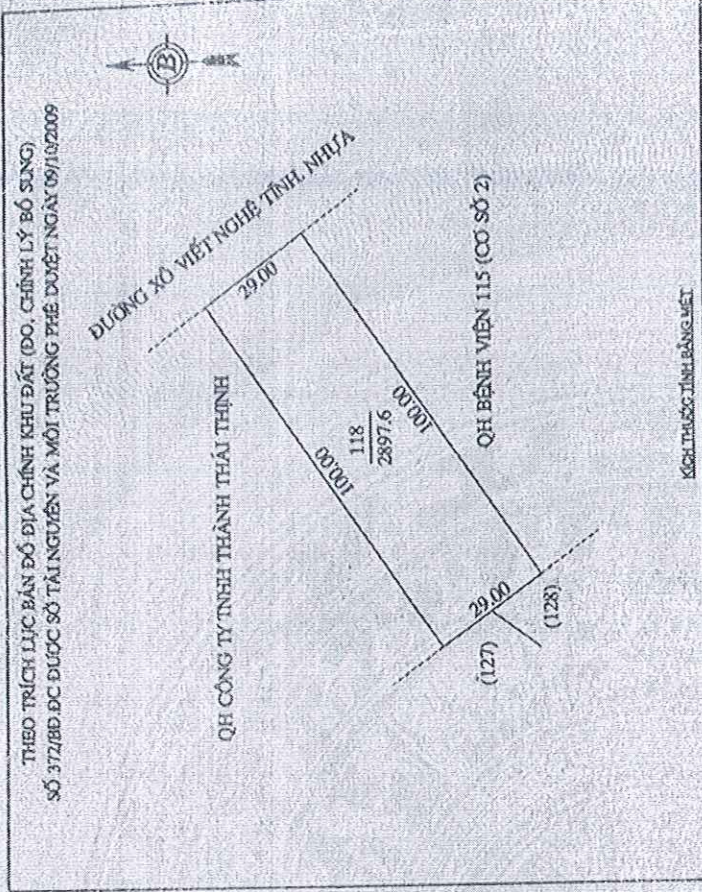
Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

Cây lâu năm: -/-

Chi chú:

Độc sử dụng đất phải đúng mục đích xây dựng Bệnh viện răng hàm mắt Nghệ An; ược cấp đổi từ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mã số CC 195299 cấp ngày 19/12/2016.

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

<p>Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền</p>	<p>Ngày 28/6/2021</p> <p>Người sử dụng đất đổi tên thành Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mắt Hoàng Dung. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp: 2902105999 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Đăng ký lần đầu ngày 17/6/2021. Địa chủ tự sở chính: Đại tá Lê Nim, xóm 7 xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An (đo chia tách doanh nghiệp) theo hồ sơ số 000153-CP-001/</p> <p>P. GIẢNG NGUYỄN</p>
---	---

Nghệ An, ngày 06 tháng 5 năm 2021

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN
P. GIÁM ĐỐC CHƯNG KẾ CỐ BẢN SÁCH ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY 01-03-2023



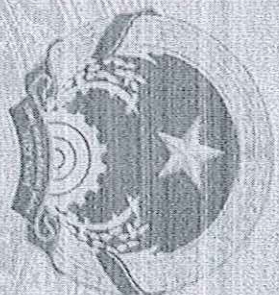
Yêu Tuấn Hoàng

áp giấy chứng nhận: (CT).....*1.4.7*

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RÀNG HẠM MẬT NGHỆ AN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên
mã số doanh nghiệp 2900613644 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch
và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp. Đăng ký lần đầu ngày 24/5/2010, đăng ký thay đổi
lần thứ 17 ngày 07/4/2021.

Địa chỉ trụ sở chính: Đường Xô viết Nghệ Tĩnh, xóm 7, xã Nghi Phú, thành phố
Vinh, tỉnh Nghệ An.

Nội dung cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



4 0 1 6 7 0 2 2 1 0 0 6 7 7 8

CT 05

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH

Số: 1993/GP-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Vinh, ngày 23 tháng 11 năm 2023

BẢN SAO

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

**Thi công đấu nối hệ thống thoát nước của dự án Bệnh viện răng hàm mặt
Hoàng Dung tại Đại lộ Lê-nin, xóm 7, xã Nghi Phú
vào hệ thống của thành phố Vinh**

1. Cấp phép cho: Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung
Địa chỉ: Đại lộ Lê-nin, xóm 7, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ
An.

2. Được phép đấu nối hệ thống thoát nước thải của dự án Bệnh viện răng
hàm mặt Hoàng Dung tại Đại lộ Lê-nin, xóm 7, xã Nghi Phú vào hệ thống của
Thành phố theo đề nghị tại Tờ trình số 1011/TTr-BVRHM ngày 09/11/2023 của
Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung; thỏa thuận đấu nối số
06/2023/TN.ĐNTN ngày 15/11/2023 giữa Công ty Cổ phần quản lý và phát
triển hạ tầng đô thị Vinh và Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng
Dung; bản vẽ đấu nối có xác nhận của Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ
tầng đô thị Vinh và UBND xã Nghi Phú.

3. Một số quy định cụ thể:

Đấu nối thoát nước: Đấu nối thoát nước nước thải của Bệnh viện răng
hàm mặt Hoàng Dung tại Đại lộ Lê-nin, xóm 7, xã Nghi Phú vào mương thoát
nước đường V.I.Lê-nin phía Đông của dự án, **sau khi đã nghiệm thu hệ thống
xử lý nước thải theo đúng quy định hiện hành.**

- Vị trí đấu nối thoát nước: Đấu nối vào mương thoát nước B1500 của
thành phố (đấu nối vào vị trí hố thăm, không đấu nối trực tiếp vào cống thoát
nước), vị trí mương nằm trên vỉa hè phía Tây đường V.I.Lê-nin, vị trí điểm đấu
nối tại hố thăm trước khu đất của dự án (chi tiết vị trí tại bình đồ kèm theo).

- Tại vị trí đấu nối bố trí hộp đấu nối để thuận lợi cho việc kiểm tra, giám
sát, bảo dưỡng khi cần thiết tránh rò rỉ nước thải.

- Cống đấu nối sử dụng công bê tông ly tâm D400. Cao độ đáy điểm đấu
nối phải thấp hơn cao độ các công trình của dự án và cao hơn cao độ đáy mương
thoát nước thành phố nhằm đảm bảo nước từ hệ thống thoát nước công cộng
không chảy ngược vào.

- Nước thải trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải xử lý đạt tiêu
chuẩn, đảm bảo các quy chuẩn xả thải hiện hành trước khi đấu nối vào mương
thoát nước chung.

- Sau khi đấu nối, phải hoàn trả mặt bằng vỉa hè theo kết cấu và cao độ
hiện trạng, đảm bảo mỹ quan đô thị.

- Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung phải có trách nhiệm đóng phí thoát nước theo quy định.

4. Trách nhiệm của đơn vị được cấp phép:

- Trình GPXD cho UBND xã Nghi Phú, Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh để kiểm tra vị trí và kỹ thuật đầu nối.

- Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung chịu hoàn toàn trách nhiệm trong việc đảm bảo định vị mặt bằng, giải pháp kỹ thuật, an toàn lao động, an toàn giao thông, trật tự đô thị và vệ sinh môi trường.

- Khi thi công gặp phải các công trình ngầm như tuyến ống cấp thoát nước, cáp viễn thông, cáp điện... Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung phải liên hệ với các đơn vị chủ quản các công trình đó để phối hợp giám sát và chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tuyệt đối cho các công trình ngầm. Nếu quá trình thi công làm hư hỏng các công trình Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung phải sửa chữa trả lại nguyên trạng ban đầu.

5. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị liên quan: Đội Quản lý trật tự đô thị Thành phố, Công ty Cổ phần quản lý và phát triển hạ tầng đô thị Vinh, UBND xã Nghi Phú và các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm giám sát việc thực hiện theo Giấy phép đã được cấp.

6. Giấy phép này có hiệu lực: Trong thời gian 03 tháng kể từ ngày ký, nếu quá thời hạn quy định Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Hoàng Dung phải xin phép gia hạn./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Bệnh viện RHM Hoàng Dung;
- Phòng QLĐT;
- Công ty CPQL và PTHHĐT Vinh;
- Đội QLTTĐT TP;
- UBND xã Nghi Phú;
- Lưu: VT, QLĐT(VHT).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



SAO Y BẢN CHÍNH

NGÀY 28-11-2018

Số: 8835/VPCCT.....Quyển số 02/SBS



Trần Thị Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08/GXN-UBND

Vinh, ngày 17 tháng 8 năm 2021

**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH XÁC NHẬN

Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An đã đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An tại, xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Công ty TNHH Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;
3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình bảo vệ môi trường trước khi dự án đi vào hoạt động.
4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường và thực hiện quan trắc chất thải định kỳ; Bảo đảm nước thải, khí thải phải được thu gom, xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất thải; Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật.
5. Báo cáo bằng văn bản cho UBND thành phố Vinh khi có những thay đổi, điều chỉnh nội dung Kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ được thực hiện khi có sự chấp thuận của UBND thành phố Vinh.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án.

Nơi nhận:

- Sở TNMT (để b/c);
- CT, PCT UBND TP phụ trách kinh tế;
- Phòng TNMT;
- UBND xã Nghi Phú (để giám sát);
- Công ty TNHH BV răng hàm mặt NA (để t/h);
- Lưu: VT, HS.

**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**
NGÀY 07-03-2023
SCT/BS
CHỦ TỊCH UBND XÃ PHÚ THÀNH

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Quang Lâm



Lưu Xuân Hoàng

GIẤY KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐƠN ĐƠN NHẬN ĐƠN THÀNH PHẦN

Công ty TNHH Bảo vệ môi trường Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty Bảo vệ môi trường Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 15/03/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Vinh.

Công ty TNHH Bảo vệ môi trường Việt Nam có trụ sở tại địa chỉ: [Địa chỉ], thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

1. Từ chức nhiệm vụ trước pháp luật về thành lập Công ty Bảo vệ môi trường Việt Nam theo Quyết định số 123/QĐ-UBND ngày 15/03/2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Vinh.

2. Từ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường năm 2014.

3. Từ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký. Hoàn thành và đưa vào sử dụng các công trình bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động.

4. Bảo cáo kết quả quản lý chất thải rắn, chất lỏng và nước thải theo quy định của pháp luật. Báo cáo nước thải, khí thải định kỳ theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo hàng năm báo cáo UBND thành phố Vinh khi có những thay đổi liên quan nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường và chỉ đạo thực hiện khi có sự chấp thuận của UBND thành phố Vinh.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan chức năng kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của đơn vị.

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN
C.T. CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 01-03-2023
CHỦ TỊCH UBND XÃ HƯNG THẠNH

Thành phố Vinh

(Handwritten signature)
[Red circular official stamp]



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Hôm nay, vào hồi ...11...giờ ..00., ngày ..14.. tháng ..11.. năm ..2023

Tại: Dự án Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An

Địa chỉ: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

I. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ : Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung

1. Ông (bà): Nguyễn Như Ý , Chức vụ: BQL Dự án.....

2. Ông (bà): , Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CP QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Luân , Chức vụ: KTV.....

2. Ông (bà): , Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN: Viện Khoa học và phát triển công nghệ môi trường

1. Ông (bà): Nguyễn Thị Kim Yến , Chức vụ: CBNV

2. Ông (bà): , Chức vụ:

IV. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): , Chức vụ:

2. Ông (bà): , Chức vụ:

Nội dung: cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc/lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

V. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

.....

VI. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

.....

VII. VỊ TRÍ LẤY MẪU (MÔ TẢ SƠ QUA VỊ TRÍ):

.....

VIII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu (ghi rõ thời gian)	Thông số đo nhanh tại hiện trường	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý	
A	MÔI TRƯỜNG NƯỚC				
1	Kênh bắc		NM	2067172	599998
2					
3					

B MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, KHÍ THẢI					
1	kk Trung tâm DA'		kk	2069799	597573
2					
3					
C MÔI TRƯỜNG ĐẤT, TRẦM TÍCH					
1					
2					

Việc lấy mẫu được thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan. Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào .8... giờ .00. phút, ngày .11/11/2023..... và kết thúc vào .11. giờ .00. phút, ngày .11/11/2023.....

Biên bản được lập thành .02. bản, có nội dung như nhau, mỗi bên có tên trên giữ 01. bản làm cơ sở để các bên xác nhận khối lượng cụ thể các công việc đã thực hiện theo nội dung biên bản và cùng ký tên xác nhận dưới đây.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
 ĐO ĐẠC/LẤY MẪU**
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Luân
 Nguyễn Văn Luân

ĐẠI DIỆN ...
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Như Ý

ĐẠI DIỆN ..Viện KTTVA PTCHIMT
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Kim Yếu



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Hôm nay, vào hồi ...9...giờ 30..., ngày 15. tháng 11. năm 2023

Tại: Dự án Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An

Địa chỉ: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

I. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ : Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung

1. Ông (bà): Nguyễn Như Ý , Chức vụ: BAL Dự án.....

2. Ông (bà): , Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CP QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Luân , Chức vụ: KT.V.....

2. Ông (bà): , Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN: Viện Khoa học và phát triển công nghệ môi trường

1. Ông (bà): Nguyễn Thị Kim Yến , Chức vụ: CBNV

2. Ông (bà): , Chức vụ:

IV. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): , Chức vụ:

2. Ông (bà): , Chức vụ:

Nội dung: cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc/lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

V. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

..... Khương mát.....

VI. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

.....

VII. VỊ TRÍ LẤY MẪU (MÔ TẢ SƠ QUA VỊ TRÍ):

.....

VIII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu (ghi rõ thời gian)	Thông số đo nhanh tại hiện trường	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý
A	MÔI TRƯỜNG NƯỚC			
1				
2				
3				

B MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, KHÍ THẢI					
1	kk Trung tâm DA'		kk	2069799	597573
2					
3					
C MÔI TRƯỜNG ĐẤT, TRẦM TÍCH					
1					
2					

Việc lấy mẫu được thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan. Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào 8... giờ 00... phút, ngày 15/11/2023... và kết thúc vào 9... giờ 30... phút, ngày 15/11/2023.....

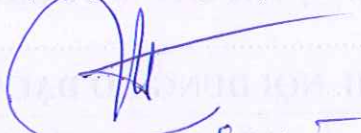
Biên bản được lập thành 02.. bản, có nội dung như nhau, mỗi bên có tên trên giữ 01.. bản làm cơ sở để các bên xác nhận khối lượng cụ thể các công việc đã thực hiện theo nội dung biên bản và cùng ký tên xác nhận dưới đây.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
 ĐO ĐẠC/LẤY MẪU**
 (Ký, ghi rõ họ tên)


Luân
 Nguyễn Văn Luân

ĐẠI DIỆN ...
 (Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Như Ý

ĐẠI DIỆN ...
 (Ký, ghi rõ họ tên)


 Nguyễn Thị Kim Yến



BIÊN BẢN ĐO ĐẠC/LẤY MẪU VÀ XÁC NHẬN KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC

Hôm nay, vào hồi .9.....giờ .30., ngày .16. tháng .11... năm 2023

Tại: Dự án Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An

Địa chỉ: xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

I. ĐẠI DIỆN CƠ SỞ : Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung

1. Ông (bà): Nguyễn Như Ý , Chức vụ: BQL Dự án.....

2. Ông (bà): , Chức vụ:

II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐO ĐẠC, LẤY MẪU: CÔNG TY CP QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG

1. Ông (bà): Nguyễn Văn Luân , Chức vụ: KTV.....

2. Ông (bà): , Chức vụ:

III. ĐẠI DIỆN: Viện Khoa học và phát triển công nghệ môi trường

1. Ông (bà): Nguyễn Thị Kim Yến , Chức vụ: CBNV

2. Ông (bà): , Chức vụ:

IV. ĐẠI DIỆN:

1. Ông (bà): , Chức vụ:

2. Ông (bà): , Chức vụ:

Nội dung: cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc/lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường và xác nhận khối lượng công việc đã thực hiện của Cơ sở như sau:

V. ĐIỀU KIỆN KHÍ TƯỢNG KHI ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

..... Thướt mát.....

VI. ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ KHI ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

VII. VỊ TRÍ LẤY MẪU (MÔ TẢ SƠ QUA VỊ TRÍ):

VIII. NỘI DUNG ĐO ĐẠC/LẤY MẪU:

STT	Vị trí đo đạc, lấy mẫu (ghi rõ thời gian)	Thông số đo nhanh tại hiện trường	Ký hiệu mẫu	Tọa độ địa lý
A	MÔI TRƯỜNG NƯỚC			
1				
2				
3				



THAI DUONG ETM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG
THAI DUONG ENVIRONMENTAL TREATMENT AND MONITORING JSC

Địa chỉ: Số 24, ngõ 18 phố Phan Văn Trị, P.Quốc Tử Giám, Q.Đống Đa, thành phố Hà Nội

ĐT: 0243.5737766

Fax: 0243.5773403

E-mail: thaidualong.etm@gmail.com

B MÔI TRƯỜNG KHÔNG KHÍ, KHÍ THẢI					
1	KK Trung tâm DA'		kk	298 9799	597 573
2					
3					
C MÔI TRƯỜNG ĐẤT, TRẦM TÍCH					
1					
2					

Việc lấy mẫu được thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan. Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào ...8... giờ ...00... phút, ngày 16/11/2023..... và kết thúc vào ...9... giờ ...30... phút, ngày 16/11/2023.....

Biên bản được lập thành ..02.. bản, có nội dung như nhau, mỗi bên có tên trên giữ 01.. bản làm cơ sở để các bên xác nhận khối lượng cụ thể các công việc đã thực hiện theo nội dung biên bản và cùng ký tên xác nhận dưới đây.

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ
ĐO ĐẠC/LẤY MẪU**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Luân
Nguyễn Văn Luân

ĐẠI DIỆN ...
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Như Ý

ĐẠI DIỆN ..Viện KH và PTCNMT
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Lâm Yên



THAI DUONG ETM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG
THAI DUONG ENVIRONMENTAL TREATMENT AND MONITORING JSC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 163 – VILAS 1498

Địa chỉ: Số 24, ngõ 18 Phố Phan Văn Trị, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 0243.5737766 . Hotline: 0982.750.973 (Mrs Uyên) hoặc 0982.563.838 (Mr Chức)
E-mail: thaiduong.etm@gmail.com Web: thaiduongetm.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: PKQ_TD/11.2023/2359

1. Khách hàng: Viện Khoa học và Phát triển Công nghệ môi trường
2. Địa chỉ: Số 88 đường Thịnh Vượng, KĐT Handico 30, xóm 20, xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
3. Địa điểm lấy mẫu: Dự án: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung.
4. Loại mẫu: Nước mặt
5. Mã mẫu: N111423/02.1
6. Vị trí lấy mẫu: Ký hiệu mẫu: Tọa độ:
- Kênh Bắc NM X: 2067172; Y: 599998
7. Thời gian lấy mẫu: 14/11/2023 Thời gian phân tích: 14/11 – 24/11/2023

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 08:2023/ BTNMT
				NM	
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,0-8,5 ⁽²⁾
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	25	>100 và không có rác nổi ⁽²⁾
3	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	mg/L	TCVN 6001-1:2008	8,5	≤10 ⁽²⁾
4	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	SMEWW 5220C:2017	17	≤20 ⁽²⁾
5	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)	mg/L	TCVN 7325:2016	4,7	≥4,0 ⁽²⁾
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	0,21	0,3 ⁽¹⁾
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ -N)	mg/L	TCVN 6180:1996	<0,03	-
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ -P)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,13	-
9	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2017	3.600	≤7.500 ⁽²⁾

Ghi chú:

- QCVN 08:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt

⁽¹⁾: Giá trị giới hạn tối đa các thông số ảnh hưởng tới sức khỏe con người

⁽²⁾: Chất lượng nước mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

ĐẠI DIỆN PHÒNG QT & PT MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thùy Linh

Nguyễn Trung Tuấn



Đoàn Thị Hoa Uyên

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
• MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
(-): Không quy định

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc; không mẫu tại PTN
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.
(*) : Chỉ nêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KYC: Không yêu cầu phân tích



THAI DUONG ETM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG
THAI DUONG ENVIRONMENTAL TREATMENT AND MONITORING JSC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 163 – VILAS 1498

Địa chỉ: Số 24, ngõ 18 Phố Phan Văn Trị, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 0243.5737766 . Hotline: 0982.750.973 (Mrs Uyên) hoặc 0982.563.838 (Mr Chửc)
E-mail: thaidualong.etm@gmail.com Web: thaidualong.etm.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: PKQ_TD/11.2023/2360

1. Khách hàng: Viện Khoa học và Phát triển Công nghệ môi trường
2. Địa chỉ: Số 88 đường Thịnh Vượng, KĐT Handico 30, xóm 20, xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An.
3. Địa điểm lấy mẫu : Dự án: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung.
4. Loại mẫu: Không khí xung quanh
5. Mã mẫu : K111423/01.1
6. Vị trí lấy mẫu: Ký hiệu mẫu : Tọa độ :
- Không khí trung tâm dự án KK X: 2069799; Y: 597573
7. Thời gian lấy mẫu: 14/11/2023 Thời gian phân tích: 14/11 – 24/11/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT (TB 1 giờ)
				KK	
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	49,1	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	171	300
3	CO	µg/Nm ³	TD/SOP/PT-KK04	<4.000	30.000
4	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	105	350
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	90	200

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (TB 1 giờ)
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

ĐẠI DIỆN PHÒNG QT & PT MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thùy Linh

Nguyễn Trung Tuấn



Đoàn Thị Hoa Uyên

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
(-): Không quy định

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc; nhận mẫu tại PTN
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.
(*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KYC: Không yêu cầu phân tích



THAI DUONG ETM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG
THAI DUONG ENVIRONMENTAL TREATMENT AND MONITORING JSC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 163 – VILAS 1498

Địa chỉ: Số 24, ngõ 18 Phố Phan Văn Trị, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 0243.5737766. Hotline: 0982.750.973 (Mrs Uyên) hoặc 0982.563.838 (Mr Chức)
E-mail: thaiduong.etm@gmail.com Web: thaiduongetm.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: PKQ_TD/11.2023/2361

1. Khách hàng: Viện Khoa học và Phát triển Công nghệ môi trường
2. Địa chỉ: Số 88 đường Thịnh Vượng, KĐT Handico 30, xóm 20, xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
3. Địa điểm lấy mẫu: Dự án: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung.
4. Loại mẫu: Không khí xung quanh
5. Mã mẫu: K111523/01.1
6. Vị trí lấy mẫu: Ký hiệu mẫu: Tọa độ: X: 2069799; Y: 597573
- Không khí trung tâm dự án KK
7. Thời gian lấy mẫu: 15/11/2023 Thời gian phân tích: 15/11 – 24/11/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT (TB 1 giờ)
				KK	
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	51,3	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	182	300
3	CO	µg/Nm ³	TD/SOP/PT-KK04	<4.000	30.000
4	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	97	350
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	101	200

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (TB 1 giờ)
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

ĐẠI DIỆN PHÒNG QT & PT
MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thùy Linh

Nguyễn Trung Tuấn



Đoàn Thị Hoa Uyên

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
(-): Không quy định

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc; nghiệm mẫu tại PTN
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.
(*): Chỉ nêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KYC: Không yêu cầu phân tích



THAI DUONG ETM

CÔNG TY CỔ PHẦN QUAN TRẮC VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG THÁI DƯƠNG
THAI DUONG ENVIRONMENTAL TREATMENT AND MONITORING JSC
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 163 – VILAS 1498

Địa chỉ: Số 24, ngõ 18 Phố Phan Văn Trị, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP Hà Nội
ĐT: 0243.5737766. Hotline: 0982.750.973 (Mrs Uyên) hoặc 0982.563.838 (Mr Chức)
E-mail: thaiduong.etm@gmail.com Web: thaiduongetm.vn

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Mã số: PKQ_TD/11.2023/2362

1. Khách hàng: Viện Khoa học và Phát triển Công nghệ môi trường
2. Địa chỉ: Số 88 đường Thịnh Vượng, KĐT Handico 30, xóm 20, xã Nghi Phú, TP Vinh, tỉnh Nghệ An
3. Địa điểm lấy mẫu: Dự án: Bệnh viện Răng Hàm Mặt Nghệ An tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thuộc Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm Mặt Hoàng Dung.
4. Loại mẫu: Không khí xung quanh
5. Mã mẫu: K111623/01.1
6. Vị trí lấy mẫu: Ký hiệu mẫu: Tọa độ: X: 2069799; Y: 597573
- Không khí trung tâm dự án KK
7. Thời gian lấy mẫu: 16/11/2023 Thời gian phân tích: 16/11 – 24/11/2023

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 05:2023/ BTNMT (TB 1 giờ)
				KK	
1	Tiếng ồn	dB(A)	TCVN 7878-2:2018	54,6	70 ⁽¹⁾
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995	178	300
3	CO	µg/Nm ³	TD/SOP/PT-KK04	<4.000	30.000
4	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995	92	350
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009	98	200

Ghi chú:

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí (TB 1 giờ)
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2023

NGƯỜI LẬP PHIẾU

ĐẠI DIỆN PHÒNG QT &
PT MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thùy Linh

Nguyễn Trung Tuấn



Đoàn Thị Hoa Uyên

- KPH: Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp
(-): Không quy định

- Kết quả chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm tại thời điểm quan trắc; nhận mẫu tại PTN
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của PTN;
- Sau 05 ngày kể từ ngày trả kết quả, nếu khách hàng không có phản hồi lại mẫu sẽ bị hủy theo quy định.
(*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- KYC: Không yêu cầu phân tích



ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500: BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGHI PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN.

MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ.

0 2 4 6 8 10 M

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ THỰC HIỆN:

- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ: 06/CTĐT-UBND CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN NGÀY 06/04/2021;
- CĂN CỨ GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT SỐ: CC 195299 ĐÃ ĐƯỢC SỐ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG NGHỆ AN CẤP NGÀY 19/12/2016;
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ: 1431/QĐ-UBND NGÀY 14/5/2021 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN TẠI XÃ NGHI PHÚ, THÀNH PHỐ VINH.
- CĂN CỨ QUYẾT ĐỊNH SỐ: 70/QĐ-UBND NGÀY 27/7/2021 CỦA UBND TỈNH NGHỆ AN VỀ VIỆC CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DỰ ÁN BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN.
- CĂN CỨ BẢN ĐỒ KHẢO SÁT HIỆN TRẠNG DO ĐƠN VỊ TƯ VẤN LẬP THÁNG 05 NĂM 2023.

II. PHẠM VI NGHIÊN CỨU QUY HOẠCH:

- KHU ĐẤT QUY HOẠCH NẪM TẠI XÃ NGHI PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN CÓ VỊ TRÍ TIẾP GIÁP CỤ THỂ NHƯ SAU:
- PHÍA ĐÔNG BẮC GIÁP: ĐƯỜNG XÒ VIẾT NGHỆ TĨNH QUY HOẠCH RỘNG 58M;
- PHÍA TÂY NAM GIÁP: ĐẤT NÔNG NGHIỆP;
- PHÍA TÂY BẮC GIÁP: CÔNG TY TNHH THÀNH THÁI THỊNH;
- PHÍA ĐÔNG NAM GIÁP: BỆNH VIỆN 115 (CƠ SỞ 2).

III. CÁC THÔNG SỐ QUY HOẠCH, KIẾN TRÚC:

- KHU ĐẤT QUY HOẠCH ĐƯỢC GIỚI HẠN BỞI ĐƯỜNG NỐI CÁC ĐIỂM (M1, M2, M3, M4) CÓ DIỆN TÍCH: S = 2.897,6 M²;
- DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 932,7 M²;
- MẬT ĐỘ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: 32,19 %;
- TẦNG CAO CÔNG TRÌNH: 01 - 07 TẦNG.

IV. GHI CHÚ

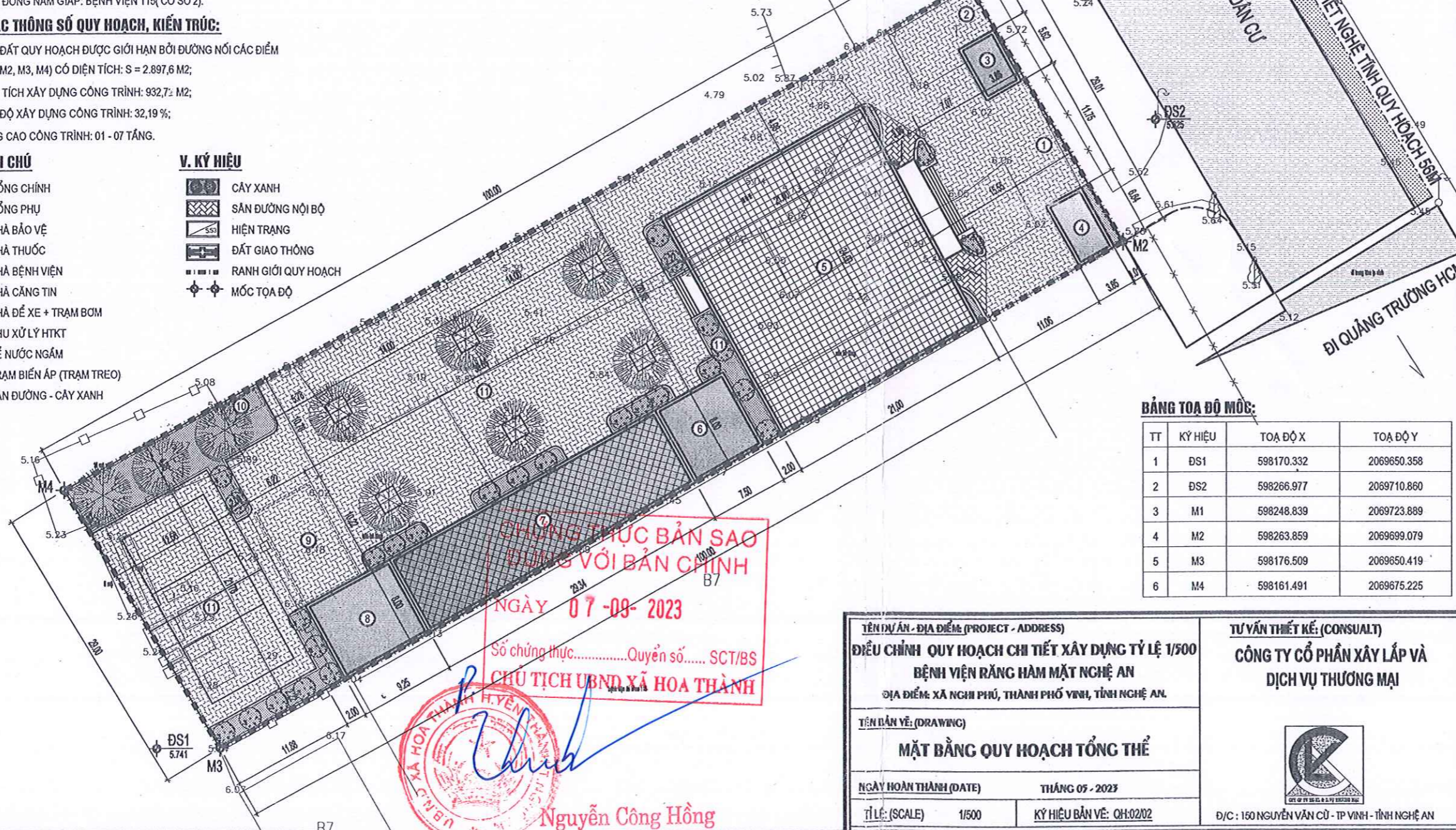
- 1 CỐNG CHÍNH
- 2 CỐNG PHỤ
- 3 NHÀ BẢO VỆ
- 4 NHÀ THUỐC
- 5 NHÀ BỆNH VIỆN
- 6 NHÀ CĂNG TIN
- 7 NHÀ ĐỂ XE + TRẠM BƠM
- 8 KHU XỬ LÝ HTKT
- 9 BỂ NƯỚC NGÂM
- 10 TRẠM BIẾN ÁP (TRẠM TREENO)
- 11 SÂN ĐƯỜNG - CÂY XANH

V. KÝ HIỆU

- CÂY XANH
- SÂN ĐƯỜNG NỘI BỘ
- HIỆN TRẠNG
- ĐẤT GIAO THÔNG
- RANH GIỚI QUY HOẠCH
- MỐC TỌA ĐỘ

BẢNG TỔNG HỢP CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT:

TT	HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH	TẦNG CAO (tầng)	DIỆN TÍCH (m ²)	TỶ LỆ (%)
A	DIỆN TÍCH KHU ĐẤT LẬP QUY HOẠCH		2.897,6	
1	CỐNG CHÍNH			
2	CỐNG PHỤ			
3	NHÀ BẢO VỆ	1,0	20,5	0,71
4	NHÀ THUỐC	1,0	25,5	0,88
5	NHÀ BỆNH VIỆN	7,0	518,0	17,88
6	NHÀ CĂNG TIN	1,0	60,0	2,07
7	NHÀ ĐỂ XE + TRẠM BƠM	1,0	234,7	8,10
8	KHU XỬ LÝ HTKT	1,0	74,0	2,55
9	BỂ NƯỚC NGÂM		63,5	2,19
10	TRẠM BIẾN ÁP (TRẠM TREENO)			
11	SÂN ĐƯỜNG - CÂY XANH			
B	THÔNG SỐ CHỈ TIÊU QUY HOẠCH			
1	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (không bao gồm bể ngâm, cống chính, cống phụ, bậc tam cấp, lối lên sân) (m ²)		932,7	
2	MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)		32,19	



BẢNG TỌA ĐỘ MỐC:

TT	KÝ HIỆU	TOA ĐỘ X	TOA ĐỘ Y
1	ĐS1	598170.332	2069650.358
2	ĐS2	598266.977	2069710.860
3	M1	598248.839	2069723.889
4	M2	598263.859	2069699.079
5	M3	598176.509	2069650.419
6	M4	598161.491	2069675.225

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT UBND THÀNH PHỐ VINH Chủ tịch



Kèm theo Quyết định phê duyệt số QĐ/UBND ngày 1/2023

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH PHÒNG QUẢN LÝ ĐÔ THỊ

Trưởng phòng



Kèm theo VBTD số ngày 1/2023

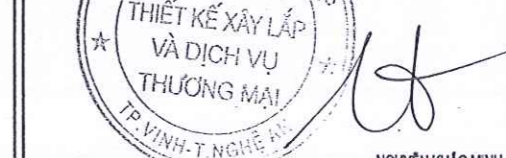
CƠ QUAN THỎA THUẬN UBND XÃ NGHI PHÚ Chủ tịch



CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG Giám đốc



GIÁM ĐỐC (DESIGNER) THIẾT KẾ XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI



CHỦ TRƯỞNG THIẾT KẾ: MASTER KTS: NGUYỄN ĐÌNH TUỆ THIẾT KẾ: DESIGNER KTS: NGUYỄN HUY HOÀNG

TÊN DỰ ÁN - ĐỊA ĐIỂM (PROJECT - ADDRESS)
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN
 ĐỊA ĐIỂM: XÃ NGHI PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN.

TÊN BẢN VẼ (DRAWING)
MẶT BẰNG QUY HOẠCH TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH (DATE) THÁNG 05 - 2023

TỶ LỆ (SCALE) 1/500 KÝ HIỆU BẢN VẼ: QH.02/02

TƯ VẤN THIẾT KẾ (CONSULT)
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI

Đ/C: 150 NGUYỄN VĂN CỬ - TP VINH - TỈNH NGHỆ AN

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
 NGÀY 07-09-2023
 Số chứng thực.....Quyền số..... SCT/BS
 CHỦ TỊCH UBND XÃ HOA THÀNH
 Nguyễn Công Hồng

Số: /STNMT-BVMT

Nghệ An, ngày tháng năm 2024

V/v hướng dẫn thủ tục môi trường đối với
Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An

Kính gửi: Công ty TNHH Bệnh viện Răng hàm mặt Hoàng Dung

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được Văn bản số 1707/CV-HĐ ngày 17/7/2024 của Công ty TNHH Bệnh viện Răng Hàm mặt Hoàng Dung về việc đề nghị hướng dẫn thủ tục môi trường đối với dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An có địa chỉ tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi xem xét hồ sơ và căn cứ các quy định có liên quan, Sở Tài nguyên và Môi trường có ý kiến như sau:

1. Các thông tin có liên quan của Dự án:

Dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An có địa chỉ tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/4/2021, chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư tại Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 22/7/2021, phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 1431/QĐ-UBND ngày 14/5/2021;

Dự án được UBND thành phố Vinh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 tại Quyết định số 3035/QĐ-UBND ngày 23/8/2023, cấp Giấy phép xây dựng số 138/GPXD ngày 23/11/2022; cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 08/GXN-UBND ngày 17/8/2021.

Dự án đã hoàn thành thi công xây dựng theo Giấy phép xây dựng số 138/GPXD ngày 23/11/2022 và chưa đi vào hoạt động.

2. Ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường:

Dự án Bệnh viện răng hàm mặt Nghệ An có địa chỉ tại xã Nghi Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An đã được UBND thành phố Vinh cấp giấy xác nhận Đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường trước ngày Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 có hiệu lực, đã hoàn thành thi công xây dựng và chưa đi vào hoạt động. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 4 Điều 41, khoản 2 Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường dự án thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, thuộc thẩm quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường của UBND thành phố Vinh.

Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn đề Công ty TNHH Bệnh viện Răng hàm mặt Hoàng Dung biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Lưu: VT, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Quang Huy



CÔNG TY CỔ PHẦN VINAGREEN GROUP

ĐỊA CHỈ: SỐ 88 - ĐƯỜNG THỊNH VƯỢNG - XÃ NGHI PHÚ - THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

HỒ SƠ BẢN VẼ KỸ THUẬT THI CÔNG

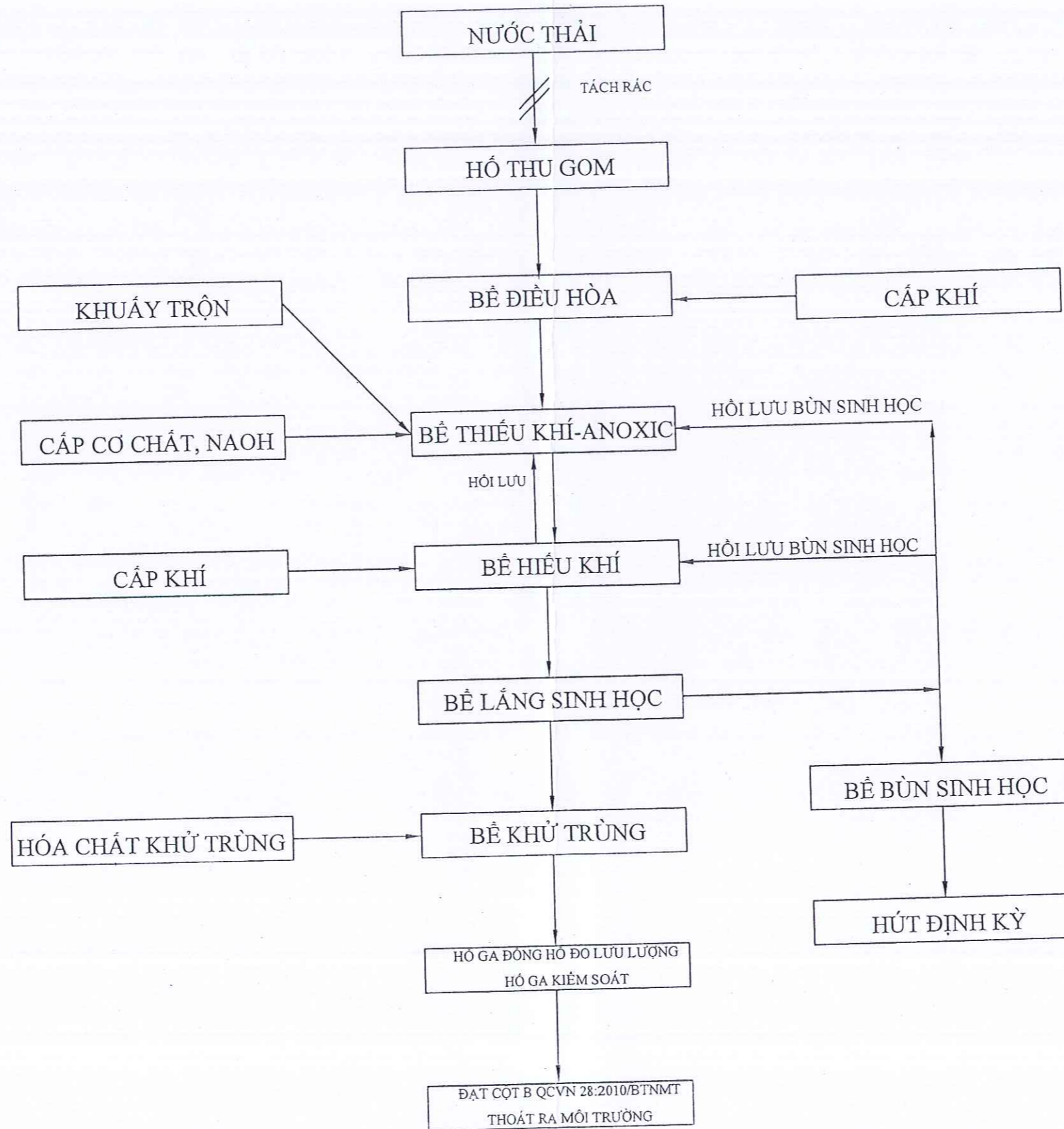
DỰ ÁN : BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM : XÃ NGHI PHÚ - THÀNH PHỐ VINH - TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC: NHÀ XỬ LÝ HTKT

VINH, NĂM 2023

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



HIỆU CHỈNH		
A		
B		
C		
LẦN	THIẾT KẾ	DUYỆT


VINAGREEN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VINAGREEN GROUP
 ĐỊA CHỈ: SỐ 88, D. THỊNH VƯỢNG
 THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN
 SĐT: 02383.520.545 - HOTLINE: 0914.908.999
 EMAIL: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM


 CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
 RĂNG HÀM MẶT
 HOÀNG DUNG

TÊN CÔNG TRÌNH
 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM
 XÃ NGHĨ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

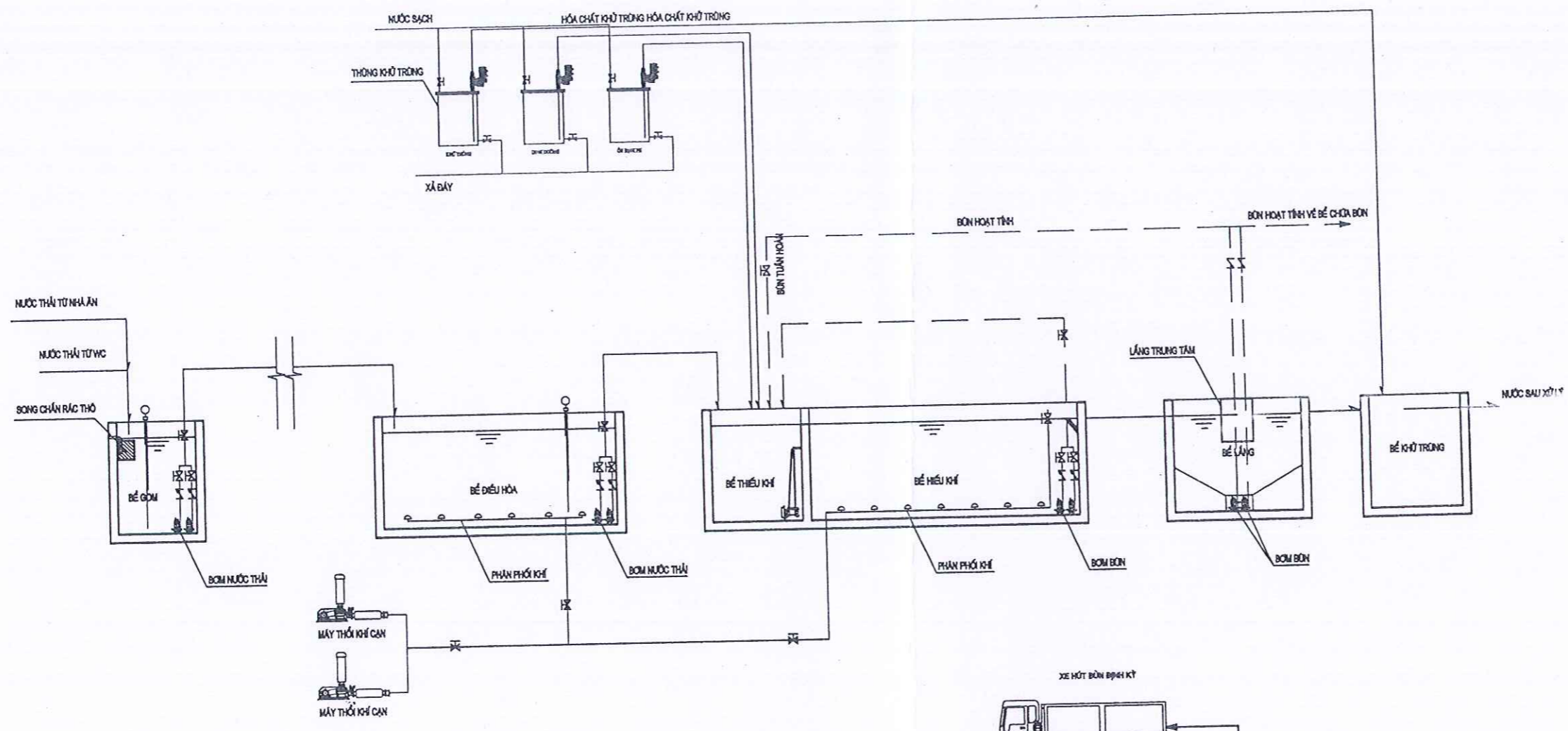
GIAI ĐOẠN	BVHC
-----------	------

TÊN BẢN VẼ

QL KỸ THUẬT	
PHAN VĂN VỆ	
THIẾT KẾ KÍ	
NGỒ XUÂN ĐỊNH	
KIỂM TRA	
PHAN VĂN VỆ	

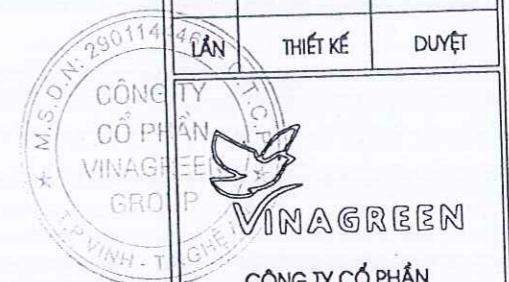
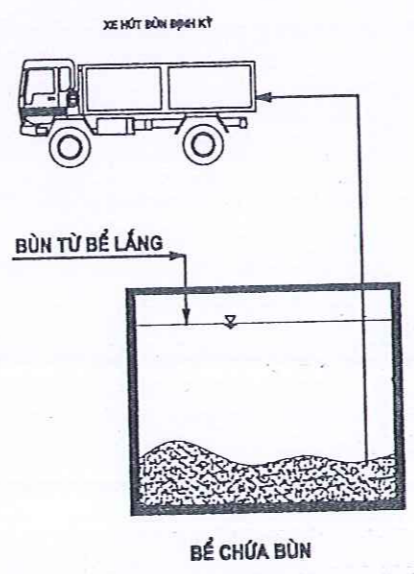
TỈ LỆ	
NGÀY	
K:HBV	

SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CÔNG SUẤT 80M³/NGÀYĐÊM



THUYẾT MINH

- NƯỚC THẢI TỪ CÁC NGUỒN TỰ CHẢY VỀ BỂ GÔM
- NƯỚC TỪ BỂ GÔM ĐƯỢC BƠM VỀ BỂ ĐIỀU HÒA
- NƯỚC TỪ BỂ ĐIỀU HÒA SAU ĐÓ ĐƯỢC BƠM QUA BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ
- TẠI BỂ XỬ LÝ THIẾU KHÍ CÓ KHUỶ TRỘN ĐỂ TĂNG HIỆU QUẢ XỬ LÝ
- NƯỚC THẢI SAU BỂ THIẾU KHÍ ĐƯỢC ĐƯA SANG BỂ XỬ LÝ SINH HỌC HIẾU KHÍ
- NƯỚC THẢI SAU BỂ HIẾU KHÍ ĐƯỢC ĐƯA SANG BỂ LẮNG
- NƯỚC SAU BỂ LẮNG SẼ ĐƯỢC LỌC VÀ KHỬ TRÙNG TRƯỚC KHI THẢ RA MÔI TRƯỜNG NGỒN
- BƠM TẠI BỂ LẮNG SẼ ĐƯỢC BƠM TUẦN HOÀN VỀ BỂ THIẾU KHÍ, HIẾU KHÍ, BƠM DƯ SẼ ĐƯỢC ĐƯA SANG BỂ CHỨA BÙN
- BƠM TẠI BỂ CHỨA BÙN SẼ ĐƯỢC BƠM HÚT ĐỊNH KỲ



Địa chỉ: Số 88, D. Thành Vương
 Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
 SĐT: 02383.620.645 - Hotline: 0914.908.999
 Email: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM

Chủ Đầu Tư: CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG
 HOÀNG DUNG
 TỈNH NGHỆ AN

Tên Công Trình: BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

Địa Điểm: XÃ NGHĨ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

Hạng Mục: HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

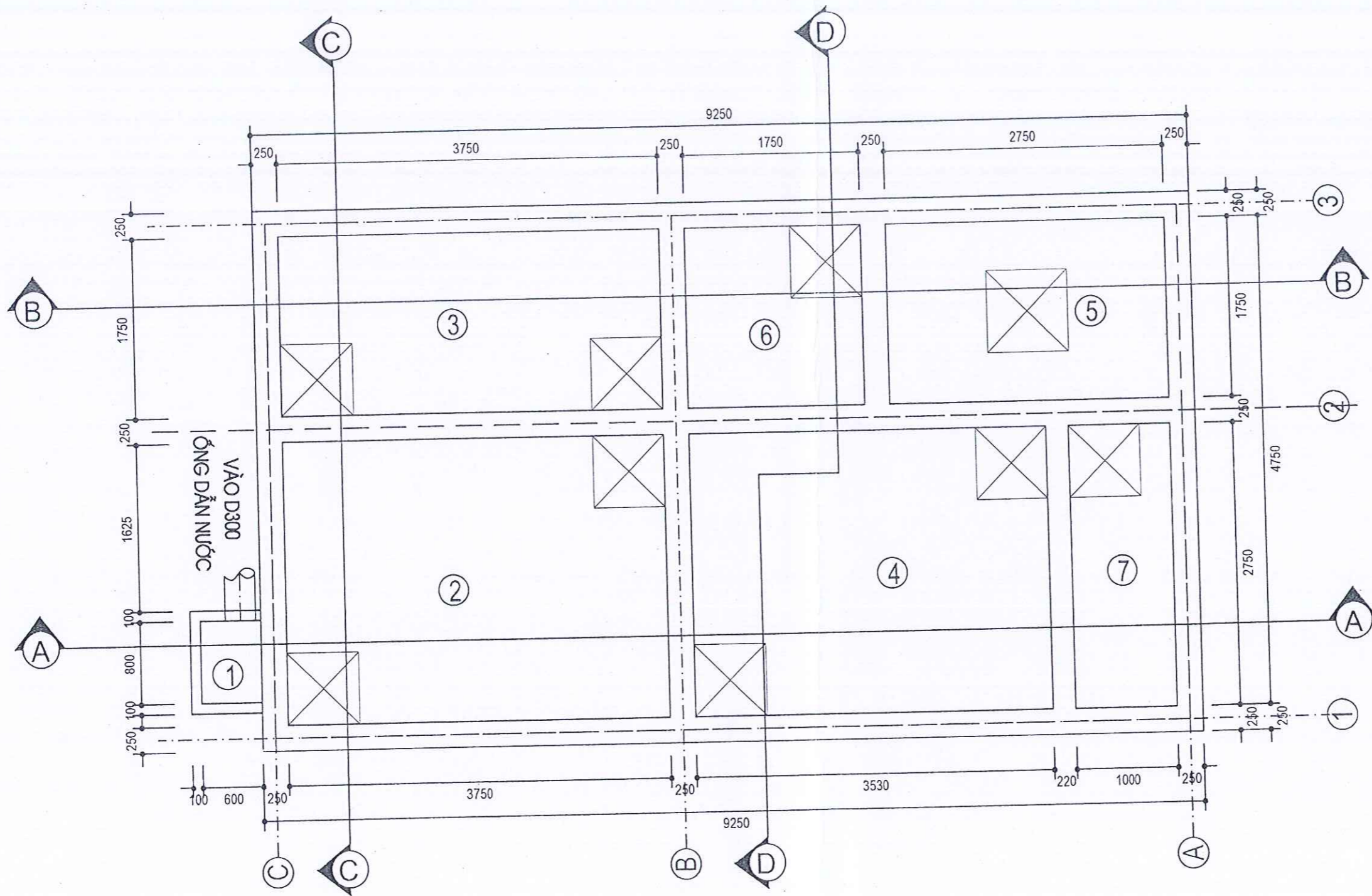
Giai Đoạn: BVHC

Tên Bản Vẽ:

QL Kỹ Thuật	
Phan Văn Việt	
Thiết Kế KT	
Ngô Xuân Định	
Kiểm Tra	
Phan Văn Việt	


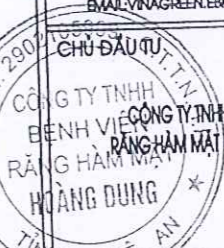



Tỉ Lệ:
 Ngày:
 K-HBV:

MẶT BẰNG KHỐI BỂ XỬ LÝ SƠ BỘ COS 0.40M

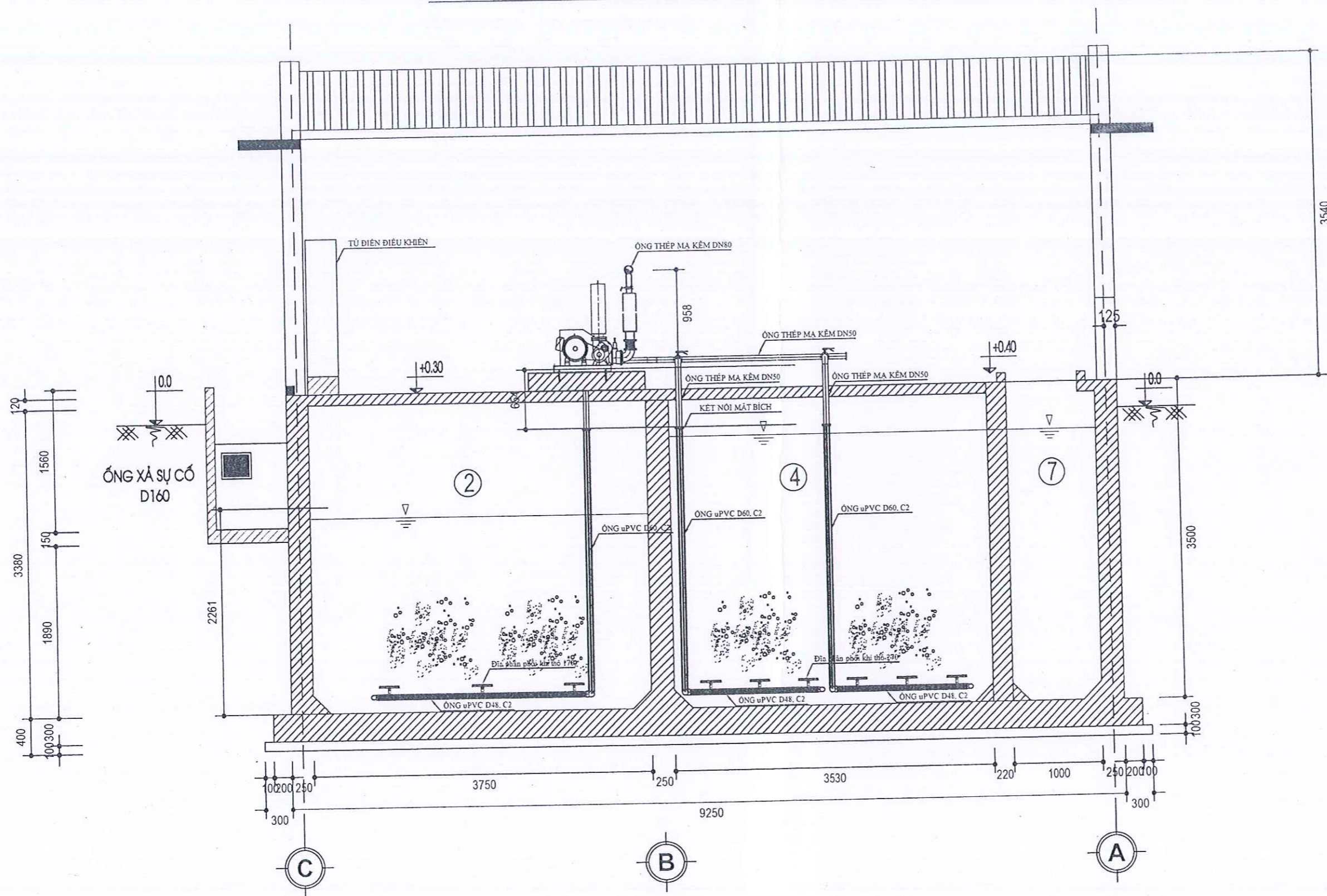


GHI CHÚ

01	BỂ GOM	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ KHỬ TRÙNG
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ CHỨA BÙN
04	BỂ HIẾU KHÍ		

HIỆU CHỈNH	
A	
B	
C	
LẦN	THIẾT KẾ DUYỆT
 VINAGREEN CÔNG TY CỔ PHẦN VINAGREEN GROUP ĐỊA CHỈ: SỐ 88, D. THỊNH VƯỢNG THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN SĐT: 02383.520.545 - HOTLINE: 0914.908.999 EMAIL: VINAGREEN.LEK@GMAIL.COM	
 CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG TỈNH NGHỆ AN	
TÊN CÔNG TRÌNH	
BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN	
ĐỊA ĐIỂM	
XÃ NGHĨ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN	
HẠNG MỤC	
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI	
GIẢI ĐOẠN	BVHC
TÊN BẢN VẼ	
QL KỸ THUẬT	
PHAN VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ KT	
NGÔ XUÂN ĐỊNH	
Kiểm tra	
PHAN VĂN VIỆT	
TỈ LỆ	
NGÀY	
K:HBV	

MẶT CẮT CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ



GHI CHÚ

01	BỂ GOM	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ KHỬ TRÙNG
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ CHỨA BÙN
04	BỂ HIẾU KHÍ		

MẶT CẮT A-A

HIỆU CHỈNH		
A		
B		
C		
LÀM	THIẾT KẾ	DUYỆT

VINAGREEN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VINAGREEN GROUP

Địa chỉ: Số 88, Đường Vương
 Thành Phố Vinh, Tỉnh Nghệ An
 SĐT: 02383.520.545 - Hotline: 0914.908.999
 Email: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM

CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH
 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG
 HOÀNG DUNG
 NGHỆ AN

TÊN CÔNG TRÌNH
 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

Địa điểm
 XÃ NGHỆ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

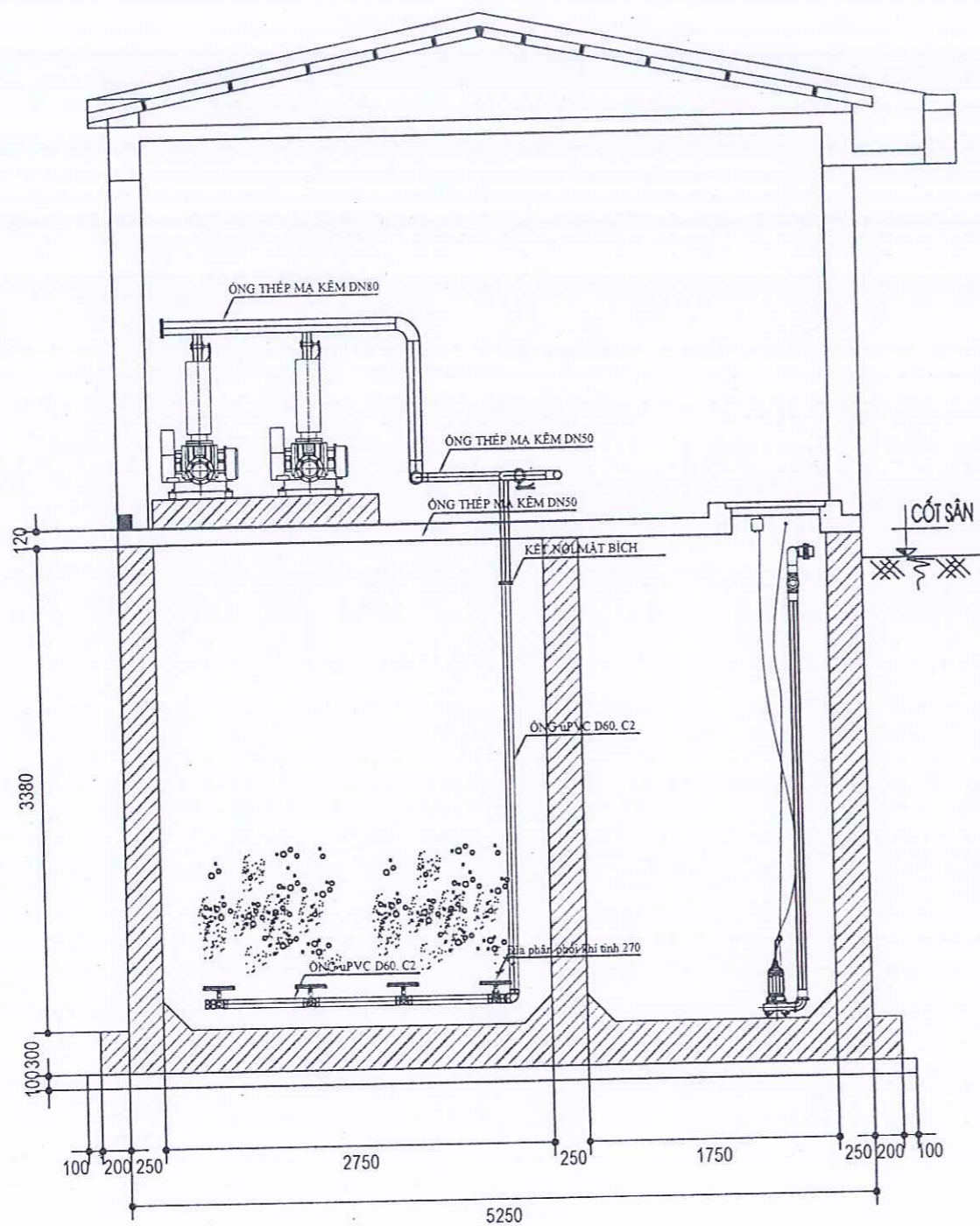
GIẢI ĐOẠN	BVHC
-----------	------

TÊN BẢN VẼ

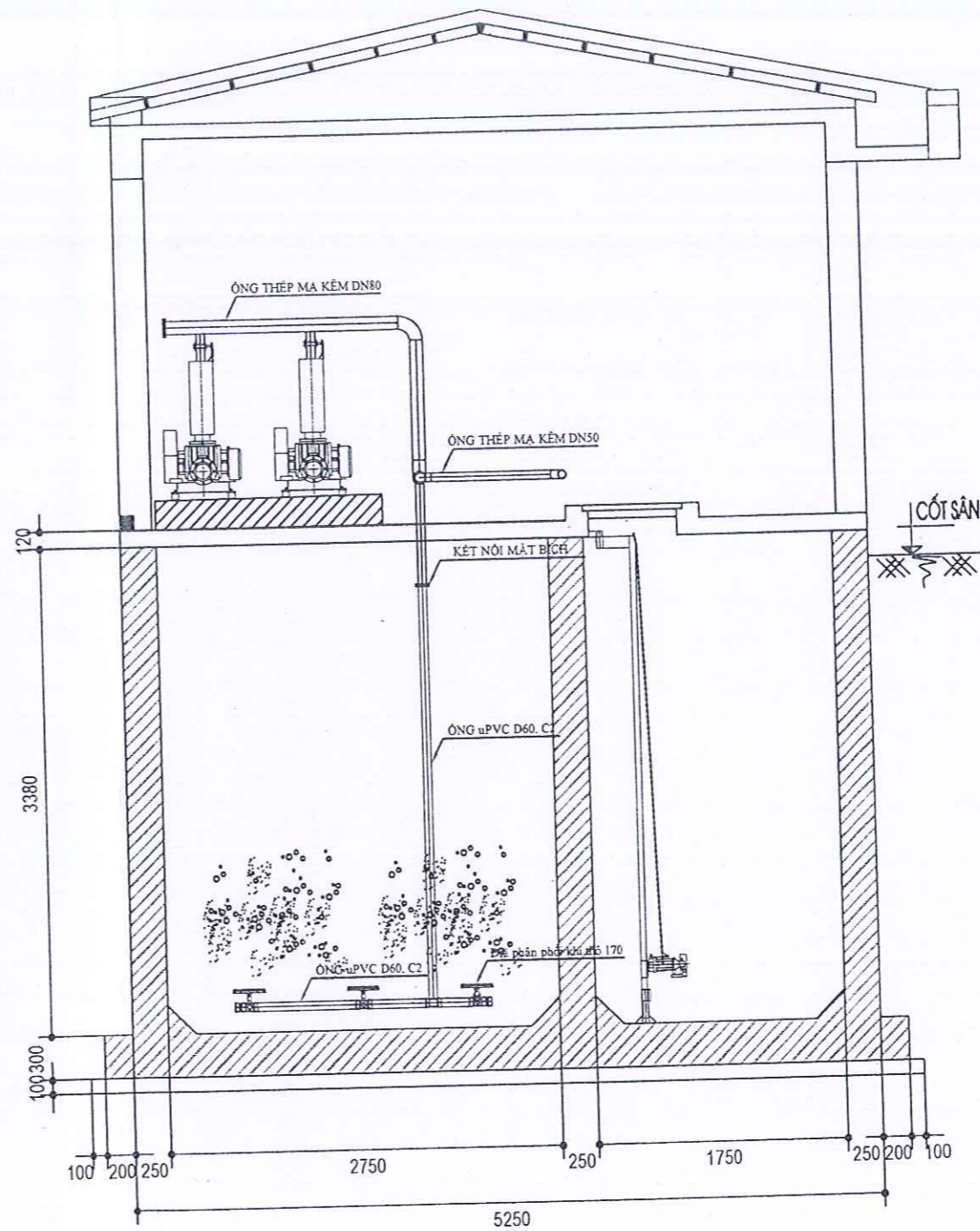
QL KỸ THUẬT	<i>[Signature]</i>
PHAN VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ KÍ	<i>[Signature]</i>
NGO XUÂN ĐỊNH	
Kiểm tra	
PHAN VĂN VIỆT	

Tỉ lệ	
Ngày	
KHBV	

MẶT CẮT CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG PHÂN PHỐI KHÍ



MẶT CẮT D-D



MẶT CẮT C-C

GHI CHÚ

01	BỂ GOM	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ KHỬ TRÙNG
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ CHỨA BÙN
04	BỂ HIẾU KHÍ		

HIỆU CHỈNH

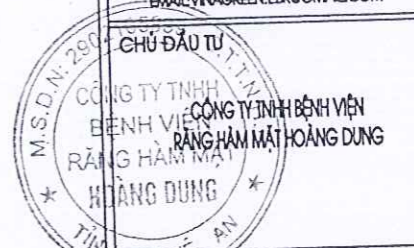
A		
B		
C		

LẦN THIẾT KẾ DUYỆT



CÔNG TY CỔ PHẦN
VINAGREEN GROUP

Địa chỉ: Số 88, D. THỊNH VƯƠNG
THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN
SĐT: 02383.520.545 - HOTLINE: 0914.908.999
EMAIL: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM



TÊN CÔNG TRÌNH
BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

Địa ĐIỂM
Xã NGHĨ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

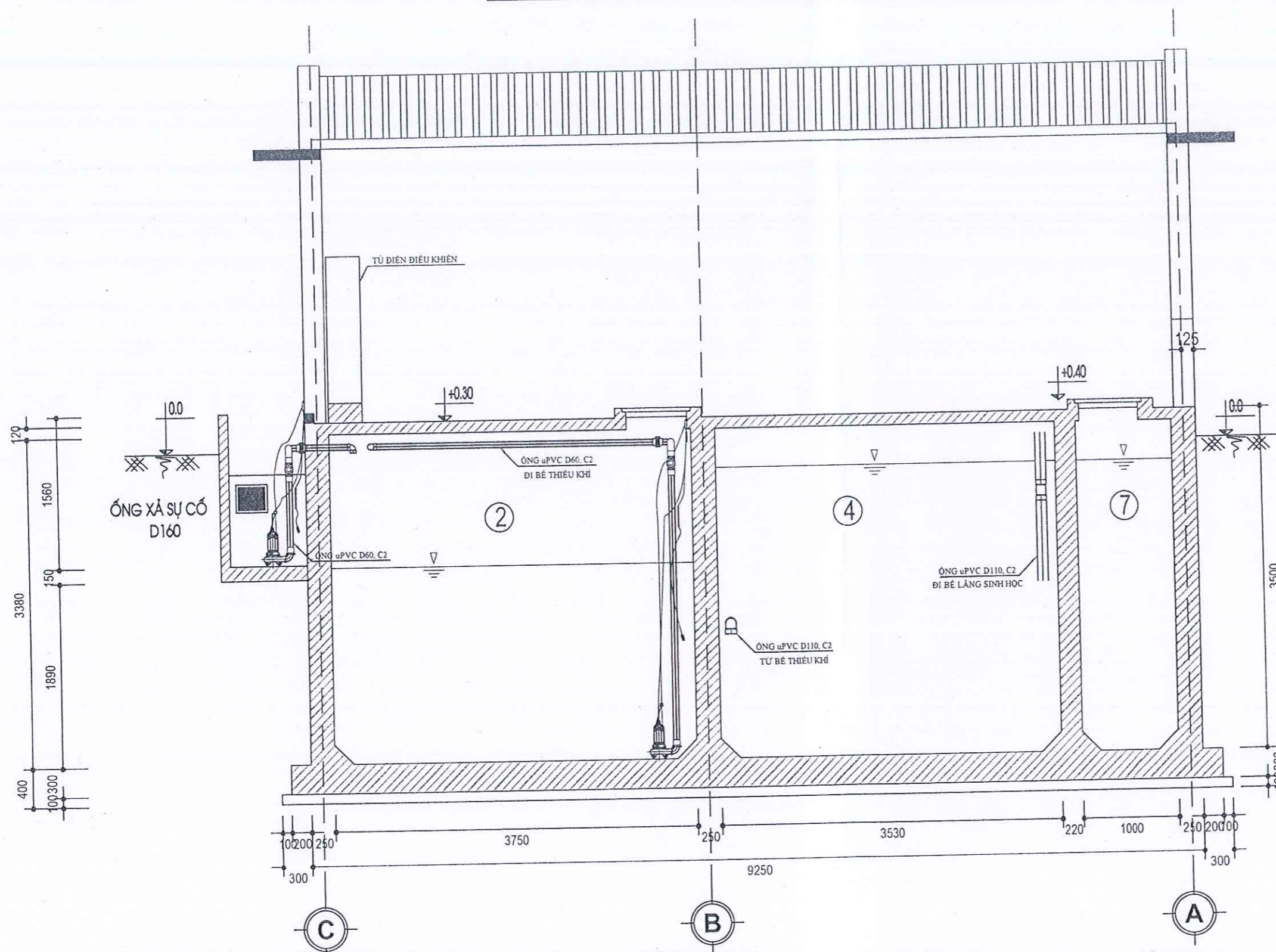
GIẢI ĐOẠN BVHC

TÊN BẢN VẼ

QL KỸ THUẬT	<i>[Signature]</i>
PHAN VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ KT	<i>[Signature]</i>
NGÔ XUÂN ĐỊNH	
KIỂM TRA	<i>[Signature]</i>
PHAN VĂN VIỆT	

TỈ LỆ
NGÀY
KHBY

MẶT CẮT CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC



MẶT CẮT A-A

GHI CHÚ

01	BỂ GOM	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ KHỬ TRÙNG
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ CHỨA BÙN
04	BỂ HIẾU KHÍ		

HIỆU CHỈNH		
A		
B		
C		
LẦN	THIẾT KẾ	DUYỆT

M.S.D.N: 290210

CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH VÀ THIẾT KẾ

VINAGREEN

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAGREEN GROUP

Địa chỉ: Số 88, D. THỊNH VƯỢNG, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN
 SĐT: 02383.520.645 - HOTLINE: 0914.908.999
 EMAIL: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH CÔNG TRÌNH VÀ THIẾT KẾ

BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG

HOÀNG DUNG

TỈNH NGHỆ AN

TÊN CÔNG TRÌNH

BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

Địa điểm

XÃ NGH PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

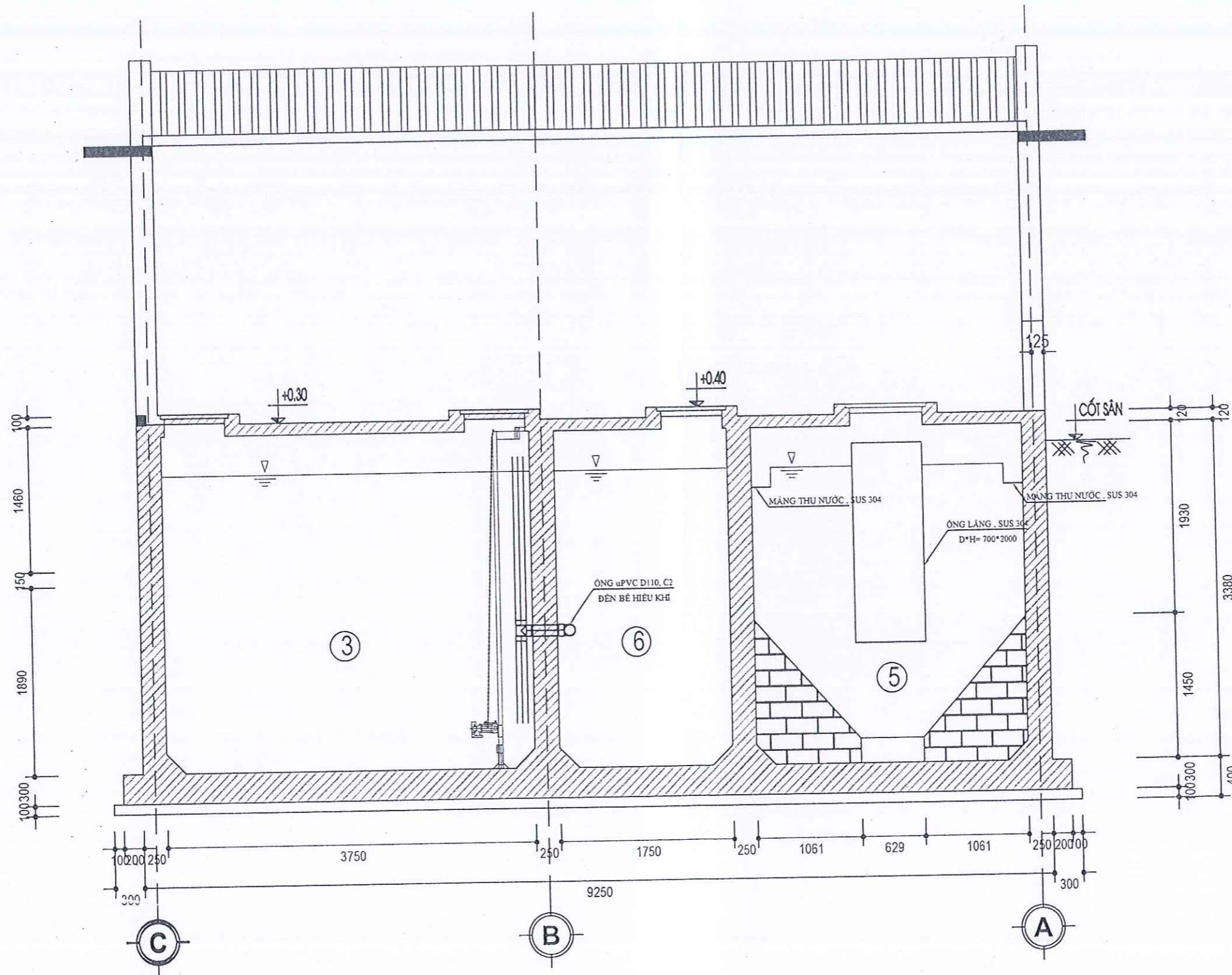
GIẢI ĐOẠN	BVHC
-----------	------

TÊN BẢN VẼ

QL KỸ THUẬT	<i>[Signature]</i>
PHAN VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ KT	<i>[Signature]</i>
NGÔ XUÂN ĐỊNH	
Kiểm tra	
PHAN VĂN VIỆT	

Tỉ lệ	
Ngày	
KHBV	

MẶT CẮT CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG DẪN NƯỚC



MẶT CẮT B-B

GHI CHÚ

01	BỂ GOM	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ KHỬ TRÙNG
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ CHỨA BÙN
04	BỂ HIẾU KHÍ		

HIỆU CHỈNH

A		
B		
C		
LÀN	THIẾT KẾ	DUYỆT

VINAGREEN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VINAGREEN GROUP
 ĐỊA CHỈ: SỐ 88, Đ. TỈNH VƯỢNG
 THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN
 SĐT: 02383.520.545 - HOTLINE 0914.908.999
 EMAIL: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM

CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
 RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG
 HOÀNG DUNG
 AN

TÊN CÔNG TRÌNH
 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM
 XÃ NGHỆ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

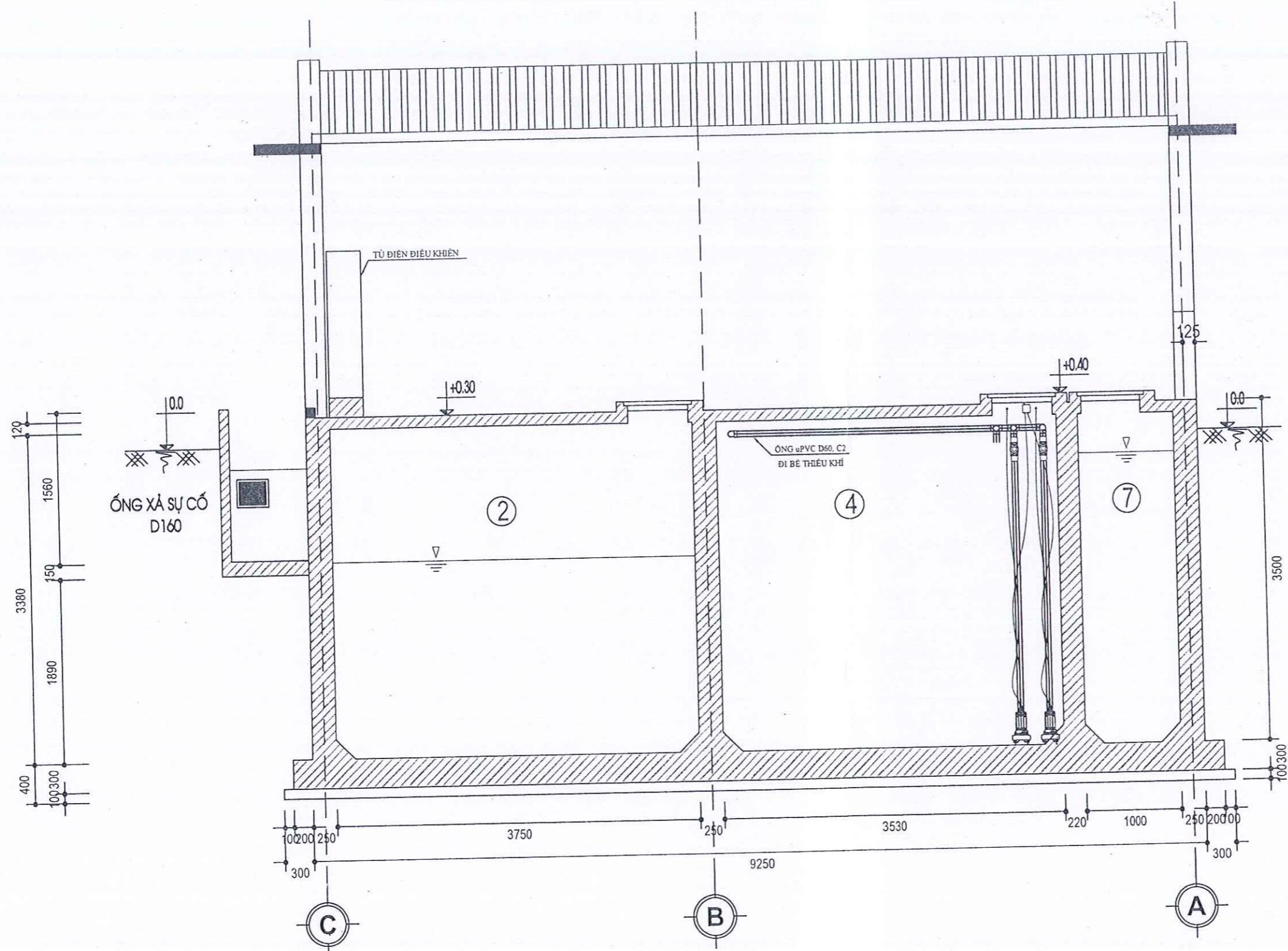
GIẢI ĐOẠN BVHC

TÊN BẢN VẼ

QUẢN LÝ KỸ THUẬT
 PHAN VĂN VIỆT
 THIẾT KẾ KỸ THUẬT
 NGUYỄN XUÂN ĐỊNH
 KIỂM TRA
 PHAN VĂN VIỆT

TỈ LỆ
 NGÀY
 KHBV

MẶT CẮT CHI TIẾT ĐƯỜNG ỐNG TUẦN HOÀN NƯỚC



MẶT CẮT A-A

GHI CHÚ

01	BỂ GOM	05	BỂ LẮNG SINH HỌC
02	BỂ ĐIỀU HÒA	06	BỂ KHỬ TRÙNG
03	BỂ THIẾU KHÍ	07	BỂ CHỨA BÙN
04	BỂ HIẾU KHÍ		

HIỆU CHỈNH		
A		
B		
C		
LÀM	THIẾT KẾ	DUYỆT


VINAGREEN
 CÔNG TY CỔ PHẦN
 VINAGREEN GROUP
 ĐỊA CHỈ: SỐ 88, D. THỊNH VƯỢNG
 THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN
 SĐT: 02383.520.645 - HOTLINE: 0914.908.999
 EMAIL: VINAGREEN.EBK@GMAIL.COM

CHỦ ĐẦU TƯ
 CÔNG TY TNHH BỆNH VIỆN
 RĂNG HÀM MẶT HOÀNG DUNG
 HOÀNG DUNG
 TỈNH AN

TÊN CÔNG TRÌNH
 BỆNH VIỆN RĂNG HÀM MẶT NGHỆ AN

ĐỊA ĐIỂM
 XÃ NGHỆ PHÚ, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH NGHỆ AN

HẠNG MỤC
 HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIẢI ĐOẠN | BVHC

TÊN BẢN VẼ

QL KỸ THUẬT	
PHAN VĂN VIỆT	
THIẾT KẾ KT	
NGÔ XUÂN ĐỊNH	
KIỂM TRA	
PHAN VĂN VIỆT	

TỈ LỆ	
NGÀY	
X/BBV	